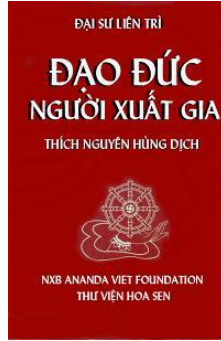


ĐẠO ĐỨC NGƯỜI XUẤT GIA



Đại sư Liên Trì
Thích Nguyên Hùng dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au>

Chuyển sang ebook 28-12-2018

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

TIỂU SỬ ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ

TỰA

CHƯƠNG 01 - THANH CAO VÀ GIẢN DỊ

- 1.1. Không mở trai đàn**
- 1.2. Lợi hòa đồng phân**
- 1.3. Sống chung với côn trùng và bụi bặm**
- 1.4. Ở ẩn bên suối**
- 1.5. Tiền rơi không nhìn**
- 1.6. Không giữ vải và lương thực**
- 1.7. Không nhớ đến tiền**
- 1.8. Cửa không đóng**
- 1.9. Chân nhân không lộ tướng**
- 1.10. Mặc lá sen, ăn hạt tùng**

- 1.11. Làm bạn với chim muông
- 1.12. Thiếu dục tri túc
- 1.13. Ước mong biến chúng thành tịnh
- 1.14. Đắp một y, ăn một bữa
- 1.15. Một mình giữ cửa chết
- 1.16. Không ăn tối
- 1.17. Hóa duyên trái lẽ
- 1.18. Thầy giảng pháp
- 1.19. Lợi ích của người xuất gia

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 02 - NGHIÊM CHÍNH

- 2.1. Không tiếp xúc với nữ giới, ni giới
- 2.2. Tuổi nhỏ không buông lung
- 2.3. Nghiêm huấn thị giả
- 2.4. Phá đồ đựng rượu
- 2.5. Không tiếp xúc người nữ
- 2.6. Nỗ lực bảo vệ chánh điện, thiền đường
- 2.7. Đuổi các cô ni ngang ngược
- 2.8. Không nhận sách tiên
- 2.9. Đóng cửa từ con
- 2.10. Kháng cự bất khuất
- 2.11. Phòng tâm ly quá
- 2.12. Suốt đêm chấp tay
- 2.13. Không nói chuyện đời
- 2.14. Thấy lỗi của Tăng
- 2.15. Môn đình cao tuấn
- 2.16. Người xuất gia đưa theo việc học thế tục

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 03 - HẠNH TÔN SƯ

- 3.1. Nỗ lực làm ruộng
- 3.2. Tự đánh trách mình
- 3.3. Vì thầy lễ Phật sám hối
- 3.4. Tuyệt ngập quá gối
- 3.5. Xa thầy tự trách
- 3.6. Đón thầy về ở chính đường
- 3.7. Hầu thầy lâu năm
- 3.8. Cẩn thận giữ gìn di mệnh của thầy
- 3.9. Vâng lời dạy của thầy suốt đời ẩn cư
- 3.10. Bình nạn không lìa
- 3.11. Sư Tánh Không
- 3.12. Lục quần Tăng

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 04 - HẠNH HIẾU THÂN

- 4.1. Thắng hội Vu Lan
- 4.2. Đích thân hầu hạ mẹ
- 4.3. Tuyệt thực để tang mẹ

- 4.4. Huyết lệ bi thương
- 4.5. Gánh mẹ đi nghe pháp
- 4.6. Đào giếng báo ân cha
- 4.7. Lễ tháp cứu mẹ
- 4.8. Ngộ đạo báo ân cha
- 4.9. Cắt chân xuất gia
- 4.10. Bán giày nuôi mẹ
- 4.11. Lòng chí thành cảm ứng đến hài cốt của cha
- 4.12. Khuyên mẹ niệm Phật vãng sanh
- 4.13. Cha mẹ phải lạy con?

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 05 - HẠNH TRUNG QUÂN

- 5.1. Giảng rõ về báo ứng
- 5.2. Khuyên thiện trừ họa
- 5.3. Luận về vận nước
- 5.4. Luận về giữ gìn trai giới
- 5.5. Luận về sự cúng dường
- 5.6. Thuyết pháp vua nghe bưng ngộ
- 5.7. Cảm hóa Đông cung thái tử
- 5.8. Khuyên bỏ sát sanh
- 5.9. Khuyên tu sám hối
- 5.10. Chịu phạt chứ không nói dối
- 5.11. Vịnh hoa can gián

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 06 - HẠNH TỪ VẬT

- 6.1. Nhẫn khổ cứu ngỗng
- 6.2. Nhịn khát đến chết để bảo vệ con vịt
- 6.3. Mua súc sanh nuôi
- 6.4. Thương kính hạnh bố thí
- 6.5. Mua hồ phóng sanh
- 6.6. Cắt tai cứu chim Trĩ
- 6.7. Đến gặp quan giúp người nghèo
- 6.8. Ở với người bệnh
- 6.9. Lấy miệng hút mủ cứu thương
- 6.10. Nuôi chuột
- 6.11. Dệt chăn nuôi chó
- 6.12. Thương người bệnh thối
- 6.13. Chăm sóc người bệnh gặp thánh hiền
- 6.14. Quét đường trước khi đi
- 6.15. Cứu giúp những người ăn mày
- 6.16. Truyền giới – phóng sanh
- 6.17. Chăm sóc người bệnh như chính bản thân mình

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 07 - CAO THƯỢNG

- 7.1. Trốn chạy sự ân sủng
- 7.2. Đạo phong thanh thoát

- 7.3. Không thọ hưởng sự cúng dường của vua
- 7.4. Vua đến không đón, khi về không tiễn
- 7.5. Không giao du với người phú quý
- 7.6. Không dẫn đường cho giặc
- 7.7. Không vào cung
- 7.8. Thà chết không vào cung
- 7.9. Ba lần xuống chiếu mời vào cung đều từ chối
- 7.10. Chiếu thư đến không đứng lên
- 7.11. Chịu chết nuôi Tăng chúng
- 7.12. Không dự yến tiệc
- 7.13. Không nhận y và danh hiệu
- 7.14. Dứt khoát từ chối nhận y đồ
- 7.15. Không thích ở vương cung
- 7.16. Dấu thư giới thiệu vào trong tay áo
- 7.17. Bỏ thư không xem
- 7.18. Đốt bình bát bằng gỗ quý trước mặt sứ giả
- 7.19. Nhân quả tu hành
- 7.20. Thích đồ cổ
- 7.21. Hộ pháp
- 7.22. Xuất gia

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 08 - TRÌ TRỌNG

- 8.1. Sau khi được truyền pháp ẩn cư rất lâu
- 8.2. 10 năm bí mật
- 8.3. Không nói những điều linh dị
- 8.4. Dấu vết trong đám tiêu phu – mục đồng
- 8.4. Mọi việc đều do duyên khởi
- 8.5. Đóng cửa nhiều năm
- 8.6. Ở lâu trong rừng sâu
- 8.7. Tám lần mời không đi
- 8.8. Trọng pháp ẩn cư trong núi
- 8.9. Ẩn cư trong chùa cũ
- 8.10. Việc mình mình tự lo mới có thể vì mọi người
- 8.11. Làm việc chắc chắn, lớn tuổi rồi mới vào đời
- 8.12. Trước thuật nên ở cuối đời

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 09 - HẠNH GIAN KHỔ

- 9.1. Nhiều năm tu hạnh đầu đà
- 9.2. Trải qua đủ mọi hiểm nạn
- 9.3. Để tang khi Phật pháp bị hủy diệt
- 9.4. Châm kim vào đùi để chế tâm vọng niệm
- 9.5. Sang Tây Trúc thỉnh kinh
- 9.6. Việc lao nhọc làm trước
- 9.7. Rặn rệp trên người không bỏ
- 9.8. 6 năm già gạo
- 9.9. Không làm không ăn

- 9.10. Vạn dặm quyết nghị
- 9.11. Tự tay làm việc với chúng
- 9.12. Khiêm cung làm việc cực khổ
- 9.13. Khắc khổ làm việc chúng
- 9.14. Làm việc không từ lao nhọc
- 9.15. Thường hành khát thực
- 9.16. Hành cước
- 9.17. Cấp tham cấp ngộ

TỔNG LUẬN

CHƯƠNG 10 - CẢM ỨNG

- 10.1. Tinh thần cảm giới
- 10.2. Sám hối được diệu âm
- 10.3. Nguyện ngôi toà sư tử
- 10.4. Thay đầu trong mộng
- 10.5. Sám hối về tội phá giới
- 10.6. Bệnh tật được khỏi
- 10.7. Cần khổ tu hành được chứng ngộ
- 10.8. Lễ Phật sám hối kéo dài tuổi thọ
- 10.9. Tụng kinh kéo dài tuổi thọ
- 10.10. Đóng chuông cứu khổ
- 10.11. Thiên thần bảo vệ
- 10.12. Cảm thấy tịnh độ
- 10.13. Nước cam lồ rót vào miệng
- 10.14. Sám hối được thọ ký
- 10.15. Trong miệng mọc hoa sen
- 10.16. Thầy thí thực

TỔNG LUẬN

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Đại sư Liên Trì là một vị Thiền sư lớn, tinh thông Tam tạng, có kiến giải và sở chứng. Ngài không những chỉ được người đương thời trọng vọng, mà kẻ hậu thế cũng không ngớt lòng kính ngưỡng.

Ngài sáng tác rất nhiều, và đều là những tác phẩm nổi tiếng, tinh tú, độc đáo và sâu sắc. Thời bấy giờ rất được nhiều người ưa thích. Thậm chí, có người người đã mạo danh của ngài để in sách trục lợi. Thế mới biết sách của ngài rất thịnh hành. Thiền sư Hám Sơn¹ từng nói: “Tài của sư Liên Trì đủ để dùng sửa trị việc đời, sở ngộ của sư đủ để truyền tâm ấn, lời dạy đủ để kế cơ, giới hạnh đủ để hộ pháp, khí tiết đủ để khích lệ người đời, thanh quy đủ để cứu chỗ hư nát trong thiền môn; cho đến lục

¹ Thiền sư đời nhà Minh, họ Thái, tên Đức Thanh (1546-1623), tự Trùng Ấn, hiệu Hám Sơn, người xứ Toàn Tiêu (nay thuộc tỉnh An Huy), 12 tuổi theo học kinh ở chùa Báo Ân, 19 xuất gia, thọ 78 tuổi.

độ vạn hạnh, lòng từ ban vui, tâm bi cứu khổ, nơi sư đều thành tựu đủ cả”. Hám Sơn còn nói: “Nhìn lại trên từ chư tổ, những người đơn thân độc mã tiến đến nẻo giác, những người đã thấy được Phật tánh ngay nơi chốn trần lao này, không hẳn đã tu đủ cả vạn hạnh, nhưng làm cho vạn hạnh sáng rõ nơi chính bản tâm của mình, thì trừ thiền sư Vĩnh Gia, chỉ còn có một mình sư Liên Trì là đủ tư cách ấy mà thôi!” Theo lời nhận xét này thì biết, nếu Liên Trì không phải là Bồ tát phương tiện thị hiện thì không thể nào đạt đến công hạnh như vậy.

Tôi đặc biệt ngưỡng mộ Thiền sư Liên Trì, có lẽ cũng do nhân duyên. Tôi rất thích đọc sách, và ưu tìm hiểu chỗ uẩn khúc trong đó. Một hôm, đọc xong cuốn *Lãng Nghiêm kinh mô tượng ký* và cuốn *Trúc Song Tuy Bút* của đại sư Liên Trì, tôi không ngăn được xúc động, vỗ tay mạnh xuống bàn mà thán rằng, ô Thiền sư Liên Trì cũng có cái thói quen ưa tìm chỗ bí ẩn trong kinh sách đó!

Những tác phẩm của Đại sư Liên Trì, mỗi chữ là mỗi viên châu ngọc, mỗi câu mỗi hàng đều có thể tháo gỡ được chỗ vướng mắc, cởi mở được chỗ trói buộc của người chưa hiểu, chưa biết; hình như những cuốn sách ấy ra đời là để giải đáp những vấn đề thắc mắc, hoài nghi của người đời. Tôi trộm nghĩ bản thân mình nghiệp chướng sâu dày, đã bị trầm luân trong sanh tử luân hồi từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng dám ngửa mặt nhờ ân trạch của Vân Thê, chỉ biết cảm khái mà thở than, rằng:

Ai người trước đã đi qua

Ai người sau rồi sẽ đến

Chỉ thấy trời đất mênh mang

Một mình túi thân rơi lệ!

Thời này là thời kỳ mạt pháp, nhưng tâm người xét thấy vẫn uyên nguyên nguồn cội! Chánh pháp suy vi, yêu tà nổi dậy bốn phương, nhưng xét nghĩ, nếu Tứ chúng đệ tử Phật ra sức chấn hưng, nỗ lực dẹp trừ ma chướng, có thể thay đổi được cuộc thế suy đồi, chưa hẳn là không tạo được không khí trung hưng. Vì lẽ đó, tôi phát tâm ấn loát lại cuốn sách này, bằng cả nguyên văn bản gốc (Hán cổ) và chua thêm phần văn bạch thoại, giải thích thêm chút ít. Lý do là bởi nội dung của cuốn sách này không chỉ làm gương mẫu cho người xuất gia, mà còn là kim chỉ nam tu tập cho cả người cư sĩ tại gia. Việc làm chẳng có gì to tát, nhưng vì là kẻ hậu học, tài trí thô thiển, thì việc nhỏ thế này cũng thành

ra quá khó, dám xin chư đại đức trong mười phương không tiếc lời mà còn thương xót chỉ giáo cho thì thật là hân hạnh!

Sau cùng, xin chân thành cảm tạ ân sư thượng Quảng hạ Hóa, giáo thọ sư Hứa Thành Chương, và tiên sinh Tống Nhân Hoàng, những người đã chỉ đạo và phê duyệt cho cuốn sách này, cùng với Pháp sư Huệ Tịnh đã cung cấp tư liệu. Nơi đây xin nhận cho con lòng tri ân sâu sắc.

Dân quốc, tháng 8, năm 73

Tịnh nghiệp học nhân

Ngô Cẩm Hằng

Kính bút.

---o0o---

TIỂU SỬ ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ

Đại sư Liên Trì (1532-1612), cao tăng đời nhà Minh. Sư người Hàng Châu, họ Thẩm, tự Phật Tuệ, hiệu Liên Trì. Thuở nhỏ theo Nho học. 17 tuổi đã đứng đầu môn sinh, quyết lấy việc học hành làm sự nghiệp. Sau do ảnh hưởng bạn bè, sư để tâm đến pháp môn Tịnh độ, viết bốn chữ “Sanh tử sự đại” treo trên đầu giường để tự cảnh tỉnh. Tuổi trung niên, sư quy y theo Phật, đến Vô Môn Tánh Thiên ở Tây Sơn xin xuất gia. Rồi bái Vô Trần ở Chiêu Khánh cầu thọ giới cụ túc. Sau, sư vân du bốn phương tham thiền, học đạo.



Đại sư Liên Trì (1532 - 1612)

Niên hiệu Long Khánh thứ 5 (1571), sư đến Hàng Châu, trụ ở núi Vân Thê, thường tịnh tu niệm Phật tam muội, giáo hóa xa gần, học trò dần dần vân tập, núi ấy bỗng chốc trở thành Tông Lâm. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 12 (1584), sư sáng tác *Vãng Sanh tập*, 3 quyển; Vạn Lịch năm 30, sư tuyển *Lãng Nghiêm kinh mô tượng ký*, 1 quyển.

Đương thời, giới đàn đã lâu lắm không được thực hành, sư bèn cho những người cầu thọ giới cụ túc chuẩn bị đủ ba y, đến trước Phật đài truyền giới, thỉnh Phật làm chứng minh. Rồi sư chế định *Thủy lục nghi vấn* và *Du già diệm khẩu pháp*, để chấn tế cứu khổ cho chúng sanh ở cõi u minh. Sư còn xây dựng hồ phóng sanh ở trong và ngoài thành, biên soạn văn *Giữ giới - phóng sanh*, khuyên mọi người chớ thương tổn đến loài vật. Sư chủ trương tu tập pháp môn Tịnh độ, đồng thời nỗ lực xiển dương Thiền Tịnh song tu, khiến cho đạo phong tỏa khắp, lợi lạc vô cùng. Những người trí thức trong thiên hạ như Tống Ứng Xương, Lục Quang Tổ, Phùng Mộng Trinh... bấy giờ đều được cảm hóa, theo sư học đạo.

Cuối đời, sư nhuốm bệnh, lại càng nỗ lực siêng tu tịnh nghiệp, viết 32 *điều bất tường* để cảnh tỉnh mình và người; lại viết *Ba điều đáng trách*, *10 điều đáng khen*, để khuyến tấn đồ chúng. Niên hiệu Vạn Lịch thứ 40, sư thị tịch, thọ 81 tuổi. Người đời tôn xưng: Vân Thê Hòa thượng, Liên Trì đại sư.

Tác phẩm còn có: *Thiền Quan Sách Tấn*, *Phạm Võng Giới Sớ Phát Ấn*, *A Di Đà Kinh Sớ Sao*, *Hoa Nghiêm Kinh Cảm ứng Lục Ký*... tổng cộng có hơn 30 tác phẩm.

---o0o---

TỰA

Hôm nọ, lúc tôi chuẩn bị viết bài tựa cho cuốn sách này, có một vị tăng đến thăm, và hỏi rằng:

- Người xuất gia cần phải làm những việc gì?

Tôi tình thật trả lời:

- Cầu đạo, làm đạo.

Vị ấy lại hỏi:

- Cầu đạo, việc căn bản nhất phải làm là gì?

Tôi nói:

- Là tu bồi đạo đức, giới hạnh.

Vị tăng ấy liền nói:

- Ôi, thầy thật là cố chấp! Người thượng căn lợi khí thì nhờ trí huệ mà vào đạo, kẻ hạ căn độn khí thì chỉ có tu phước mà thôi. Cho nên, người xuất gia cần nhất là phải cầu cho được trí huệ, có trí huệ thì tự nhiên đầy đủ tất cả, cần gì phải tu bồi đạo đức, tu tập giới hạnh?

Tôi nghe vậy, lòng vô cùng ái ngại, nhưng vẫn nhỏ nhẹ thật tình: - Người xưa từng nói, đạo đức là gốc căn bản làm người. Lại nói, ở đời người muốn lập chí lớn, làm việc lớn, trước hết phải tự lượng khí chất và năng lực của mình, hưởng chi pháp của Phật, bậc Chánh đẳng giác, cao thâm vi diệu, lẽ nào người thường có thể tùy tiện tiếp nhận, lãnh ngộ được sao?

Cũng giống như người có sữa của sư tử, thứ ấy là quý, mà không biết dùng bình lọ quý báu như lưu ly để cất giữ, lại đem bỏ trong mảnh sành, bình đất thì không phải là phí phạm, để cho hư nát hay sao? Lại giống như một người lực sĩ, khiêng chiếc đỉnh nặng ngàn cân, leo lên chiếc thuyền lá bé nhỏ, thì làm sao tránh khỏi cái nạn lật thuyền mà chết?

Ngày nay, người xuất gia có chút ít tri thức, thì đã vội vàng tập tành học cách chú giải, khảo cứu, biên chép... chẳng khác nào những thư sinh nhà Nho chuyên làm con mọt sách. Người có tri thức trình độ hơn chút nữa, thì tầm chương trích cú những lời dạy của cổ nhân, vay mượn một cách máy móc, biên chép lại thành sách rồi cho là của mình; nắm bắt những thứ cặn bã, vụn vặt như ngói gạch phế thải... của chư vị Tổ sư đã bỏ đi, vậy mà cứ cho là của mình sáng tác; thật đúng là làm trò thả hình bắt bóng, chẳng được gì cả, ngược lại còn làm trò cười cho kẻ trí! Những hạng người này, giảng kinh thuyết pháp nghe hùng hồn lắm, mỗi chữ mỗi câu đều phảng phất như lời chư Phật, chư Tổ, rất cao minh, nhưng khảo sát lại hành vi của họ thì chẳng khác nào những kẻ phàm phu tục tử. Thời kỳ mật pháp, những hạng người bại hoại như vậy thật nhiều lắm!

Tôi rất lo lắng, sợ những người xuất gia rơi vào những tình cảnh nông nổi như vừa nói trên, cho nên mới sưu tập, ghi chép lại những thiện hạnh của người xưa, trích lấy phần trọng yếu, phân thành mười loại. Mười loại ấy là gì?

Từ bỏ mọi sự nhiễm ô của thế tục, gọi là xuất gia. Xuất gia, điều đầu tiên phải nói đến là sự thanh cao và giản dị, cho nên, thiện hạnh thứ nhất mà người tu phải noi theo học tập là **Thanh tố**. Nhưng thanh cao mà không nghiêm chính thì chỉ là cái thói làm cao của kẻ cuồng sĩ. Người học Phật

nhất định phải thâm nhiếp ba nghiệp thân, khẩu, ý cho thanh tịnh thì mới có cơ hội thành tựu đạo nghiệp, cho nên điều thiện hạnh thứ hai phải học là **Nghiêm chính**. Hành vi nghiêm chính cần phải nương nhờ thầy chỉ dạy, mới tránh khỏi sai lầm. Người thầy là bậc mô phạm, nuôi dạy ta thành người, cho nên điều thiện hạnh thứ ba là phải **Tôn sư**. Có cha mẹ sanh ta, nuôi ta lớn khôn, sau mới có thể tiếp nhận sự giáo dục của thầy, quên mất công ơn cha mẹ là bất hiếu, vong bản. Vả lại, giới hạnh luật nghi tuy rất nhiều, nhưng điều quan trọng nhất vẫn là hiếu hạnh, cho nên, điều thiện hạnh thứ tư là **Hiếu thân**. Kẻ trung thần xuất thân từ người con hiếu. Đạo lý trung hiếu phải vẹn toàn, chỉ biết có tình thân, không biết có ân quân chủ, quốc gia thì đó là hành vi của người tự tư tự lợi. Trong sách có ghi: “một người có phước, vạn dân đều nhờ”, là ý nói khi có một bậc quân chủ đức độ nhiếp chính thì quốc thái dân an, chúng ta nhờ vậy mà có thể được xuất gia, tự do đi lại khắp núi rừng sông suối để ẩn cư tu tập. Ân quốc gia cũng thật lớn thay! Cho nên, điều thiện hạnh thứ năm là phải trung thành với đất nước, **Trung quân**. Nhưng nếu chỉ biết đến đạo lý trung quân, tức là chỉ giao tiếp qua lại với các cấp chính quyền lãnh đạo, mà không quan tâm đến nhân dân, những người tín chủ đã ủng hộ mình tu tập thì cũng không tròn đạo lý. Nên cần phải nghĩ nhớ đến những người chân lấm tay bùn, nghèo khổ bần cùng, đó là điều thiện hạnh thứ sáu, **Từ vật**. Từ và ái rất gần gũi. Người xuất gia mà sinh lòng ái nhiễm là một điều chướng ngại lớn cho việc tu hành, vì vậy, điều thiện hạnh thứ bảy là phải sống cho **Cao thượng**. Nhưng cao thượng không có nghĩa là cô phương tự phụ. Người xuất gia giữ khoảng cách với mọi người là để yên thân tu tập, một mặt là để trau dồi bản thân, hoàn thành xứ mạng tự độ của mình, sau đó, khi công phu tu tập đã cao thâm rồi thì tự nhiên đạo hạnh sáng rõ muôn phương, khi ấy là lúc trở lại hóa độ chúng sanh. Đó là điều thiện hạnh thứ tám, **Trì trọng**. Trì trọng là cẩn thận mà ẩn cư, tìm chốn thanh nhàn vô sự như thế chẳng qua cũng là bắt đắc dĩ, vì đạo hạnh chưa thâm, cho nên phải chịu **Gian khổ**, đó là điều thiện hạnh thứ chín. Tuy nhiên, cũng có người sợ sự gian khổ ở ngoài đời mà tìm đến núi rừng, chùa viện để ẩn cư, trốn tránh việc đời, trở nên những kẻ vô công, ăn nhờ cửa Phật, đó không phải là hành vi gian khổ mà là mượn đạo tạo đời, đạo tâm đã thui chột. Một khi đạo tâm đã thối lui rồi thì không việc ác nào lại không dám làm. Kỳ thật, đạo lý nhân quả báo ứng không chừa một ai, dù nhỏ như sợi lông hạt bụi vẫn chưa bao giờ sai khác. Cho nên, người xuất gia không thể không nghĩ đến nhân quả báo ứng, đó là điều thiện hạnh thứ mười, **Cảm ứng**, tức là phải luôn luôn ghi nhớ luật nhân quả.

Mười điều thiện hạnh trên đây nếu tu tập đầy đủ thì đạo hạnh mới hoàn thiện, mới trở thành nhân tài có thể kham nhận Phật pháp. Cũng giống như đất đai đã được cải thiện phì nhiêu, mầu mỡ rồi sau đó mới có thể trồng cây, gieo hạt được tốt tươi. Đất tâm cũng vậy, một khi đã được tinh thuần rồi thì đạo lý mới có thể tin hiểu, thọ trì; đạo lớn bồ đề chí cao vô thượng mới có thể kỳ vọng thành tựu. Nếu không như lời trên đây để tu hành thì chỉ là một phùng phạm phu bỉ lậu mà thôi! Đạo lý làm người mà không làm được, thì làm sao học làm Phật? Dù thầy là người thượng căn lợi khí, rất mực tài trí thông minh đi nữa, cũng chỉ có hại mà thôi. Trí lực càng cao, chướng ngại càng lớn, tu hành càng khó thành tựu. Người không có đạo hạnh như vậy làm sao có thể làm người xuất gia tu hành?

Khi tôi nói xong mấy lời trên đây thì vị tăng ấy lại nói:

- Diệu pháp tu tập của tôi là một hạt bụi không lập, xưa nay không một vật, bụi bặm bám vào đâu? Mười thiện hạnh của ngài đem dùng vào chỗ nào?

Tôi trả lời:

- Rõ ràng là năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đang thiêu đốt mạnh mẽ, rối loạn khắp nơi; bốn đại địa, thủy, hỏa, phong đang gây phiền phức khắp chốn, sao lại nói không có vật gì?

Vị tăng ấy cãi:

- Bốn đại vốn không có tướng, năm uẩn vốn chẳng có thật.

Tôi nghe vậy liền bước đến trước thầy ấy đánh cho một tát, nói:

- Hiện nay, kẻ học đòi lời lẽ của người xưa để biểu thị kiến giải của mình rất nhiều. Thầy đáp chưa trúng vào đâu cả, hãy thử dùng kiến giải của chính bản thân thầy đáp lại tôi xem.

Vị tăng ấy không đáp được, giận dữ bỏ đi. Khi ấy tôi cười mà nói:

- Bây giờ trên mặt thầy đầy vẻ giận dữ, đó chính là bụi bẩn của bốn đại và năm uẩn đấy, sao thầy không lau đi!

Người xuất gia cần phải chú ý! Lên cao phải tự biết mình bé nhỏ, chớ nên tự đại, đừng vọng nói Bát nhã, lạm giải Tánh không mà tự chuốc lấy tai ương. Và, ngàn vạn lần xin khuyên người xuất gia đừng vì một chút danh lợi bèo bọt, hư vinh mà tham đắm. Hãy tu dưỡng phẩm hạnh đạo đức của mình, đem hết tâm lực tinh thần mà tu tập, quyết một phen sống chết, lâu ngày tự nhiên tâm được bừng mở, cửa ngõ giác ngộ bước đến nơi, sau đó mới có được sự thể hội chân chính, không bỏ vạn hạnh cũng

chẳng nhiệm trần; suốt ngày không chấp không mà cũng chẳng chấp có, đó chính là đạo lý đệ nhất nghĩa đế: chân không diệu hữu. Đây mới là trí tuệ chân thật của nhà Phật. Xin những người xuất gia hãy một lần để tâm tham cứu.

Tôi rất lấy làm hổ thẹn vì đạo lớn vẫn còn chưa thể hội, thêm nữa đức hạnh mỏng manh, viết cuốn sách này, mục đích chủ yếu là muốn cứu vãn những căn bệnh của người xuất gia ngày nay, để báo đáp ân đức của chư Phật mà thôi. Người có trí thấu tình đạt lý, nếu không vì chỗ nông cạn của tôi mà bỏ qua những sơ xuất, hy vọng còn lưu thông cuốn sách này để cho mọi người tu thiền tham cứu thì thật là quý báu biết bao!

*Niên hiệu Vạn Lịch thứ 13
Hàng châu, ngày trọng Đông
Sa môn Châu Hoằng*

---o0o---

CHƯƠNG 01 - THANH CAO VÀ GIẢN DỊ

1.1. Không mở trai đàn

Vào thời Nam Bắc triều (420-589), đời nhà Tống (giòng họ Lưu), vua Vũ đế Lưu Dụ, hiệu Sở Sang, có một người xuất gia hiệu là Mân. Sư Mân xuất gia hồi mới 7 tuổi. Lớn lên bác thông kinh điển, tiếng đồn khắp nước, dân chúng thường gọi ngài là Mân pháp sư.

Mân pháp sư ưa kiến tạo, tu sửa chùa chiền, in kinh, đúc tượng, phóng sanh, bố thí... không một việc thiện nào, vì nhỏ, mà không làm, dù cho gian khổ, khó khăn, ngài cũng không ngại.

Có người hỏi sư: Công đức tu tập của Hòa thượng tính ra không phải nhỏ, nhưng đáng tiếc là chưa từng nghe ngài mở đại hội trai đàn chẩn tế, e rằng công đức ấy vẫn chưa được viên mãn?

Mân pháp sư trả lời: Đại hội trai đàn chẩn tế rất khó thực hiện đúng như chánh pháp. Vả lại, nhu cầu các thứ phẩm vật như gạo, rau, muối, giấm, củi, nước lạnh, nước sôi... nói chung là vật dụng để phục vụ trai đàn tốn kém rất nhiều; rồi lượng người tham dự rất đông, đi lại giẫm đạp lên cỏ cây, vi trùng; rồi lúc nấu nướng, rửa ráy... rất nhiều việc làm thương tổn đến những chúng sanh nhỏ bé. Bởi vậy tôi không dám mở đại hội trai đàn chẩn tế. Nếu như ủy thác công việc cho Vương cung hay Đạt quan biện lý thì khó mà được như chánh pháp, bọn họ chỉ cầu

lấy danh lợi, xã giao trong xã hội mà thôi, mất hết ý nghĩa chân chính của hội trai đàn. Cho nên, dứt khoát tôi không mở hội trai đàn.

Lời bình:

Thời đại ngày nay người ta mỗi làm một việc tu phước là mở hội trai đàn, cho đó là việc làm tốt đẹp và viên mãn nhất trong các việc thiện. Thậm chí, có người đóng cửa nhập thất, nhưng chỉ mới đóng cửa được một hai ngày, thì thân ngồi trong thất nhưng tâm đã nghĩ đến chuyện mở trai đàn, ngày đêm tính toán, chuẩn bị cho việc mở hội chấn tế. Cho nên, thường không thể duy trì hoặc đánh mất chánh niệm tu tập, ôm nhiều phiền não. Than ôi! Lời của pháp sư Mân cách nay đã hơn mười thế kỷ vậy mà vẫn không sai.

---o0o---

1.2. Lợi hòa đồng phân

Vào thời Nam Bắc triều, nhà Lương (502-577), ở Tích Đô, chùa Bành Thành, có một pháp sư hiệu Huệ Khai, người làng Ngô Quận, Hải Diêm. Sư Huệ Khai cùng với hai người bạn đồng tu là Trí Tạng - ở chùa Khai thiện, núi Chung Sơn, và Tăng Mân - ở chùa Trang Nghiêm, Dương Đô, chung học kinh luận. Sau đó, sư Huệ Khai ra giảng kinh, thuyết pháp. Sư giảng rất hay, danh tiếng đồn khắp thiên hạ. Thái thú Dự Chương là Tạ Huệ rất ngưỡng mộ, nhiều lần đi nghe ngài giảng kinh, đồng thời cúng dường rất nhiều vàng bạc, nhưng sư Huệ Khai chưa từng để ý đến, không một lần đến nhà, dù Thái thú cứ năm lần bảy lượt khẩn khoản cung thỉnh. Sư còn đem tiền bạc nhận được từ sự cúng dường phân phát hết cho đại chúng và làm từ thiện.

Thái thú Tấn An là Lưu Nghiệp cúng dường cho ngài một vạn tiền, không đến một ngày, toàn bộ số tiền đó đã được ngài đem đi phân phát hết cho những người bần cùng khổ sở.

Tính tình của sư rất rộng rãi, vui vẻ, tùy hòa, không chú trọng hình thức bên ngoài, áo quần nhiều khi bụi bặm bám đầy cũng không để ý giặt giũ.

Lời bình:

Thuyết pháp mà không nhận của cúng dường đó mới là sự bố thí pháp chân chính. Nếu như mỗi người xuất gia chúng ta ai cũng giống như pháp sư Huệ Khai thì tốt biết mấy!

---o0o---

1.3. Sống chung với côn trùng và bụi bặm

Thời Nam Bắc triều, nhà Lương, ở Dương Đô, chùa Linh Cơ, có pháp sư hiệu là Đạo Siêu.

Sư Đạo Siêu theo học với pháp sư Mân ở chùa Linh Cơ, sau đó sư về độc cư trong một am tranh nhỏ, tuyệt giao bạn bè, không tiếp khách. Cả căn phòng sư ở bụi bặm phủ đầy, bốn phía tường vách đều nghe tiếng dế và côn trùng kêu. Có lần, Trung thư Lương Trương Suất ghé đến thăm, ông thấy tình cảnh như vậy liền hỏi:

- Tiếng côn trùng kêu âm ỉ, bụi bặm phủ đầy phòng tưởng chừng quá mắt cá, thầy học đạo đến nỗi không biết gì đến hoàn cảnh xung quanh sao?

Sư đáp:

- Mỗi ngày nghe những tiếng côn trùng nỉ non này có cảm giác như đang thưởng thức một dàn giao hưởng của thiên nhiên, đất trời, của vạn vật muôn loài, không khác nào được nghe một loại âm nhạc được tấu lên từ nhiều thanh cụ khác nhau, như trúc, sáo... Còn bụi bặm thì theo gió thổi mà bay đến đây thôi, tôi chưa bao giờ quét dọn, để ông thấy những thứ này thật là thất lễ!

Thái thú Trương Suất nghe xong vô cùng khâm phục và hết lời tán thán.

---o0o---

1.4. Ở ẩn bên suối

Đời nhà Đường (618-907), ở Đông Dương, chùa Thanh Thái, có pháp sư hiệu Huyền Lăng.

Sư họ Truyền, tự Huệ Minh, hiệu Tả Khê, người Vụ Châu, huyện Ô Thương (nay thuộc Triết Giang, Nghĩa Ô), là cháu đời thứ 6 của Truyền Đại Sĩ. 9 tuổi xuất gia. Năm 692, sư 20 tuổi, vua sắc trú trì chùa Thanh Thái ở Đông Dương. Nhân thọ giới cụ túc với Luật sư Quang Châu Ngạn, rồi theo học luật nghi, kinh luận. Sư xem hết các sách, tinh nghiên cứu kinh Niết-bàn, từng đến chùa Diệu Thiện nghiên cứu yếu chỉ Thiền học với Thiền sư Ấn Tông. Nghe nói tông Thiên Thai có thể làm cho chúng thanh tịnh thú hưởng nhất lý liền đến tham học. Nhân đến chùa Thiên Cung ở Đông Dương, theo Huệ Oai học kinh Pháp Hoa... Sau, nương Thiền sư Cung tu tập chỉ quán. Lại lâu thông sách Nho, kiêm luôn nghĩa lý Đạo tông. Thường tu chỉ quán mà nắm được yếu chỉ đạo an tâm. Về sau, sư gặp được rừng núi đẹp, liền ẩn cư bên khe suối ở Vụ Châu, Phố

Dương. Thường giữ bên mình 18 vật tùy thân của một Tỳ kheo, thực hành 20 pháp đầu đà, mặc áo gai, ăn rau cỏ, ngồi yên một chỗ, ròng rã hơn 30 năm.

Sư sống một mình trong một cái am nhỏ, nhưng luôn luôn nhận thức rằng, am tuy nhỏ cũng có thể chứa đựng cả pháp giới vô lượng, đó chính là tâm cảnh trong thế giới Hoa nghiêm, một hạt bụi có vô lượng thế giới. Hơn 40 năm, sư chỉ đắp một chiếc y bảy điều (y thất). Suốt đời sư chỉ dùng một chiếc tọa cụ (ni-sư-đàn, đồ để ngồi thiền). Nếu như không vì việc tra cứu kinh điển thì tuyệt đối không đốt đèn dầu, nếu như không phải là lễ Phật tụng kinh thì tuyệt đối không rời một bước. Nếu sư muốn rửa bát thì lập tức bày khỉ trong rừng tranh nhau đến đem bát đi rửa cho sư. Lúc sư tụng kinh, chim muông bay đến đậu trước mặt, đuổi chúng cũng không bay. Thứ sử Vương Chính Dung thường thỉnh sư vào thành thuyết pháp cúng dường, nhưng sư đều từ chối, thoái thác rằng có bệnh.

Lời bình:

Người đời nay khi đọc đến sách Đại sư Vĩnh Gia đối đáp với Đại sư Huyền Lãng (tức cuốn Thiền tông Vĩnh Gia), thấy có đoạn ghi rằng: “Kiến đạo không cần phải ở chỗ rừng sâu núi thẳm, tịch tịnh, người vật vô tri, mà ngay những nơi ồn náo không chỗ nào chẳng phải là đạo”, liền sanh tâm coi thường sư Huyền Lãng, cho rằng sư an phận thủ thường, tìm vui nơi cảnh vắng. Nhưng người sau có biết đâu rằng đó chỉ là những lời Đại sư Vĩnh Gia dùng để phá cái tâm chấp pháp của sư Huyền Lãng. Lời nói ấy chỉ là phương tiện tạm thời, giống như trong sách Tín Trung có ghi: “Xuất gia học đạo như thế không phải là chèo thuyền trí tuệ bơi vào biển pháp, nhưng rồi lại muốn bẻ lái quay đầu vào núi hay sao”? Câu này cũng nhằm vào sư Huyền Lãng, với mục đích thôi thúc ngài xuống núi để cứu độ chúng sanh. Tuy nhiên, phong độ và khí thế của sư Tả Khê còn lưu truyền lại hôm nay vẫn là điều mà những người học đạo như chúng ta phải học! Làm người phải nên có nhận thức phân minh, như trong sách Tín Trung, Đại sư Vĩnh Gia đã nói: “Được mất tại người, liên quan gì đến động tĩnh”. Người đời nay nghiệp chướng sâu nặng, không những ở nơi động không thấu đạo đã đành, mà ngay trong tĩnh cũng khó giữ được chánh niệm. Trước không lo ẩn cư tu tập cho đầy đủ nội lực mà đã vội vào chốn thị thành huyên náo hành đạo Bồ tát thì e rằng khó tránh khỏi hệ lụy, rơi vào chỗ lỗi lầm.

1.5. Tiền rơi không nhìn

Đời nhà Tùy (581-618), có pháp sư Phú Thượng.

Sư Phú Thượng hành cước đến chùa Tịnh Đức, ở Ích Châu. Trên đường đi, thỉnh thoảng sư nghỉ lại bên đường, dựng tích trượng, treo một chiếc nón rộng vành lên đó, rồi ngồi dưới nghỉ ngơi và tụng kinh. Sư không bao giờ mở lời hướng dẫn những người khách vãng lai để hóa duyên. Có ai cúng dường cho tài vật, sư cũng không mở lời cảm ơn hoặc làm một cử chỉ tỏ vẻ dấu hiệu ban phước như những vị tăng hóa duyên thường làm, chẳng hạn râm râm chú nguyện trong miệng cầu cho thí chủ được tiêu tai được phước. Bởi đường vắng, hẻo lánh, ít người qua lại, nên nhiều ngày liền sư không nhận được bất kỳ một sự bố thí nào. Có người bảo sư: “Ở thành tây bắc dân cư đông đúc, người qua lại rất đông, sự bố thí cúng dường cũng nhiều, vì sao ngài không qua đó, mà cứ ở mãi chốn này?” Sư trả lời: “Một đồng hai đồng cũng đủ để duy trì mạng sống rồi hà tất phải cần nhiều. Nhiều mà để làm gì?”

Thứ sử Lăng Châu, tên Triệu Trung Thư, là một viên quan khét tiếng tàn bạo, không tin Phật pháp, không kính Tam bảo. Hễ nghe nói đến chuyện sư Phú Thượng, liền cố ý đến thử xem thật hư thế nào. Một hôm, hễ cưỡi ngựa đi qua chỗ sư Phú Thượng đang ngồi, rồi giả vờ đánh rơi một túi vàng gần đó. Phú Thượng vẫn điềm nhiên tụng kinh, xem như chẳng có chuyện gì xảy ra. Thứ sử họ Triệu sau khi bỏ đi đã xa, liền cho người quay trở lại, bày trò lượm được vàng, sư Phú Thượng cũng không để ý. Triệu Trung Thư bấy giờ mới đến hỏi sư:

- Suốt ngày ông ngồi đây không được hơn một đồng, thế mà có cả một túi vàng hơn vạn đồng rơi trên đất cạnh ông đây, sao không nhặt? Thấy người ta nhặt vì sao không ngăn cản?
- Sư trả lời:
- Đó không phải là vật của tôi, vì sao tôi lại mạo nhận là của mình mà ngăn cản người ta lấy díchứ?

Thứ sử họ Triệu nghe xong, liền xuống ngựa đánh lễ, sám hối, rồi hết lời tán thán, bội phần khâm phục sư Phú Thượng, đồng thời chuyển tâm quy y Tam bảo.

---o0o---

1.6. Không giữ vải và lương thực

Đời nhà Đường, có pháp sư hiệu là Thông Huệ.

Sư Thông Huệ xuất gia lúc 30 tuổi, một mình vào núi Thái Bạch tu hành mà không mang theo lương thực. Đói thì ăn hoa cỏ và trái cây rừng, khát thì uống nước suối, ngủ thì tựa dưới gốc cây. Suốt ngày sư chăm chỉ tọa thiền, tham cứu, ròng rã như vậy hơn 5 năm. Một hôm, sư dùng cành cây đánh vào gò đất, gò đất bị phá nát hình dạng, sư hốt nhiên đại ngộ.

Cuối đời, sư chỉ mặc một bộ đồ, dùng một cái chăn, một đôi giày, suốt 20 năm. Y phục rách nát, vá víu nhiều lớp, mùa đông cũng như mùa hạ, không hề thay đổi.

---o0o---

1.7. Không nhớ đến tiền

Đời nhà Đường, ở Kinh sư, chùa Hoằng Pháp, có pháp sư hiệu là Tĩnh Lâm.

Tĩnh Lâm người làng Kinh Triệu, Hoa Nguyên. Sư đạo hạnh rất cao siêu, tiếng thơm đồn vang khắp xa gần, tín đồ quy tụ ngày một đông, và sự cúng dường ngày càng nồng hậu. Nhưng tín đồ Phật tử cúng dường tài vật bao nhiêu, sư đều giao cho thị giả quản lý, và cũng không giờ hỏi lại nhiều ít. Về sau, sư muốn làm việc từ thiện, lúc ấy mới hối hận là mình không có tiền. Thị giả đem tiền ra, sư nói: “Ta không biết rằng mình có tiền nhiều như vậy”! Bình sinh, áo quần hư rách, sư đều đem khâu lại để mặc, chưa bao giờ sử dụng đồng tiền vào việc của cá nhân.

---o0o---

1.8. Cửa không đóng

Đời nhà Đường, ở Kinh sư, chùa Biện Tài, có pháp sư hiệu là Trí Tắc. Sư Trí Tắc người làng Ung Châu, Trường An. Tính tình sư quang minh lỗi lạc, phong độ tự nhiên, phóng khoáng, không chú trọng đến ăn mặc, thường chỉ đắp một chiếc y bá nạp, quần chỉ che đến gối (tức như quần soọc ngày nay). Trong phòng chỉ có một chiếc giường, một cái bát đất, một cái muống gỗ, ngoài mấy thứ đó ra không còn vật dụng nào khác. Phòng sư ở không bao giờ đóng cửa. Người đời đều gọi sư là người điên cuồng. Sư nghe người ta gọi vậy cảm khái cười và nói một tràng: “Bảo ta là người điên cuồng, nhưng không biết rằng chính bản thân các người mới là điên cuồng! Người xuất gia là ra khỏi nhà, lìa khỏi tục, vậy mà ngược lại ham lo việc cơm áo, gạo tiền; đi ra thì thích mặc áo đẹp, ở thì thích nhà cao cửa rộng, có tường rào che chắn, cửa đóng then cài, hòm rương buộc nắp... lãng phí thời gian như vậy chỉ làm

hiều loạn thân tâm, phương phệ đạo nghiệp; lại còn ham lo thu góp, cất chứa của cải, suốt ngày bận rộn tiếp khách, tâm luôn lo lắng hơn thua... những hạng người này nếu không phải là người điên thì trên đời này không còn người nào điên nữa”!

---oOo---

1.9. Chân nhân không lộ tướng

Đời nhà Đường, ở Hành Sơn, chùa Di Đà, có pháp sư hiệu là Thừa Viễn (712 ~ 802).

Sư họ Tạ, người Hán châu (nay là Tứ Xuyên, Quảng Hán). Lúc đầu học đạo ở Thành Đô, sau đó về ở tại Sơn Nham Trung, phía tây nam dãy Hành Sơn. Có người cúng dường vật thực cho thì sư dùng, không có người cúng thì sư ăn cỏ cây hoa lá. Nhiều người ngưỡng mộ đức hạnh của sư đã tìm đến đánh lễ, thọ pháp, gặp sư ở giữa khe núi cheo leo, cao và dốc, thân hình tiều tụy, đầu mặt bụi bặm bám đầy, tóc tai bù xù, tự lo lấy việc hái củi, khách vãng lai cứ ngỡ là thị giả của sư, nên không để ý, nào ngờ đâu đó chính là sư Thừa Viễn!

Sư chuyên tu Ban chu niệm Phật. Về sau, xa gần nghe tiếng, kéo đến thọ giáo có hơn vạn người. Quốc sư Pháp Chiếu là môn nhân của sư. Đường Đại Tông cũng từng đến tham lễ, trước sau sắc tứ cho đạo tràng của sư hiệu “Ban Chu đạo tràng”, “Di Đà tự”.

Trình Nguyên thứ 18, sư nhập tịch, thế thọ 91. Liễu Tông Nguyên soạn văn bi, dựng bên hữu cổng chùa. Đệ tử sư có hơn ngàn người, trong đó có Pháp Chiếu, Nhật Ngộ, Huệ Thuyên, Tri Minh, Siêu Minh... đều là những bậc danh tăng. Sư là Tổ thứ 3 của Tịnh độ tông.

Lời bình:

Vua Nghiêu có lúc ở nhà tranh vách cỏ, người đời nhìn vào chỉ tưởng là thường dân, mà không biết đó là Hoàng thượng; vua Vũ mặc áo quần cũ rách, người ta cũng không nhận ra đó là Hoàng đế, mà còn tưởng là người dân dã, quê mùa! Huống chi là người xuất gia, vốn chỉ dùng một bát ba y để duy trì thân mạng, lại có thể xem trọng bề ngoài sao? Hiện nay, có nhiều người xem trọng y phục, thích lựa là gấm vóc, nuôi nhiều người hầu hạ, còn sợ người ta không biết mình có nhiều tiền. Đi đâu cũng mặc áo quần lòe loẹt, dẫn theo nhiều đệ tử, tín đồ để phô trương thân thế, dương dương đắc ý ở chỗ đông người. Những hạng người xuất gia như vậy đọc đến đây nên cảm thấy hổ thẹn!

---o0o---

1.10. Mặc lá sen, ăn hạt tùng

Đời nhà Đường, tại Minh Châu, núi Đại Mai, có thiền sư hiệu Pháp Thường.

Sư họ Trịnh, hiệu Đại Mai, người Tương Dương (Tương Phàn, Hồ Bắc), Trung Quốc. Sư xuất giạt từ thuở nhỏ ở chùa Ngọc Tuyền, Kinh Châu (Giang Lăng, Hồ Bắc). Năm 20 tuổi thụ giới cụ túc tại chùa Long Hưng. Sư để tâm vào thiền nên đến tham kiến Mã Tổ Đạo Nhất, hỏi: “Thế nào là Phật”? Tổ đáp: “Tức tâm tức Phật”. Sư liền đại ngộ, kế thừa pháp Mã Tổ. Sau sư ẩn cư tĩnh tu nơi núi Đại Mai, huyện Ngân (Chiết Giang). Có vị tăng theo lệnh Mã Tổ đến núi Đại Mai nói với sư: “Gần đây Mã Tổ lại nói phi tâm phi Phật”. Pháp Thường nói: “Ta chỉ biết tức tâm tức Phật”. Mã Tổ nghe được bèn nói: “Trái mai đã chín!”. Từ đó tiếng tăm của sư lẫy lừng, học giả khắp nơi tụ hội.

Pháp Thường ẩn cư trong núi sâu, ít người biết đến. Có lần, quan Quảng lam (giữ muối) viết thư triệu kiến sư, sư từ chối không đến, còn làm một bài kệ gửi Quan lam: “Nơi tôi ở có một cái ao vuông, trồng toàn hoa sen. Tôi lấy lá sen làm y phục che thân, có lẽ dùng cả đời cũng không hết. Lại có mấy gốc tùng cổ thụ rất tốt, tôi nhặt trái mà ăn, ăn hoài cũng còn dư. Tôi cứ nghĩ rằng không ai biết được chỗ ở của tôi, nên rất yên thân một mình lo tu tập đạo thanh tịnh, không ngờ lại có người tìm đến, vậy thì tôi phải rời bỏ chỗ này để đi vào sâu hơn trong núi mà ở thôi”.

---o0o---

1.11. Làm bạn với chim muông

Thời Ngũ đại (907-960), nhà Hậu Chu (951-960), trên đỉnh Phật Thủ, núi Lô Sơn, có đại sư hiệu Hành Nhân.

Đại sư Hành Nhân ẩn cư trên đỉnh Phật Thủ, Lô Sơn, mỗi ngày vào lúc tối, có một con nai và một con chim sơn trĩ đến ngủ bên ngoài thạch thất của sư, trông rất thân mật, như những người bạn chí thân, không hề sợ hãi. Bình sinh, sư Hành Nhân không nuôi đồ đệ, nhưng những tăng nhân ở các chùa am lân cận tự động cúng dường cho sư, hầu hạ sư. Có một hôm, sư nói với thị giả: “Kéo rèm cửa sổ lên, ta muốn đi”. Thị giả kéo rèm cửa sổ lên, sư xuống giường bước đi vài bước, rồi đứng lại, viên tịch, trong tư thế đứng.

Lời bình:

Người có nhiều tham dục đến lúc lâm chung rất đau khổ (dục vọng càng thiêu đốt mạnh mẽ), thậm chí còn tranh đoạt di sản; đối với tài vật, người thân trên đời cứ quyến luyến, nhớ nhung mãi không sao xả được, buông bỏ không đành. Không phải chỉ những người tại gia thế tục mới lâm vào cảnh ấy, mà ngay cả những người xuất gia cũng có hạng người như thế. Nếu như mỗi người xuất gia chúng ta ai cũng có thể làm được như đại sư Hành Nhân, một đời thanh cao lẫm liệt, viên tịch giống như trò đùa, nhẹ nhàng tựa như lông hồng, không phải là rất tốt hay sao?

---o0o---

1.12. Thiếu dục tri túc

Thời nhà Tống (420-479), tại Hồng Châu Vân Cư, có Thiền sư Hoằng Giác Đạo Ưng.

Sư họ Vương, người xứ Ngọc Điền (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), nổi pháp Thiền sư Động Sơn Lương Giới, tông Tào Động. Sư trụ chùa Chân Như ở núi Vân Cư nên người đời gọi Sư là “Vân Cư Đạo Ưng”. Thụy hiệu Hoằng Giác Thiền sư.

Sư từng huấn giới đồ chúng rằng: “Các ông đều đã là người xuất gia, giống như những phạm tù trong ngục thất vừa được phóng thích ra, từ đây trở đi phải hướng đến đạo lớn liễu sanh thoát tử, xa hẳn trầm luân vạn kiếp. Đây là vận may của các ông, nhân đây, phải chế ngự dục vọng, thường sống tri túc, không nên tham cầu những hư vinh thế tục, phải nên nhẫn chịu đói khát, lập chí học đạo, tu tập pháp vô vi, chơn như tịch chiếu. Các ông phải siêng năng nghe và giữ gìn Phật pháp, hun đúc tài năng, phẩm hạnh ngày một tốt dần lên. Được như vậy thì không có gì có thể quý hơn! Tu hành Phật pháp phải chín lần chết một lần sống, vào nơi nước sôi lửa bỏng cũng không một khắc tạm dừng, phải nỗ lực tinh tấn mãi”.

---o0o---

1.13. Ước mong biến chúng thanh tịnh

Đời nhà Tống (420-479), ở Đông Kinh, có Thiền sư hiệu Từ Thọ Huệ Lâm Hoài Thâm.

Sư họ Ưu, tự Từ Thọ, người đời gọi là “Từ Thọ Thiền sư”, nổi pháp Thiền sư Tư Thánh Sùng Tín, tông Vân Môn. Sư trụ chùa Tư Phúc, Tây Am ở Tương Sơn. Tác phẩm: *Từ Thọ Thâm Hòa thượng quảng lục*.

Có một hôm, sau khi đốt hương tham thiền, diễn ra một cuộc tham vấn nhỏ, sư khai thị đề chúng:

“Quý thầy hãy ngàn vạn lần quên đi danh và lợi, lấy sự đạm bạc làm vui. Một khi tâm danh lợi thế gian giảm thiểu rồi, ý hướng nghĩ về đạo thanh tịnh tự nhiên phát sinh thêm lớn. Giống như Hòa thượng Biển Đam Sơn, một đời nhật trái lịch² ăn cho đỡ đói. Đại sư Vĩnh Gia không ăn rau cải trồng bằng sự cày cuốc, bởi vì cày cuốc sợ thương hại đến những sinh vật nhỏ bé ở dưới đất bùn, và kính trọng sự lao khổ cực nhọc của người nông phu đã bỏ giọt mồ hôi xuống đất cấy cày hạt gạo; bậc cao Tăng như Hòa thượng Huệ Hưu, 30 năm chỉ mang một đôi giày, lúc đi đường đất không sỏi đá gai gốc thì quai dép lên vai mà đi chân. Các thầy ngày nay cơm áo không thiếu, mỗi thứ hưởng thụ đầy đủ, chưa đói đã ăn, chưa lạnh đã thêm áo, thân thể chưa một hạt bụi bấn đã tắm gội, chưa đến giờ ngủ đã ngủ, còn như con đường sanh tử thì chưa nắm được rõ ràng, tâm cảnh ô nhiễm chưa rửa sạch, nghiệp chướng chưa đoạn, thì làm sao dám hưởng thụ phước báo?”

---o0o---

1.14. Đắp một y, ăn một bữa

Đời nhà Đường (618-907), ở Ích Châu, chùa Khuông Tuệ, có pháp sư Huệ Hy. Pháp sư Huệ Hy sống độc cư, không có thị giả, ngày ăn một bữa, không tiếp nhận của người ta cúng dường. Trong phòng, trên mặt đất ngoại trừ những vết chân bình thường đi tới đi lui, còn lại rêu phong mọc đầy, chiếc giường của sư trừ chỗ chính giữa sư thường ngồi là tương đối không có bụi đất, còn lại hai đầu thì bụi đất bám đầy đóng lớp, hình như lâu, thật lâu lắm chưa có người ngồi. Quần áo của sư rách nát, cũ nhàu không thể tả, chỉ có thể che chắn được gió lạnh, mùa đông thì đắp chiếc y cũ rách này, mùa hạ thì cởi nó ra treo lên trên sàn nhà. Về sau, người ta mộ danh sư mà đến yết kiến đánh lễ, cũng ở trong phòng này mà lãnh giáo. Đại sư đối đãi rất từ bi, hòa nhã, thiết tha, ân cần khuyên bảo, có khi người đến đông quá phải đợi đến mấy ngày mới có thể gặp sư để đàm đạo.

---o0o---

² Trái lịch hình tròn, lớn bằng đầu ngón trỏ, vị gắt, vỏ cứng, nhân giống như thịt hạt sen già, có thể ăn được, vỏ có thể làm thuốc nhuộm.

1.15. Một mình giữ cửa chết

Triều nhà Nguyên (1206-1368), ở Hàng Châu, có Thiền sư Thiên Mục Cao Phong Nguyên Diệu.

Sư họ Từ, tự Cao Phong, người xứ Ngô Giang, Tô Châu (nay thuộc Giang Tô) Trung Quốc. 15 tuổi xuất gia, 17 tuổi thụ giới cụ túc, 18 tuổi học giáo Thiên Thai được ý chỉ. Sư chuyên mộ thiền pháp, tham vấn ngài Đoạn Kiêu Diệu Luân, sau yết kiến Tuyết Nham Tổ Khâm và được truyền tâm ấn. Năm 1269, khi bạn đồng tham chột đũa cái gối rơi xuống đất, sư nghe tiếng động này mà triệt ngộ. Thụ hiệu “Phổ Minh Quảng Tế Thiền sư”. Tác phẩm: *Cao Phong Diệu Thiền sư ngữ lục, Cao Phong Hòa thượng Thiền Yếu*.

Sư cũng từng tự tay dựng am ở Long Tu, ở 9 năm. Trong khoảng thời gian ấy, không kể mùa đông mùa hạ, chỉ mặc một chiếc nạp y may vá nhiều chỗ. Sau đó, năm 1279, sư đến thạch động Tây nam, núi Thiên Mục, dựng một thất nhỏ ở hang Sư Tử, đề tên là “Tử Quan” (cửa chết). Trước mặt am là những tảng đá nước nhỏ giọt nhẵn bóng, trơn lụi; phía sau là đất bùn nhão nhệt. Mỗi lần gió mưa chiếc am lại lung lay theo gió. Sư không nhận của cúng dường, cũng không cần thị giả. Y áo và vật dụng hàng ngày rất đơn giản. Sư không buồn tắm rửa, chẳng cạo râu tóc. Để đến được am sư, phải dùng một chiếc thang dây, nhưng sư đã cắt bỏ, để cắt đứt ngoại duyên. Trải qua 15 năm, sư không bước ra khỏi cửa. Từ đó, tiếng tăm vang xa, số người tham học, tăng tục đến thụ giới đông đến vạn người.

Lời bình:

Giống như mặt trời treo lơ lửng ngoài chín tầng mây, những bậc đại đức ẩn cư trong vách núi cao ngàn vạn nhẫn, trước có đại sư Huệ Hy, sau có đại sư Cao Phong Diệu đây, hai ngài quả thật là những bậc siêu trần bạt tục. Trước đây, tôi có lên Thiên Mục Sơn, tiến vào động Trương Công, ghé mắt nhìn xuống thấy khe núi sâu đến ngàn trượng, muôn nghìn cảnh tượng hiện ra trước mắt. Luôn tiện tôi cũng đi yết bái di tích “Cửa tử”. Bấy giờ, trước mắt tôi vẫn còn phảng phất hình bóng oai nghi và dung nhan của đại sư Cao Phong Diệu! Tôi tự than trách thân phận mình sanh sau để muộn không thể thân cận để được nghe ngài chỉ giáo, không ngăn cản được xúc động, nước mắt tuôn rơi, lâu thật lâu không thể kiềm chế được!

1.16. Không ăn tối

Ở tỉnh Triết Giang, vùng Triệu Hưng, vào mùa an cư, những hành giả tham thiền, nếu mỗi tối làm cơm ăn, gọi là “phóng tam phạn” (bữa cơm thứ ba). Tương truyền, tập tục ăn bữa cơm này rất thịnh soạn, rất nhiều thức ăn, xa xỉ hơn bữa cơm ngô. Cái tập tục hư hại này lại được truyền rất lâu dài. Thuở xưa, có một vị tiền bối đạo đức cao siêu (tức Thiền sư Pháp Huệ) nghe chúng Tăng phòng bên cạnh làm thức ăn sau giờ ngô không ngăn được nước mắt, than thở Phật pháp thời kỳ suy đồi, cho nên, cấm người xuất gia ăn quá giờ ngô, hướng chi đêm hôm lại ăn ư? Trong giới luật có ghi: “Người đời khua chén bát ra tiếng, ngạ quỷ nghe không kèm chế được cơn đói, trong cổ tự nhiên lửa bùng cháy”. Hướng chi đêm hôm mọi người đã yên nghỉ, khua động chày, máy, mâm, chén... âm thanh truyền vào tai người ta, lại chiên, rán, nấu, thối, nướng... hương vị truyền vào mũi người ta. Không nhớ rằng đối với chúng sanh phải từ bi dạy bảo, lại phóng túng dục vọng cho thoả bụng miệng, tâm như thế có thể yên ổn ư? Hoặc hỏi: ‘Nửa đêm bụng đói phải làm sao’? Có thể ăn vài loại quả trái cây, bánh kẹo, không phải động đến nôi niêu, vật thực nấu nướng, lại có thể đỡ đói. Hướng nữa, người ta giữ ngô, từ sau buổi trưa cho đến sáng hôm sau, trong khoảng thời gian đó, ngoại trừ uống nước, không ăn một thứ gì nữa. Chúng ta buổi tối dùng mấy thứ bánh kẹo, cây trái, thuốc dưỡng sinh cho đỡ đói lại còn không biết đủ, quả là thái quá đi rồi.

Phụ:

Luật Phật chế là căn cứ lập trường của một thầy thuốc, cho rằng ăn đúng giờ ngô là điều kiện sống khỏe mạnh và trường thọ, rất phù hợp với thực tại bây giờ. Ngày nay y học cũng đã chứng minh được điều này. Trước kia, phương pháp làm thức ăn bằng nhiệt lượng cao, nhiều tròng trắng trứng đã bị phá hủy, phương pháp làm thức ăn này chỉ là con đường dẫn đến sự béo phì, cao huyết áp, xơ cứng động mạch... những tâm bệnh, rất dễ đưa đến tử vong nhanh chóng. Ăn chay có thể tránh được những thứ tâm bệnh này và ngừa ung thư. Điều này cũng đã được chứng minh và phổ biến rồi. Bữa ngô ăn ít, người sẽ gầy một chút, nhưng tuyệt đối không dẫn đến kém dinh dưỡng, tinh thần lại rất tốt. Đạo gia cũng có nói rằng: “Anh muốn sống lâu, trong ruột phải thanh tịnh”. Ngày nay người ăn ít sống lâu rất nhiều, như lão Hòa thượng Quảng Khâm, lão cư sĩ Lý Bình Nam, đều hơn 90 tuổi. Nhìn lại, trên từ Phật Thích Ca, dưới đến lịch đại chư vị tổ sư, không một ai không tu khổ hạnh mà được thành tựu, thậm chí có ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt

lúa, đậu đâu cũng có. Mạnh Tử cũng nói: “Kẻ muốn làm việc lớn trong thiên hạ, tất trước phải nhọc gân cốt mình, đói thân thể mình, khổ tâm trí mình, làm mà không rối loạn, đây gọi là động tâm nhẫn tánh, chỗ lợi ích tăng thêm không ít”. Tài năng sửa trị việc đời còn cần phải ‘nhọc gân cốt, đói thân thể’, hướng chi người xuất thế hướng đến đại đạo vô thượng, có thể ‘suốt ngày no nê’, vừa đói là ăn hay sao? Huống nữa, “no ấm thì nghĩ chuyện dâm dục”, sẽ là chướng ngại lớn cho việc tu hành, người xuất gia không thể không biết việc đó. Lợi ích của việc ăn đúng ngộ rất lớn. Nhỏ thì có thể kéo dài tuổi thọ, thân thể kiện khương, lớn thì có thể liễu sanh thoát tử. Bởi trong Bát quan trai giới thì chính là 8 giới với một ‘trai’. Trai có nghĩa là ăn đúng ngộ. Công đức của Bát quan trai giới lớn đến mức độ nào? Người tu Tịnh độ nếu như giữ thêm 8 giới quan trai, vãng sanh tất không bị rối loạn. Niệm Phật trong một khoảnh khắc rất quan trọng. Nếu lúc lâm chung không như pháp ‘nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo’, rất dễ tùy theo nghiệp mà đi, rất nguy hiểm! Vọng nhất tâm rối loạn, điên đảo thì phải làm sao? Thứ nhất, phải nhờ sự trợ niệm của đạo tràng niệm Phật, nhắc nhở chánh niệm, đánh khánh dẫn dắt, xem tượng Phật... Vì vậy, tổ chức đạo tràng ‘liên xã liên hữu’ cũng rất quan trọng, đây cũng là một phương diện phản ánh pháp môn niệm Phật của Đại thừa, nhập thế và tinh thần bình đẳng.

Thứ hai, chính là nhờ vào sự trì giới, bảo đảm có sức mạnh rất lớn. Người xem kinh Dược Sư đều coi trọng việc tiêu tai thêm thọ, đâu biết rằng lợi ích lớn nhất mà Phật Dược Sư cho chúng sanh ở cõi Ta bà này chính là vãng sanh sang thế giới Lưu Ly Tịnh độ của Ngài ở phương Đông và thế giới Tây phương Cực lạc của Phật A Di Đà. Trong kinh có nói như sau:

“Lại nữa, Mạn Thù Sư Lợi, nếu có bốn chúng, Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di và những người có niềm tin thanh tịnh, thiện nam, tín nữ... có thể thọ trì tám phần trai giới, hoặc trải qua một năm, hoặc ba tháng, thọ trì những điều đã học, thì nhờ thiện căn này mà nguyện sanh sang thế giới Tây phương cực lạc, nghe chánh pháp đức Phật Vô Lượng Thọ nói; còn chưa được định, nếu nghe danh hiệu đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, lúc lâm chung có tám vị Bồ tát lớn: Văn Thù Sư Lợi, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế Chí, Vô Tận Ý, Bảo Đàn Hoa, Dược Vương, Dược Thượng, Di Lặc, tám vị Bồ tát này từ trên hư không mà đến, chỉ cho con đường để đến thế giới kia, từ trong hoa báu nhiều màu tự nhiên hóa sanh”.

Xem đó có thể thấy rằng, giữ giới chỉ có ba tháng thì đã có 8 vị Bồ tát lớn đến đón về Tây Phương, sự việc vô cùng tiện nghi. Lòng từ của chư Phật và Bồ tát nghĩ ra rất nhiều phương tiện cho chúng sanh, chỉ vì chúng ta không biết lợi dụng đó thôi. Cho nên, người niệm Phật nếu như chưa được nhất tâm bất loạn thì nên giữ giới, ăn đúng ngộ cho tốt!

---o0o---

1.17. Hóa duyên trái lẽ

Trong những thanh quy của Tăng đoàn chùa Vân Thê, có một điều như vậy: “Người đi quyền tiền, hóa duyên trái lẽ, trục xuất khỏi sơn môn”.

Có một thầy nói:

- Không cần phải cấm điều này, cấm thì cơ hội gieo trồng phước điền của chúng sanh sẽ giảm ít đi. Bởi vì, tuy người phạm tội hóa duyên trái lẽ, vi phạm nhân quả, nhưng có thể làm cho chúng sanh phá bỏ được tánh xan tham, xả bỏ tài vật thì cũng được lợi ích và công đức. Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, người xuất gia mượn danh nghĩa của Phật để mưu sinh đức Phật đã bao giờ vì những người này chế một điều cấm chưa?

Tôi trả lời:

- Lời nói của thầy cố nhiên không sai, phát tâm tốt, nhưng thầy chỉ biết có một mà không biết có hai. Hóa duyên trái lẽ, cái nhân giả dối thì quả mờ mịt, người bố thí biết được, vì đây mà thối mất đạo tâm, về sau không bố thí nữa, sao có thể khiến người ta phá xan tham được? Lúc Phật còn tại thế, có các đệ tử đi du hóa ở các phương xa trở về, đi qua một thôn lạc, người dân ở trong vùng ấy thấy các thầy Tỷ-kheo này từ xa vội vàng đóng cửa lại hết. Các thầy mới hỏi một số người gần đó vì sao lại có tình trạng sợ hãi các thầy sa môn đến vậy, người ta trả lời nguyên do là vì người ta sợ các thầy hóa duyên trái lẽ! Số là trước đây có các thầy Tỷ-kheo xấu đi hóa duyên trái lẽ, cho nên họ sợ quý thầy ở đây cũng giống như những Tỷ-kheo kia. Sự việc xảy ra như vậy, quý thầy sau khi trở về bẩm báo với đức Phật, đức Phật nghe rồi cho gọi các thầy Tỷ-kheo hóa duyên trái lẽ đến trách mắng, vì sao có thể nói dối với việc này Phật không lập giới cấm? Phải thận trọng, đừng đi hóa duyên trái lẽ.

- ---o0o---

1.18. Thầy giảng pháp

Những vị pháp sư giảng kinh, thuyết pháp có công đức rất lớn, vì vô hình trung thay đổi tâm tánh chúng sanh lúc nào không biết. Nhưng chưa từng nghe có thầy thí thực nào làm tròn trách nhiệm, có thể giao thiệp và đi lại làm bạn với quỷ thần được. Chúng ta nên so sánh hai hạng người này xem có lỗi lầm ít nhiều gì không? Tôi thì cho rằng không nhất định ai có lỗi ai không có lỗi. Thầy giảng kinh nếu như không cẩn thận thì cũng có thể chuốc lấy lỗi lầm rất lớn. Thầy thí thực cũng vậy. Thí thực chỉ là một pháp môn, một pháp giống như dễ dàng tinh thông, nhưng vô cùng khó thực hành. Kinh luận thì nhiều loại, muốn mỗi mỗi đều phải tinh thông thì rất khó khăn. Bởi vậy, người xưa, nhiều vị chỉ chuyên nghiên cứu, học tập một pháp môn, như chuyên về nghiên cứu nghĩa lý kinh Pháp Hoa, hoặc chuyên về kinh Hoa Nghiêm... Người bây giờ thì mỗi kinh, mỗi luận đều tuyên giảng, so với chư vị đại đức tiền bối phải chăng họ cao minh hơn? Nhưng mà chưa có bậc minh sư dạy dỗ hướng dẫn thì làm sao dám tự cao tự đại? Ý theo cái biết nông cạn, suy luận chủ quan của mình mà phát biểu, thích đề cao cái mới, lập dị rồi phê bình bậy bạ những bậc tiền bối? Kinh luận chỉ có xem qua một chút đã tiến hành giải thích, chú giải, nhưng chưa có một chút ý kiến bàn luận nào phát huy được rõ ràng và nhất là chưa thể nhập hay chưa thực chứng. Làm như vậy thì không đúng rồi! Nhất định phải nghiên cứu lâu ngày, trường kỳ cho thật tinh thâm, nghiên cứu thảo luận nhiều mặt, ôm ấp trong lòng nguyện vọng sáng đạo vốn có làm gốc, không mưu đồ lợi dưỡng, danh vọng riêng mình, như thế mới có nhiều công đức mà không lỗi lầm. Hoặc giả, có người hỏi rằng: “Đại sư Trí Giả nói: ‘Vì lợi dưỡng mà hoàng dương kinh Phật cũng có đầy đủ danh nghĩa Bồ tát, lời nói này như thế nào?’. Ồ, đại sư Trí Giả nói câu này là vì khích lệ những người có đầy đủ lòng từ bi nhưng hãy còn thiếu hạnh nguyện Bồ tát vào đời độ sanh mà nói, không phải vì những người tham cầu danh lợi mà nói. Nếu như không suy nghĩ tìm hiểu ý nghĩa của câu nói này, rất dễ dàng hiểu lầm.

---o0o---

1.19. Lợi ích của người xuất gia

Chư vị đại đức thuở xưa có nói: “Người tốt nhất chính là người xuất gia”; trong dân gian cũng có lưu truyền một câu như thế này: “Một người con xuất gia chín đời tổ tiên được sanh thiên” (nhất nhân hành đạo cứu huyền thăng). Những câu nói như vậy đều là tán thán, khen ngợi người xuất gia, nhưng chưa nói xác định rõ ràng chỗ lợi ích của

người xuất gia. Suy cho cùng thì lợi ích của người xuất gia là ở chỗ nào? Thật khó nói, người xuất gia không cần phải cấy cày, không đi dệt vải mà vẫn có cơm ăn, có áo mặc, đó là lợi ích của người xuất gia sao? Hoặc giả nói, không cần phải mua nhà, không cần phải thuê phòng, nhưng vẫn có chỗ cư trú, đó là lợi ích của người xuất gia? Hoặc nói, quốc vương đại thần ủng hộ, tín đồ thí chủ cung kính, trên không bị quan lại bắt đi lính, dưới không bị thứ dân quấy nhiễu mà lại được tự nhiên vui vẻ, thanh nhàn, phóng khoáng, đó là lợi ích của người xuất gia?

Người xưa có bài kệ nói vầy:

“Hạt gạo của thí chủ

Lớn tựa núi Tu di

Nếu đạo lớn không thành

Mang lông đội sừng trả”

Lại nói: “Một ngày kia lão Diêm Vương tính toán cơm tiền với anh, xem anh lấy gì bồi thường?”. Xem đây đủ thấy, người xuất gia, trái lại nắp kín bên trong một cây đại tai họa, lại còn nói là lợi ích sao? Cái gọi là lợi ích của xuất gia chính là có thể thoát được phiền não, dập tắt vô minh, chứng được vô sanh pháp nhẫn, liễu thoát sanh tử, đây mới là việc làm tối thắng, cao quý hơn hết, trong loài trời, người. Hơn nữa, cha mẹ dòng họ cũng có thể nhờ đây mà ân triêm đức hạnh. Nếu không như lời này, dù có giàu có đến thiên vàng vạn bạc, cho đến được vinh hiển làm quốc sư cho bảy đời Hoàng đế đi nữa (như Thanh Lương quốc sư) cũng chẳng có lợi ích gì để nói! Thật tại tôi vạn phần lo sợ, sợ phạm vào lỗi lầm lớn này, đồng thời nói với các bạn đồng tu cùng nhau cảnh giác, lo sợ mà gắng tu.

TỔNG LUẬN

Tỷ-kheo là tiếng phạn Bikkhu, người Trung Hoa dịch là Khất sĩ. Sống một mình, thanh tịnh tu hành mới gọi là Khất sĩ. Nếu như còn nhiều nhu cầu, nhiều sự nuôi dưỡng, tham dự nhiều việc, đây không phải là trái lại nghĩa gốc của hai chữ Tỷ-kheo sao? Chương này ghi chép lại sự việc từ pháp sư Mân, cho xuống đến chư vị đại đức, khoảng thời gian đó cho đến hôm nay có trên một ngàn năm lịch sử, nhưng phong độ và khí thế của quý ngài, vẫn còn lưu truyền cho đến hôm nay, chưa tiêu mất. Nghe biết phong độ, khí tiết cao sáng của quý ngài mà không quyết chí vươn lên lại có thể xứng đáng làm Tỷ-kheo sao?

CHƯƠNG 02 - NGHIÊM CHÍNH

2.1. Không tiếp xúc với nữ giới, ni giới

Đời nhà Tùy (581-618), tại Tương Châu, chùa Diển Không, có pháp sư hiệu Linh Dụ.

Sư họ Triệu, người Định Châu, Do Dương (Hà Bắc). 18 tuổi xuất gia ở chùa Ứng Giác, Triệu Quận. 21 tuổi theo Đạo Bằng học Địa Luận. 3 năm sau trở về Định Châu thọ cụ túc giới. 26 tuổi theo Uẩn Công học luật Tứ Phần, rồi theo hai sư Tung, Lâm học Thành Thật luận, lại theo các sư An, Du, Vinh học Tạp Tâm. Sư cũng từng theo học với Đại Sung Pháp Thượng (495~580), từ đó chuyên nghiệp Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Địa Luận, Luật bộ. Sư kiêm thông thế học, Nho, Lão. Đề cao cách học của người xưa, học rộng, nghe nhiều, tra cứu cẩn trọng, chỉ trích tân học lập dị; những bài giảng của sư luôn có cương lĩnh, không bao giờ ra ngoài sách vở. Do vậy đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến tất chúng, mọi người đều tôn ngài là “Dụ Bồ tát”. Thời Bắc Chu, nước Tề hủy báng Phật pháp, sư tập hợp đồng lữ hơn 20 người ở tại tụ lạc, ban ngày đọc sách thế tục, đêm đến bàn luận Phật pháp. Sau nhà Tùy lại chấn hưng Phật giáo, sư du hóa đến đất Thục, Triệu... Niên hiệu Khai Hoàng thứ 10 (590 t.l), sư đến Lạc Châu, chùa Linh Thông. Đầu năm sau trú tại Tương Châu, chùa Đại Từ. Sau phụng sắc trú trì chùa Hưng Thiện ở Trường An. Để muốn sư làm Quốc thống, sư cố từ chối không được, bèn trở về Tương Châu, trụ ở chùa Diển Không, hoằng dương Phật pháp. Niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu, sư thị tịch, thế thọ 88. Tác phẩm gồm có *Thập địa, Duy ma, Bát nhã số; Đại thừa nghĩa chương, Thánh tích ký, Phật pháp đông hành ký, An dân luận, Diệt pháp luận, Tế thế Tam bảo ký...*

Bình sinh, sư sắp xếp, bố trí cho chúng xuất gia ở hai khu vực, chúng đã thọ đại giới và chưa thọ đại giới ở riêng hẳn hoi. Trong chúng, nếu người nào ngôn ngữ, hành vi tàn mạn chắc chắn bị quở trách. Ngài phát nguyện không truyền thụ giới cho ni chúng, chỉ khi nào giảng kinh thuyết pháp, mới cho phép ni giới vào nghe, nhưng lúc bắt đầu buổi giảng phải vào sau cùng, kết thúc phải ra trước tiên. Ngài ở một mình trong phòng, tuyệt đối không cho ni giới vào. Chúng Sa di đến khi thọ giới cụ túc, tất phải thỉnh đại đức Tăng làm tôn chứng sư, nhưng phải đủ 20 tuổi mới cho đăng đàn thọ giới cụ túc. Đại sư suốt đời chỉ đắp y bá nạp bằng vải thô. Chiếc quần dài chỉ đến mắt cá, tay áo lót rộng bốn ngón tay, dài chỉ đến khủy tay. Nếu như xem thấy y phục nào quá ư sa hoa thì cắt phá cho thành y bá nạp, hoại sắc mới dùng.

---o0o---

2.2. Tuổi nhỏ không buông lung

Đời nhà Đường (618-907), tại tỉnh Kinh Đại, chùa Từ Ân, có pháp sư hiệu Huyền Trang.

Pháp sư Huyền Trang, người họ Trần, là hậu duệ của Trần Trọng Công, Thái khâu trưởng triều nhà Hán. Tuổi nhỏ theo anh là pháp sư Tổ xuất gia (tức Trương Tiệp pháp sư). 11 tuổi đã tụng đọc kinh Duy Ma, Pháp Hoa. Sư tính tình chính trực, siêu bạt, không a dua theo thời cuộc, chìm nổi theo trần tục. Có một ngày thấy chúng Sa di ngồi nói chuyện bông đùa tán dố, sư nói với chúng rằng: “Kinh Phật không có để nói à? Là người xuất gia thì phải tu pháp vô vi, tại sao lại có thể ngồi nói chuyện bông đùa như vậy? Cứ tiếp tục mãi như thế này thì chỉ lãng phí cuộc sống quý báu này thôi!” Người cao minh xem đến sự kiện này thì biết đạo đức của đại sư thật phi phàm!

Lời bình:

Tuổi nhỏ đã có đức hạnh cao siêu, đó không phải do thiên phú đặc biệt mà là do tập khí tu tập đời trước không quên mất. Biết được đạo lý này, có thể hiểu được cuộc sống hôm nay của mình do từ nhân duyên nào kiếp trước; cũng có thể nhìn cuộc sống hôm nay nếu tu tập miên mật, thì kiếp sau tự nhiên đạo đức siêu trần bạt tục.

---o0o---

2.3. Nghiêm huấn thị giả

Đời nhà Đường (618-907), tại núi Giang Nam, chùa Chí Tương, có pháp sư hiệu Trí Chính.

Sư họ Bạch, người Định Châu, An Hy (nay là Hà Bắc, An Hy). 11 tuổi xuất gia, giới hạnh thanh nghiêm, rất coi trọng Bát kính pháp. Niên hiệu Khai Hoàng thứ 10 (590 t.l), Tùy Văn Đế xuống chiếu cầu hiền, bèn mời sư nhập kinh. Sư phụng sắc trú trì chùa Thắng Quang. Niên hiệu Nhân Thọ năm đầu (601 t.l), Đế lại xây chùa Nhân Giác, đích thân đề tên chùa, mời sư trú trì, tha thiết lễ lạy. Sư mấy lần từ chối không được, bèn trốn đến Chung Nam Sơn, ở chùa Chí Tương suốt 28 năm. Trong khoảng thời gian đó, sư từng theo học với Uyên pháp sư.

Sư tinh thông kinh Hoa Nghiêm. Có người thỉnh giảng, sư ra giảng, phân tích rõ ràng, tường tận. Không có người thỉnh giảng, sư an tâm thiền

định. Niên hiệu Trinh Quán thứ 13, tháng hai, sư thị tịch, thế thọ 81. Tác phẩm có *Hoa Nghiêm số 10 quyển*.

Bình sinh, sư Trí Chính có một đệ tử tên là Trí Hiện. Mỗi lúc đại sư Trí Chính xem sách, ngồi ngay thẳng suy nghĩ, Trí Hiện cầm bút đứng hầu phía sau. Đại sư Trí Chính nói ra điều gì, Hiện lập tức ghi chép lại. Cứ như vậy trải qua mấy năm, lúc nào cũng chăm chỉ siêng năng không thay đổi. Lúc đầu pháp sư Hiện chỉ đứng không ngồi, có một ngày, chân bị đau, trong lòng buồn bực, Hiện té xuống đất lúc nào không hay. Sư Trí Chính quở trách: “Vào thời quá khứ rất xa, thuở đức Phật Phất Sa tại thế, đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một tiên nhân ngoại đạo, lên núi tuyết hái thuốc thấy đức Phật Phất Sa ngồi trên bảo toà trong hang nhập hoả định, phóng hào quang rực rỡ, thấy vậy trong lòng rất hoan hỉ, kính tin, bèn bước tới đứng chấp tay, hướng đến Phật nhất tâm chiêm ngưỡng, mắt không rời bảy ngày bảy đêm, còn tán thán Phật rằng: “Trên trời, dưới trời không ai giống như Phật, mười phương thế giới cũng không ai có thể so sánh, con đã nhìn khắp thế giới này, tất cả không ai sánh bằng Phật”, do lời khen ngợi và tấm lòng ngưỡng mộ này mà trải qua chín kiếp, trong kiếp thứ 9 được thành chánh giác (Đại Trí Độ Luận, quyển 4, Bồ Tát Thích Luận). Con mới đứng có một chút thì đã ngã rồi nguyên nhân là do tâm không trịnh trọng!”. Đại sư Trí Chính nghiêm khắc như vậy.

Lời bình:

Đã bị té lại còn bị trách mắng, thật là quá nghiêm khắc! Người xưa vì cầu pháp mà quên đi bản thân mình, như nhị tổ Thần Quang (Huệ Khả) cầu pháp nơi tổ sư Đạt Ma. Đạt Ma ở động thiếu thất, tĩnh tọa quay mặt vào vách núi, Thần Quang đến cầu pháp, đứng ở bên ngoài, tuyết phủ đầy mặt đất, suốt một đêm, tuyết ngập lên tận đầu gối. Lại nữa, hai vị học trò nhà Nho là Du La Đạo và Dương Thời, học đạo với tiên sinh Y Xuyên. Tiên sinh Y Xuyên bấy giờ đang nhắm mắt dưỡng thần, hai người đứng ở ngoài cửa, gặp lúc tuyết đang rơi, hai người không cảm thấy kinh động, tiên sinh ở trong phòng mở mắt nhìn ra ngoài cửa, thấy tuyết dày đến ba tấc. Tấm gương tôn sư trọng đạo của hai người này, còn lại không nhiều. Người ngày nay ngồi luận đạo, lại có cảm giác chán chường mệt mỏi. Ôi! làm thầy quản giáo nghiêm khắc, làm một người học trò tôn sư trọng đạo, những việc như vậy đã sớm bại hoại hết rồi, thực tại đáng buồn thay!

2.4. Phá đồ đựng rượu

Đời nhà Đường (618-907), tỉnh Dịch Châu, chùa Thanh Hóa, có pháp sư hiệu Huyền Giám.

Pháp sư Huyền Giám là người Cao Bình, Dịch Châu. Tính tình sư đơn hậu, ngay thẳng, bộc trực, thấy người đến không như pháp, nhất định bị sư quở trách ngay trước mặt, không kiêng nể đối phương là người có thế lực, ngoan cường như thế nào. Một đời đại sư kiến tạo, tu bổ rất nhiều đạo tràng. Lúc đó phải thuê mướn rất nhiều công nhân, nếu như có người đưa rượu đến cho công nhân uống, đại sư cấm cản bảo: “Tôi tạo tự viện nhất định phải làm như pháp, thà rằng công nhân bãi công, không cho phép công nhân uống rượu”. Lúc đó, chùa Thanh Hóa đang thi công làm chánh điện. Ở Dịch Châu có một gia đình vọng tộc, gọi là nhà Tôn Nghĩa, chở hai xe rượu đến ủy lạo cho công nhân, Giám đại sư bèn đánh phá hết mấy vò rượu, rượu chảy tràn lan ra đất. Tôn Nghĩa rất giận, quyết định ngày hôm sau phải cho đại sư Giám khó xử. Nhưng tối hôm đó ông nằm ngủ mộng thấy một người cầm dao đến muốn giết ông ta, bảo ông không được vô lễ đối với đại sư. Tỉnh dậy, Tôn Nghĩa biết được lỗi của mình, thế là từ đó, ông rất cung kính, quì trước mặt đại sư xin sám hối.

Lời bình:

Ngày nay, chiêu đãi công nhân không những dùng rượu bia, lại còn sát sanh, chiên nấu những thức ăn tanh, đến nổi phá đất, nghinh thần tế lễ mời đại khách, càng sát hại rất nhiều sinh vật, dùng đinh, móc câu đóng sinh vật treo lên trên vách tường. Cầu phước kiến tạo chùa chiền như vậy, thiên đường thành tựu đâu chưa thấy, đã thấy gieo nhân tạo địa ngục rồi! Đây là tình hình cuộc sống thực tại đây. Người muốn làm chùa, tu sửa tháp miếu cầu phước, ngàn vạn lần phải cấm chỉ hẳn những việc làm trên.

---o0o---

2.5. Không tiếp xúc người nữ

Đời nhà Đường (618-907), tỉnh Phong Châu, chùa Đại Hưng Quốc, có pháp sư hiệu Đạo Lâm.

Pháp sư Đạo Lâm họ Lý, người huyện Cáp Dương, Đồng Châu. 35 tuổi mới xuất gia. Sau khi xuất gia, sư vào sâu trong hang động núi Thái Bạch ẩn cư. Hoàng đế rất coi trọng sư, sắc lệnh cho trú trì chùa Đại Hưng Quốc.

Không bao lâu, sư lại trốn đến ẩn cư ở phía nam Lương Sơn.

Sư một đời cần kiệm, khắc khổ, cho rằng nữ sắc là gốc của tai họa, sản sinh ra dục nhiễm. Suốt đời sư không nhìn mặt nữ giới, không vì nữ giới nói pháp, không tiếp nhận vật thực nữ giới cúng dường, không cho người nữ vào phòng của mình, lúc lâm chung, có mấy nữ đệ tử muốn đến hỏi thăm tình hình bệnh tật và hầu cận, sư ở trong phòng biết được, bảo các cô không được bước vào, không cho các cô thấy mặt.

Lời bình:

Trong giới luật cũng cho phép vì người nữ thuyết pháp, nhưng phải thận trọng, không được cưỡi lừa cho đối phương thấy răng của thầy, cũng không cho phép nói nhiều, nhưng sư Đại Lâm thì tuyệt đối không vì những người nữ thuyết pháp, tựa hồ nghiêm khắc thái quá. Nhưng, là thời kỳ mạt pháp, tâm người không tốt, giới luật suy vi, căn bản không phải không yên lòng người xuất gia vì người nữ thuyết pháp, chỉ sợ người xuất gia vì người nữ thuyết pháp rồi mê đắm, ái nhiễm mà thôi. Giống như phong cách của Thiền sư Đạo Lâm đây, kẻ hậu học có thể lấy làm gương.

---o0o---

2.6. Nỗ lực bảo vệ chánh điện, thiền đường

Đời nhà Đường (618-907), ở tỉnh Thủy Châu, chùa Hương Lâm, có đại sư hiệu Huệ Chủ.

Đại sư Huệ Chủ người huyện Vĩnh Quy, tỉnh Thủy Châu, chuyên tâm nghiên cứu giới luật, trú trì chùa Hương Lâm. Có một ngày, Lăng Dương Công đến Ích Châu. Lăng Dương Công xưa nay đối với Phật pháp không một chút tín ngưỡng, cho nên đem hơn một trăm cặp lừa, la dẫn vào trong chùa, sắp đặt ở Đại điện, Giảng đường, Tăng xá v.v... Trong chùa không một người nào dám chống cự. Đại sư Huệ Chủ bấy giờ có chút Phật sự trong thôn lạc trở về, thấy tình hình tạp loạn, bần thủ như vậy, lập tức vào trong phòng mang tích trượng và ba chiếc áo cà-sa ra, nói lớn: “Chết sống hôm nay nhờ Phật quyết định”! Nói xong, sư cầm tích trượng đánh đuổi lừa, la ra khỏi chùa; lừa, la bị sư đánh ngã lăn trên đất, tựa như chết ngất đi một chập. Đại sư Huệ Chủ lừa những lừa, la vào trong một hố lớn. Quan huyện địa phương biết sự việc này, vô cùng hoảng sợ, bắt đại sư Huệ Chủ đến chỗ Lăng Dương Công trình diện và phán tội.

Không thể ngờ rằng, Lãng Dương Công không những không trách phạt gia hình, mà còn hoan hỷ nói rằng: “Nhờ ơn luật sư đây khai thị, phá bỏ tâm tham dục, bunn xỉn hà tiện của con, từ đây con học hỏi sự giáo huấn của Ngài, được ích lợi không nhỏ.” Thế rồi tặng cho sư 10 cân trầm hương, 10 đoạn vải trùu. Sau trở về kinh thành, lại theo đại sư thọ Bồ Tát giới.

---o0o---

2.7. Đuổi các cô ni ngang ngược

Đời nhà Đường (618-907), ở kinh sư, Chùa Phổ Quang, có pháp sư hiệu Huệ Mãn.

Pháp sư Huệ Mãn người Ung Châu, 7 tuổi xuất gia, sau phụng thánh chỉ của Hoàng đế trú trì chùa Hoằng Tế. Chùa này có các ni cô chùa Chứng Quả ở cung đình thường ra vào, ngang ngược không thể nói (có lẽ họ ý thể trong cung), chiếm giữ chùa Tăng làm am ni giới. Đại sư Huệ Mãn triệu tập đại chúng đuổi các cô đi. Các sư cô vào trình bày cáo trạng với đông cung thái tử. Thái tử phái Di Chiêm Sự (tên quan chưởng quản đông cung sự vụ), Đỗ Chính Luân v.v... ra giải vây. Đại Sư Huệ Mãn vẫn kiên trì đuổi các sư cô đi, mọi người sợ việc này tiếp tục sẽ động đến đại cung, chuốc lấy tai ương, thế là miễn cưỡng vứt bỏ thể diện theo cùng ni sư. Đại sư liên tiếp mấy ngày than thở không vui, sau các ni sư đến yết bái đại sư, tạ tội sám hối, đại sư vẫn đi thẳng, không ngó đến quý cô.

---o0o---

2.8. Không nhận sách tiên

Đời nhà Đường (618-907), ở tỉnh Minh Châu, núi Đại Mai, có Pháp sư hiệu Pháp Thường.

Pháp sư người Tương Dương, tính tình cương trực, nhậy bén, xưa nay vẫn đắp nạp y, dùng bát đất, mỗi ngày ăn một bữa vào sáng sớm mà thôi, suốt đời không thay đổi nguyên tắc ấy. Vào đời Đường Đức Tông (lên ngôi năm 780), niên hiệu Trinh Nguyên thứ 12 (797), sư từ núi Thiên Thai đến núi Đại Mai. Mai sơn là nơi tiên nhân Mai Phước, triều nhà Hán, ẩn cư tu hành. (Thuở xưa Mai Tử Trục cũng vào núi, thấy nhiều long huyết, thần xà, mỗi khi nhả khí ra là thành lều các, mây mưa tối tăm, bên trong khối đá có cất chứa kinh sách Tiên dược). Đại sư thường nghỉ đêm trong phòng của Mai Phước ở ngày trước. Có một hôm sư mộng thấy thần nhân nói rằng: “Ngài không phải là người bình thường, ở trong khối đá này có Tiên thư (ghi chép những sự việc quá

khứ, tương lai), ngài xem rồi có thể làm chủ vương đế. Nếu không làm Hoàng đế, cũng có thể làm quốc sư cho Hoàng đế”. Đại sư Pháp Thường nói: “Đây không phải là cái mục đích mà tôi hướng đến. Trước đây đại sư Tăng Trù, đời nhà Tề, tu thiền ở trong núi Tây Vương, Hoài Châu, nghe thấy hai con hổ dữ đánh nhau, gặm thét chấn động núi rừng, liền dùng tích trượng ngăn cách chúng ra, hóa giải trận đấu của hai con hổ. Sau khi hai con hổ mỗi con tự giải tán rút lui, chốc lát bỗng nhiên có một vị tiên cầm hai quyển kinh xuất hiện đứng ở trên giường. Đại sư Tăng Trù nói: “Tôi vốn xưa nay tu tập theo đạo Phật há lại mong cầu người trường sanh sao? Tôi tuy có truy cầu bất sanh bất diệt, nhưng mà là cái bất sanh bất diệt của Niết bàn vô dư, vô thượng mới là tốt hơn hết.” Thần nhân nghe xong vô cùng bội phục, hết lời tán thán.

---o0o---

2.9. Đóng cửa từ con

Đời nhà Đường, ở Lạc Kinh, chùa Quảng Ái, có pháp sư hiệu Tùng Gián. Sư người Nam Dương, xuất gia lúc tuổi tráng niên, không bao lâu đốn ngộ chơn lý chân không diệu hữu. Đời Đường Võ Tông (841-847), niên hiệu Hội Xương thứ 5 (846), vua hủy báng đạo trời, triệt hạch chùa Phật, bắt Tăng ni phải hoàn tục, Phật pháp lâm vào đại nạn, bị tàn phá, hủy hoại, bài xích, đại sư trốn đến ẩn cư trong biệt thự suối nước nóng ở Hoàng Phủ Mai. Đường Tuyên Tôn lên ngôi (847), niên hiệu Đại Trung, năm thứ nhất, lại cho khôi phục Phật giáo. Ngay sau đó sư trở lại Lạc Dương, chỗ ở ngày trước. Đứa con của ngài (lúc chưa đi tu ngài đã có gia đình) từ Quảng Lăng đến thăm ngài. Ngài gặp nó ở cửa chùa, vì không nhận ra ngài, nó hỏi: “Đại Sư Tùng Gián ở đâu?”, sư Tùng Gián biết rõ là con mình nên từ chối không nhận chỉ tay về bên hướng đông nam, con ngài hướng về phía đông nam đi tìm. Đại sư Tùng Gián ngay sau đó đóng cửa không tái xuất đi lại. Nén đau, cắt ái như vậy không gặp mặt đứa con thân sinh, công phu này không phải người bình thường có thể làm được!

---o0o---

2.10. Kháng cự bất khuất

Triều đại nhà Đường, ở kinh sư, chùa Đại Tổng Trì, có pháp sư hiệu Trí Thật.

Sư họ Thiệu, người Ứng Châu, Vạn Niên (nay là Thiểm Tây). 11 tuổi xuất gia tại chùa Đại Tổng Trì. Học kinh Niết bàn, Nhiếp luận, Câu xá, Tỳ

đàm... Niên hiệu Võ Đức năm đầu (618), ba đại pháp sư Huệ Thừa, Đạo Tông, Biện Tường cùng tăng chúng hơn 20 người về Kinh sư dự pháp hội ở cung Hoàng Nghĩa. Sư Trí Thật được xếp ngồi ở dưới cùng, nhân phụng mạng đối luận, mọi người mới biết sư chứa cả kho tàng tri thức. Võ Đức năm thứ 7, Pháp Nhã tập hợp ngàn Tăng làm quân, muốn xuất chiến với quân Đột Quyết, Trí Thật cực lực can gián, Đế giận tước bỏ pháp phục của sư. Trinh Quán năm đầu (627), Pháp Nhã phạm tội bị giết, Trí Thật mới được ân xá cho trở lại chùa. Trinh Quán năm thứ 11, Đế hạ chiếu cho phép Đạo gia đứng trước Phật gia. Trí Thật lại kháng chiếu. Đế không nghe, còn mệnh lệnh cho tể tướng Sầm Văn Bồn viết thư chỉ trích sư. Sư kiên trì lập trường chính khí, không chịu vâng theo chiếu lệnh của vua. Hoàng đế rất giận, trong buổi đương triều truyền phạt đại sư giữa mặt bá quan văn võ, cho người dùng cây đánh và lột bỏ y phục của ngài, bắt mặc y phục của thường dân, rồi đày đến Lãnh Nam. Có người chê cười đại sư không biết tự lượng sức mình, không biết tiến thoái. Đại sư nói: “Tôi xưa nay vẫn biết không có cách gì chuyển biến cuộc thế trước Đạo sau Tăng, nhưng vì sao tôi cứ như lý mà tranh đấu cho mục đích? Là vì muốn để cho người đời sau biết rằng vào triều Đại Đường có một Hòa thượng thà chịu chết chứ không chịu khuất phục trước uy vũ và cố giữ lấy điều chính nghĩa”. Nghe đến những lời này ai nấy đều tán thán, khâm phục không thôi.

---o0o---

2.11. Phòng tâm lý quá

Triều đại nhà Tống (960-1279), ở Biện Kinh (tức phủ Khai phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc ngày nay), chùa Pháp Vân, có Thiền sư hiệu Thiện Bồn.

Sư họ Đồng, người Dĩnh Châu (Phụ Dương, An Huy, Trung Quốc). Sư vốn là cháu nối dõi của Đồng Trọng Thư, tể tướng triều nhà Hán (947-950), bác học quần thư. Sư nổi pháp Thiền sư Tông Bản ở chùa Huệ Lâm, thuộc tông Vân Môn đời thứ 7.

Thời Tống Triết Tông (1086-1101), Sư trụ trì chùa Pháp Vân, vua ban cho hiệu Đại Thông Thiền sư. Ngày thường, không luận làm hay nghỉ, sư đều giữ oai nghi đoan chính nghiêm trang, mắt không hề liếc đi chỗ khác. Lãnh chúng 3 năm, chưa từng cười nói tùy tiện. Bất cứ đi đến chỗ nào, thấy tượng Phật, Bồ Tát, sư chỉ đứng tuyệt đối không dám ngồi. Rau cải, trái cây mà biến chế thành các món giả thịt, giả cá, hay vật liệu thức ăn chay mà gọi tên đồ mặn thì sư không dùng. Công phu tu tập của sư luôn

phòng tâm không cho nó đi quá xa trong sự tham muốn, lỗi lầm; sự ngăn ngừa cẩn thận nghiêm khắc như vậy!

Đời Tống Huy Tông (1101-1126), niên hiệu Đại Quán (1107-1110) thứ 3 (1109), ngày giáp tý, tháng 12, đột nhiên sư nói với mọi người rằng: “Ta chỉ còn ba ngày thôi”. 3 ngày sau quả nhiên sư thị tịch. Người đời gọi đại sư Viên Chiếu Tông Bổn là Đại Bổn, còn Thiền sư Thiệu Bổn gọi là Tiểu Bổn.

Lời bình:

Công phu “phòng tâm ly quá” đến như vậy, người xưa cho rằng là Thánh Hiền, người ngày nay cho là cổ hủ, lạc hậu, thật là đáng buồn thay!

---o0o---

2.12. Suốt đêm chấp tay

Triều đại nhà Tống, ở Lô Sơn, chùa Viên Thông, có Thiền sư hiệu Cư Nột. Sư họ Kiến, tự Trung Mẫn, người xứ Tử Châu (nay là huyện Tam Đài tỉnh Tứ Xuyên) Trung Quốc, nối pháp Thiền sư Diên Khánh Tử Vinh, tông Vân Môn. Sư được vua Nhân Tông ban hiệu “Tổ Ấn Thiền sư”. Sau sư trụ chùa Viên Thông ở Lô Sơn nên được gọi là sư “Viên Thông Nột”. Sư thường hay nhập định, pháp tướng rất đặc biệt. Lúc đầu hôm, hai tay đan chéo vào nhau ngồi yên lặng; đến nửa đêm hai tay chấp lại từ từ đưa cao lên đến giữa ngực, thị giả mỗi khi thấy hai tay đại sư đưa lên đến giữa ngực là biết gà sẽ gáy lần đầu.

Người cầu pháp phải nên chuyên tâm nhất trí như vậy mới có cơ thành tựu!

---o0o---

2.13. Không nói chuyện đời

Triều đại nhà Tống, Thiền sư Quang Hiếu An, trụ trì chùa Thanh Thái. Có một hôm ngài nhập định, trong định ngài thấy hai vị Tăng dựa lan can nói chuyện. Lúc đầu, có thiện thần ủng hộ, bảo vệ, cung kính nghe họ đàm luận. Ít lâu sau thiện thần bỏ đi. Không bao lâu lại nghe ác quỷ đến không tiếc lời mắng chửi họ, quét sạch những dấu chân họ đi qua. Sau khi xuất định, sư truy cứu sự việc, kết quả: nguyên do là hai vị Tăng lúc đầu thảo luận Phật pháp, do đó thiện thần hộ vệ đến nghe. Tiếp đến lại nói chuyện nhà trước đây, rồi sau nói đến sự việc cúng dường tài vật, ác quỷ nghe thấy cũng không tiếc lời thóa mạ. An Thiền sư ngay sau đó, phát nguyện suốt đời không nói đến chuyện thế tục.

Lời bình:

Người xưa vì sinh tử đại sự hành cước tham vấn, vừa mới gặp được thầy bạn tốt liền vội vàng đàm luận thưa hỏi một việc lớn này, đâu có thời gian để thảo luận mấy chuyện vụn vặt của thế gian kia? Người ngày nay, suốt ngày nói những chuyện tào lao, không dính dáng gì đến Phật pháp, lại cho rằng phải khó lắm mới gặp được trường hợp giống như hai vị Tăng này, nghĩ rằng quý thần đâu phải lúc nào cũng ở bên cạnh chúng ta, họ lại làm gì được nào? Thực tại thật đáng sợ thay!

---o0o---

2.14. Thấy lỗi của Tăng

Thế tục có nạn ngữ: “Người đời không nên thấy lỗi lầm của người xuất gia, thấy hoặc nói sẽ có tội”. Nhưng Khổng Phu Tử là thánh nhân, ông còn vui mừng khi người khác biết lỗi lầm của ông, chỉ trích ông. Tử Lộ là một người hiền, cũng vui mừng khi người khác nói lỗi lầm của ông. Là người xuất gia lại sợ người khác biết lỗi lầm của mình mà không muốn nghe hay sao? Cần biết rằng, không nên chỉ thấy một mặt lỗi lầm của người xuất gia, đây là đối với người tại gia mà nói. Người xuất gia dựa vào câu nói này làm xăng làm bậy không một chút sợ sệt. Như vậy, cái câu nói này trở thành lương dược của người tại gia mà độc dược của người xuất gia, thật đáng buồn thay!

---o0o---

2.15. Môn đình cao tuấn

Người xưa nói ý nghĩa “Cửa đình cao lớn” là ví chuyện giống như cư sĩ Duy Ma Cật thị hiện có bệnh, Phật sai quý thầy A-la-hán đi đến hỏi thăm, quý thầy A-la-hán mỗi người đều nêu lý do nói rằng họ không có tư cách đi thăm hỏi cư sĩ Duy Ma Cật. Bồ tát Văn Thù cũng nói: “Vị cư sĩ này rất khó ứng phó”, hình ảnh này gọi là “Môn đình cao tuấn”. Sau này, chư đại tôn sư Thiên tông, lúc người học đạo tham vấn, hoặc dùng cây đánh, hoặc thét lên thật lớn, hoặc đưa lên một ngón tay, hoặc trưng cung lên muốn dùng tên bắn người, hoặc buông một câu nói, một khẩu ngữ, ví như mọc tai làm canh không có cách gì ăn được, lại giống như Thái a bảo kiếm, không thể sờ vào được (kiếm rất bén, sờ vào liền bị đứt tay), lại giống như ánh trăng trong nước, không thể nắm bắt được, nếu như không phải là kẻ tham học lâu ngày, công phu đã sâu, không dám lên cửa cầu giáo huấn... những trường hợp này gọi là “Môn đình cao tuấn”. Kỳ thật, tôn sư bình đẳng thật lòng tiếp người, tuyệt đối không cố

ý làm nên cao lớn nghiêm khắc. Nhưng do tâm người học bị đánh tự đề cao lên, một cách tự nhiên sinh lòng kính sợ. Đâu phải cố ý nâng cao tư thế, tỏ vẻ oai phong, lời lẽ thô tháo, sắc mặt nghiêm khắc, nhưng toàn là sự biểu hiện dáng vẻ bề ngoài chứ nội tâm chẳng có gì, thì làm sao gọi là “Môn đình cao tuấn” cho được?

---o0o---

2.16. Người xuất gia đua theo việc học thế tục

Học vấn của nhà Nho lấy các sách Lục kinh (thư, thơ, dịch, lễ, nhạc, xuân thu), Luận ngữ, Mạnh tử, làm chuẩn. Người học Lão Trang không được coi kinh Phật, chỉ chuyên nghiên cứu học hỏi một môn. Đó là đạo lý chính đáng, không có gì lấy làm lạ. Làm người xuất gia cũng phải giống như thế, nên chuyên nhất một việc tu hành thì mới mong thành tựu. Nhưng ngày nay, có nhiều Hòa thượng không đọc tụng kinh Phật mà đọc sách nhà Nho, đọc sách nhà Nho chưa đủ, còn đọc thêm Lão Trang. Người thông minh tinh xảo một chút lại thêm chú giải, viết số giải thích. Vậy còn chưa đủ, lại học làm thơ, sáng tác văn chương, học thư pháp, học thư tín... Học toàn những thứ không đâu này đều làm chướng ngại cho việc học đạo. Xưa nay, chư vị tổ sư có người bác thông Nho gia, Lão Trang, thậm chí giỏi thơ từ, chữ, họa, là dùng để độ sanh, đó là vì các ngài đã nắm lấy sự sống chết của các ngài rồi, học Phật đã đến chỗ tinh thâm, không hại đến du hí tam muội, để rộng hóa duyên. Người bây giờ việc sanh tử chưa xong mà đua theo việc học bên ngoài, đó là một hiện tượng suy vi của Phật pháp, thật không thuốc chữa! Người xuất gia lại có người làm thầy địa lý, làm thầy bói quẻ, xem tướng số mệnh, làm thầy thuốc, làm thầy thuốc khoa phụ nữ, làm thầy phù thủy, đốt lửa luyện chì, luyện thủy ngân... thời kỳ mạt pháp những sự tai hại thực tại rất nhiều. Hoặc có người nói: “Đại sư Bách Trượng Hoài Hải sai Tư Mã Đầu Đà tuyển chọn một đạo tràng có thể xây dựng cho 500 vị Tăng tu hành, liền tìm được đạo tràng Quy Sơn. Đây là nhờ công lao của thầy địa lý! Tiếp theo lại tuyển chọn trụ trì đạo tràng Quy Sơn và đã chọn được Thiền sư Đại Hữu, vị Tăng tài này không thể có nhiều được, đó là công lao của tướng sĩ! Vì sao lại phê phán khoa bói toán, tướng số như vậy?” Ôi, đó là thánh hiền thuở xưa vì xiển dương Phật pháp, phổ lợi quần sanh mà tùy thuận cơ duyên và phương tiện thôi! Không phải chỗ cho hàng phàm phu tục tử có thể hiểu và đo lường được, huống chi Thiền sư Bách Trượng, Tư Mã Đầu Đà là hai người thuộc về nhân vật nào há có thể để cho những thầy địa lý, tướng sĩ... đem ra so sánh!?

TỔNG LUẬN

Có lẽ có người sẽ nói như vậy: “Tăng” có nghĩa là “lục hòa kính”, và còn phải tu nhẫn nhục, chịu đựgnghên không thể có chữ “nghiêm”. Đây là không hiểu ý nghĩa chữ “nghiêm” mà tôi nói. Tôi nói “nghiêm” không phải “nghiêm khắc” mà là “nghiêm chính”! Dùng hạnh nghiêm chính để thâm nhiếp thân tâm, thì tâm sẽ được chính; dùng hạnh nghiêm chính để nắm giữ chánh pháp thì đạo phong pháp môn có thể tự mình gây dựng lên sự nghiệp. Nếu như biểu hiện hành vi cử chỉ kỳ lạ đặc biệt để cầu danh dự, làm điều hung ác, bạo ngược để tỏ rõ oai phong của mình và cho đó là nghiêm chính, thực tại là có khác biệt một trời một vực, người xuất gia không thể không phân biệt rõ ràng!

---o0o---

CHƯƠNG 03 - HẠNH TÔN SƯ

3.1. nỗ lực làm ruộng

Đời nhà Tấn, ở Trường An, chùa Ngũ Cấp, có pháp sư hiệu Đạo An, mười hai tuổi xuất gia. Sư trời sanh bẩm tánh thông minh, nhưng ngoại hình rất xấu, nên không được sư phụ quan tâm, bắt sư làm những việc ruộng đồng nặng nhọc. Sư chăm chỉ làm lụng như vậy trải qua được ba năm, dù cực khổ đến đâu cũng chưa từng biểu hiện thái độ oán hận, phiền lòng. Sau mấy năm, sư tìm sư phụ cầu học kinh điển. Sư phụ đưa cho sư một quyển kinh “Biện Ý”³ có hơn 5 ngàn chữ. An đại sư mang cuốn kinh này đi ra ruộng, lúc nghỉ ngơi mang kinh ra đọc, đến tối mới trở về, lại xin sư phụ truyền cho kinh khác. Sư phụ nói: “Hôm qua mới đưa cho thầy cuốn kinh đã học xong chưa lại xin học cuốn kinh khác!”. Sư trả lời: “Dạ, con đã đọc thuộc kinh rồi!”. Sư phụ tuy rằng rất kinh ngạc nhưng vẫn chưa tin lắm, lại đưa cho sư cuốn kinh “Thành Cụ Quang Minh”⁴, cuốn kinh này gần một vạn chữ. An đại sư nhận kinh mang ra đồng, hoàng hôn lại mang kinh trở về, trả sư phụ và xin được học cuốn khác. Sư phụ bảo ngài tụng lại, ngài tụng không sai một chữ, sư phụ mới vô cùng kinh hãi, hết lời khen ngợi.

Lời bình:

³ Tên đầy đủ của cuốn kinh này là “Biện Ý Trường Giả Tử Sở Vấn”, Pháp Tràn dịch vào đời Bắc Ngụy, tiếng Phạn là Pratibhāna-mati-pariprcchā, còn có tên khác là “Biện Ý Trường Giả Tử Kinh”. Nội dung kinh này thuật lại chuyện đức Phật trả lời những câu hỏi của trưởng giả Biện Ý, như những việc sanh lên cõi trời, cõi người, hay đọa địa ngục, đọa ngạ quỷ... tất cả 10 việc; mỗi một việc lại có 5 nhân duyên. Đức Thế Tôn trả lời tường tận, khiến trưởng giả cùng với đại chúng hoan hỷ phụng hành.

⁴ Tên đầy đủ là “Thành Cụ Quang Minh Định Ý Kinh”, Chi Diệu dịch vào thời hậu Hán. Kinh này cho biết vì sao đức Phật thành tựu diệu đức trang nghiêm, đó là nhờ định ý.

Thiên tài của An đại sư giống như bảo ngọc trong cung điện, vốn để cho người ta chiêm ngưỡng, vậy mà bảo ngài đi cày ruộng! Vậy mà ngài vẫn cam chịu lao khổ không than oán. Các đệ tử ngày nay, có được một chút tài năng, đối xử với nó một chút không trân trọng là muốn bỏ đi chỗ khác rồi, huống nữa là gọi nó đi làm những việc ruộng đồng cần lao phục dịch? Mà là lao động phục dịch lâu ngày nữa chứ! Nghĩ đến đây, tôi không cầm được lời than thở.

---o0o---

3.2. Tự đánh trách mình

Triều nhà Tấn, tại Kinh Châu, chùa Trường Sa, có Thiền sư hiệu Pháp Ngộ. Pháp Ngộ lay Thiền sư Đạo An làm thầy. Sau đó về trú trì chùa Trường Sa, ở Giang Lăng, diễn giảng nhiều kinh, có hơn bốn trăm người đến học Phật với sư.

Một hôm, có vị Tăng trong chùa lén uống rượu, sư Pháp Ngộ bắt được, tiến hành xử phạt, nhưng chưa phạt thì vị Tăng ấy chạy vụt ra cửa trốn mất. Đại sư Đạo An ở xa nghe chuyện này, bèn dùng một ống tre lấp đặt một cây roi trong đó, rồi phong bao lại gửi đi cho sư Ngộ. Sư Ngộ mở phong ra thấy cây roi, liền nói:

“Đây là do cái chuyện ông thầy uống rượu mà ra, ta không đủ năng lực dạy dỗ và lãnh chúng, phải khiến cho sư phụ ở xa lo lắng mà ban cho cây roi này!”.

Thế rồi sư đánh kiềng chùy triệu tập đại chúng lại. Sư Ngộ đem cây roi ra đặt trước mặt, đốt hương đánh lễ chí kính, tự mình nằm xuống đất, sai thầy duy na cầm roi đánh ba roi. Sư rơi nước mắt tự trách. Một lần như thế, Tăng tục ở địa phương đó không ai là không khen ngợi và bội phục. Nhân sự việc này mà mọi người cảm kích phấn phát tinh tấn tu tập rất nhiều.

Lời bình:

Ôi! Giả sử người hiện nay mở phong bao ống tre của sư phụ gửi ra, thấy một cây roi, mà không đập vỡ ống tre, chặt đứt cây roi, mở lời chửi rủa sợ rằng còn rất ít. Còn như sư phụ là thánh nhân, đệ tử là hiền nhân đây, tuy thời gian đã quá hơn ngàn năm đến nay, tôi vẫn tiếp tục vì hai đại sư đây làm mãi vẫn không thể than nhiều!

---o0o---

3.3. Vì thầy lễ Phật sám hối

Triều nhà Tấn, ở Thế Thanh, Sơn Trúc, có pháp sư hiệu Pháp Khoáng. Sư họ Phi, mồ côi cha mẹ từ thuở ấu thơ, phụng thờ kế mẫu rất hiếu thuận nên nổi tiếng là người con hiếu.

Sau xuất gia, bái pháp sư Đàm Ấn làm thầy. Lần nọ pháp sư Ấn bị bệnh nặng, rất nguy hiểm. Khoáng đại sư 7 ngày 7 đêm, thành kính lễ Phật sám hối hồi hướng công đức cho sư phụ thoát khỏi bệnh hiểm nghèo. Đến ngày thứ 7, hốt nhiên thấy hào quang năm sắc chiếu sáng khắp phòng đại sư Đàm Ấn. Ấn đại sư tỉnh dậy, nói rằng thấy có một người dùng tay xoa thân thể của mình, thế là ngay sau đó lành bệnh.

---o0o---

3.4. Tuyết ngập quá gối

Triều đại nhà Lương (502-255), Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang, lúc đầu yết kiến vua Lương Vũ Đế, nhưng thấy không độ được vị vua này nên sang đất Ngụy.

Triều nhà Ngụy (534-550, thuộc bắc Triều), có Thần Quang, ở huyện Nghiệp Trung, đương thời là người đứng đầu trong giới học vấn, giải nghĩa.

Bồ Đề Đạt Ma đến đất Ngụy, ở ẩn trên Thiếu Lâm, động Thiếu Thất. Thần Quang đến động Thiếu Thất muốn bái sư làm thầy. Đạt Ma ngồi quay đầu vào vách không nói một lời. Cả một ngày một đêm tuyết rơi lớn, Thần Quang vẫn cứ đứng trầm mình trong tuyết lạnh giữa sân, tuyết ngập đến gối. Đạt Ma bấy giờ quay đầu lại hỏi: “Ông đứng trầm mình trong tuyết lâu như vậy, muốn gì?”. Thần Quang rơi lệ thưa: “Ngưỡng mong Hòa thượng từ bi mở cửa cam lồ, rộng độ chúng sanh”.

Đạt Ma nói: “Diệu pháp vô thượng của chư Phật phải nhiều kiếp tinh cần, khó làm mà làm được, khó nhẫn mà nhẫn được, hạng tu tập như ông có thể tu chứng được sao? Hôm nay ông đem lòng khinh mạn, đòi hỏi muốn cầu chân đế Phật pháp, quả là làm mộng, lao khổ vô ích”.

Thần Quang nghe quở vậy, vì muốn biểu thị quyết tâm cầu pháp không sợ lao nhọc bản thân, liền lấy dao chặt đứt cánh tay trái đặt trước mặt Đạt Ma. Đạt Ma nói: Chư Phật lúc cầu đạo đều vì pháp quên thân, hôm nay ông chặt đứt một cánh tay cũng có thể cầu pháp được rồi.

Thần Quang thưa: Tâm con không được an, xin thầy an tâm cho con.

Đạt Ma nói: Người đem tâm ra đây ta an cho.

Thần Quang nói: Con tìm tâm mãi mà không thấy.

Đạt Ma nói: Vậy ta đã an tâm cho người rồi đó!

Ngay câu nói ấy Thần Quang bừng ngộ, tâm pháp Thiền môn truyền cho ngài, trở thành tổ thứ 2 Thiền tông Trung Hoa.

Lời bình:

Nhị tổ Thần Quang được truyền tâm pháp là do lòng tinh cần đã đến cực độ, cơ duyên đã chín muồi. Có như đá nam châm hút sắt, hổ phách nhặt hạt cải, một cái vỗ tay, một cái đánh... tức là khế hợp, bùng vỡ, tinh thông. Không nhất định phải chặt tay! Người ngu si muốn bắt chước sư Thần Quang, không biết học tinh thần của Ngài, chỉ bắt chước cầm dao chặt đứt thân thể. Ôi! Nếu như truyền pháp nhất định phải chặt tay, như vậy thì lịch đại chư vị tổ sư thân thể đều không nguyên vẹn, mỗi mỗi tàn phế; muốn thành Phật tất phải thiêu thân thể, như vậy thì tiên thánh, tiên hiền chẳng có ai còn mạng sống. Thật ra, chặt tay là chặt tay phiền não, thiêu thân là thiêu thân vô minh! Hi vọng người muốn tu tập thiền nên giúp đỡ nhau, để cổ vũ nhau như vậy.

---o0o---

3.5. Xa thầy tự trách

Đời nhà Đường, ở Tương Châu, chùa Biện Giác, có sư hiệu Thanh Giang. Thanh Giang từ nhỏ đã lãnh ngộ chân lý cuộc đời là huyền mộng, như bọt nước, như ánh chớp, tất cả các pháp đều vô thường, nên đến yết bái luật sư Đàm Nhất làm thầy. Thân cận gần gũi theo luật sư Đàm Nhất học kinh. Kinh sách chỉ một lần qua mắt là hiểu rõ. Ngài Minh Nhãn nói: "Vị Tăng này là con ngựa thiên lý của Phật pháp". Có thời gian, ngài với sư phụ Đàm Nhất nhân duyên không hợp, thế là ngài đành xa sư phụ đi hành cước tham học các nơi, đi đến đâu đều mở pháp hội giảng kinh. Sau đó, ngài tự trách mình, nói : "Hầu như đi khắp một nửa thiên hạ, tham học vô số pháp sư, nếu so sánh khả năng với sư phụ Đàm Nhất của ta trước đây, người hơn thật chẳng có nhiều". Thế là ngài trở lại với luật sư Đàm Nhất.

Lúc chúng Tăng đang vân tập, sư vạ lần xấu hổ cúi đầu nhận tội, nói: "Con, Thanh Giang, hôm nay trở về gần gũi với sư phụ, hi vọng sư phụ từ bi mà tha nhận lại con làm đồ đệ".

Lúc ấy, Đàm Nhất đại sư trách ngài, không muốn nhận trở lại. Thanh Giang khóc như mưa, lay thầy sám hối và than thở: "Trước đây do con vô tri, giờ đây đã hiểu rõ, khẩn cầu sư phụ từ bi chấp nhận cho con trở

lại hầu dưới toà, để cho con được mãn nguyện làm tròn bốn phận người học trò”. Ba lần bi thiết khẩn cầu như thế, Đàm Nhất thương, khôi phục lại quan hệ thầy trò lúc đầu. Sau Đại sư Đàm Nhất viên tịch, Thanh Giang lại đến Nam Dương bái yết Huệ Trung Quốc sư, được Quốc sư coi trọng truyền yếu quyết tâm pháp cho.

Lời bình:

Giác ngộ được rằng mình xa rời bậc thánh hiền là một hành động sai lầm, chấp nhận sự thống mạ mà vẫn không thối tâm, có thể nói đó là người minh trí và lại thành kính nữa; sau lại được quốc sư Huệ Trung coi trọng và truyền cho tâm pháp cũng vì Ngài là người minh trí và thành kính vậy! Những kẻ hậu bối thiển kiến, niềm tin mỏng manh, đối xử với nó một chút không tốt, thì muốn bỏ đi, một khi đi không bao giờ trở lại, mới quở trách nó một vài câu, thì đã luôn luôn ôm hận trong lòng, như vậy thì dù có gặp được sư phụ cao minh, lại có thể dùng được sao? Giống như kẻ bình dân được vận may gặp Hoàng đế và kết giao với anh ta mà chẳng được nửa chức quan, thật đáng tiếc thay!

---o0o---

3.6. Đón thầy về ở chính đường

Đời nhà Đường, tỉnh Trường Sa, núi Thạch Sương, có Thiền sư hiệu Khánh Chư.

Khánh Chư (807-888) họ Trần, người xứ Tân Cam, Lô Lăng (nay là huyện Tân Can, tỉnh Giang Tây) Trung Quốc. Năm 13 tuổi, sư nương Thiền sư Hồng Tĩnh Tây Sơn Thiệu Giám cạo tóc xuất gia, năm 23 tuổi đến Tung Sơn thụ giới cụ túc, học giới luật. Về sau sư chuyên chí Thiền, làm Mễ đầu ở dưới hội của ngài Quy Sơn Linh Hựu, siêng năng phục vụ đại chúng. Sư còn đến Vân Nham Đàm Châu (nay là huyện Trường Sa, tỉnh Hồ Nam) yết kiến Đạo Ngô Tông Trí, ngay nơi lời nói khế cơ, từ đây đại ngộ. Ở Trường Sa, sư sống lẫn lộn cùng thế tục, mọi người đều chẳng biết. Động Sơn Lương Giới sai tăng đi tìm hỏi, sư mới lộ diện, đến núi Thạch Sương xiển dương Thiền tông, chư tăng tụ hội đến trên 500 vị.

Lúc Đạo Ngô sắp viên tịch, đặc biệt coi trọng Khánh Chư, đem y bát chính truyền của mình trao cho. Sau Đạo Ngô rời chúng đi đến ở với Khánh Chư. Khánh Chư mời đại sư Đạo Ngô lên ở chính đường, rồi tự mình chăm sóc cúng dường, lúc đi ra đường nhất định dìu thầy đi, lúc ngồi nhất định đứng hầu một bên, lễ phép, kính dưỡng hết sức tận tình.

---o0o---

3.7. Hầu thầy lâu năm

Đời nhà Đường, tỉnh Chiêu Hiền, có Thiền sư hiệu Hội Thông. Thuở nhỏ, Hội Thông làm Lục quan đại sứ (quan liên lạc trong cung đình, vương thất) của triều vua Đường Đức Tông (780-805), nhưng không muốn theo nghiệp công danh phú quý, nên bỏ hết, đến yết bái thiền sư Đạo Lâm Diệu Khòa, cầu thế độ xuất gia. Lúc đầu Đạo Lâm không nhận. Ngài bi thiết khẩn cầu, cuối cùng Đạo Lâm mới xuống tóc thế độ và nhận làm đệ tử. Ngài hầu hạ Thiền sư, tùy tùng hai bên, siêng năng cần mẫn chưa từng thay đổi, trải qua 16 năm, vẫn chưa được Thiền sư khai thị. Thế rồi một hôm, ngài tâm sự với thầy, ý muốn đi xa, Thiền sư Diệu Khòa hỏi ông muốn đi đâu? Ngài đáp: “Muốn đi đến các thiền viện tham học Phật pháp”.

Đạo Lâm Thiền sư nói: “Phật pháp ta đây cũng có một ít”, nói xong sư nhặt lấy một sợi lông vải nơi y thối một cái. Thông pháp sư hốt nhiên đại ngộ. Nhân một sợi lông vải rơi xuống mà khai ngộ, cho nên người ta gọi ngài là “Thị giả bố ma”⁵.

Lời bình:

Người ta chỉ thấy Thông Thiền sư qua sự kiện thấy một sợi lông vải rơi xuống mà khai ngộ, chứ không biết rằng trước đó Thiền sư đã phải trải qua 16 năm tinh cần không giải đãi, nghiên tập Phật pháp và thường ngày tiếp nhận, huân tập một cách vô hình trung nơi Thiền sư Diệu Khòa. Đã đến lúc, giống như giây cung đã giương lên, một khi chạm đến liền phát ra cảnh giới, nếu như chưa từng có công phu nhiều năm tinh cần thì làm sao có ngày khai ngộ đó? Gặp được người minh sư như trên, hi vọng không cần quá cấp bách!

---o0o---

3.8. Cẩn thận giữ gìn di mệnh của thầy

Triều nhà Tống, ở Nam Nhạc, am Thạch Đầu, có Thiền sư hiệu Hoài Chí. Sư Hoài Chí người Kim Hoa. Lúc tuổi thanh niên học giảng kinh, do vì bị kích thích bởi một vị tu thiền, sư bỏ giảng kinh đi tham thiền khắp 4 phương. Sau sư đến đạo tràng Động Sơn (Đạo tràng tông Tào Động, Tổ sư Động Sơn Lương Giới), được Thiền sư Chơn Tịnh Văn khai thị cho mà ngộ đạo. Sau theo hầu Thiền sư Chơn Tịnh Văn rất lâu. Một hôm, sư muốn xa Thiền sư Văn. Văn nói với sư: “Thiền học của thầy

⁵ Tích này sau thành một công án, gọi là “Bố mao thị pháp”. Công án này được thấy ở tiết Diệu Khòa Hòa thượng trong Tổ Đường tập q. 3.

tuy cao siêu thoát tục, chỗ ngộ cũng rất lớn, nhưng nhân duyên hóa độ chúng sanh của thầy không tốt, miễn cưỡng hóa độ chỉ là dẫn đến sự hủy báng, cẩn thận kéo trở lại tạo nghiệp”. Chí thiền sư lãnh mệnh bá biệt, khắc ghi lời dạy trong lòng.

Đến Viễn Châu, người trong châu thỉnh sư trú trì chùa Dương Kỳ, nhưng có người làm trở ngại nên bỏ đi. Sau chu du đến Hồ Nam, Tương Giang, quan mục Đàm Châu thỉnh sư trụ trì chùa Thượng Phong hoặc Bắc Thiền, sư đều từ chối. Rồi sư trụ lại trong một túp lều tranh ở Hành Sơn hơn 20 năm. Sư có một bài kệ như vầy:

“Thấy rõ vạn sự, bỏ hết vạn duyên, việc đời chẳng tranh đua, giả vờ thành một kẻ si ngốc, thật thà chất phát, ta rong chơi trong núi rừng, làm bạn với lũ nai cùng nhau du ngoạn, gai góc bám cũng chẳng thềm gỡ, lấy nắm tay gối đầu, gập cánh tay mà ngủ. Từ vô lượng kiếp đến nay ta trôi lăn trong sanh tử, có bao nhiêu cuộc sống, bao nhiêu thế giới giống như cuộc sống hôm nay, ở am tranh giữa núi rừng cây cỏ xanh um như thế này không?”

Cuối cuộc đời, sư tham bá Thiền sư Long An Chiếu. Chiếu Thiền sư an bài cho sư ở An Lạc Cung trong chùa. Sư ở tại đó cho đến khi viên tịch.

Lời bình:

Người ta ai cũng thích nổi danh, chứ còn tôn trọng giữ gìn di mệnh của thầy, từ chối mời thỉnh mọi phương diện, hiện tại rất khó tìm! Người bây giờ chỉ tìm cầu danh lợi, ném bỏ lễ nghĩa không thèm nhìn tới, người ta không thỉnh không mời tự mình tìm đến rất nhiều, như thế đó còn nhớ đến lời huấn thị của thầy sao?!

---o0o---

3.9. Vâng lời dạy của thầy suốt đời ẩn cư

Thanh Tố, Thiền tăng nhà Tống, sau khi được thiền sư Từ Minh Sở Viên, ở Thạch Sơn, Đàm Châu truyền pháp, sư ẩn cư trong chúng. Thiền sư Đâu Suất Duyệt bấy giờ cũng ở chung. Một hôm, trời tối, Đâu Duyệt nghe nói chuyện trong đêm, hỏi ra mới biết thiền sư Thanh Tố từng là thị giả thiền sư Từ Minh, một phen kinh hãi. Hôm sau, Đâu Duyệt chính đốn dung nghi trang nghiêm đến yết bá Thiền sư Tố. Về sau lại thường xuyên thỉnh giáo, trải qua mấy lần khai thị và khảo phát, Duyệt Công cuối cùng đại ngộ.

Thiền sư Tố cảnh giác Duyệt Công rằng: “Ta do vì phước báo cạn mỏng, tiên sư dạy ta không được truyền pháp độ chúng, hôm nay ta thấy người

cũng chí tâm thành ý, thương người mà quên đi lời giáo giới của tiên sư, hi vọng từ đây về sau người không được nói pháp do ta truyền”.

Tổ Thiền sư ẩn cư mai danh trong chúng suốt đời hầu như không có ai biết Ngài là một Đại đức đã khai ngộ.

---o0o---

3.10. Binh nạn không lìa

Triều nhà Nguyên ở Bắc Kinh, có Thiền sư hiệu Ẩn Giản (1202-1257).

Sư họ Tống, tự Hải Vân, người xứ Lam Cốc (nay là huyện Lam, tỉnh Sơn Tây) Trung Quốc. 8 tuổi bái Thiền sư Trung Quán Chiếu làm thầy. Lúc 18 tuổi, quân Nguyên dấy binh đánh hạ thành Ninh Viễn, dân chúng đều đi tị nạn, sư Giản vẫn phục thị thiền sư Trung Quán như cũ, không có ý chạy trốn. Quán Thiền sư nói với sư:

- Ta tuổi đã lớn, chẳng biết làm gì, thầy tuổi đang thanh niên còn có việc làm, hà tất phải lưu lại nơi đây, bên lão già sắp chết này làm gì? Thầy hãy tự mình đi lánh nạn đi! Sư Ẩn Giản rơi lệ nói:
- Nhân quả thì một sợi tơ kẻ tóc không sai, sống chết có số, con làm sao có thể bỏ sư phụ mà đi, hóa ra là kẻ tham sống sao?

Hôm sau thành Ninh Viễn bị phá vỡ, quân lính đầu hàng. Thống sự quân Nguyên, Sử Công Thiên, hỏi sư Giản: “Người là người thế nào?”. Sư Giản đáp: “Là người xuất gia”. Sử lại hỏi: “Người ăn thịt chứ?”. Giản sư đáp: “Thịt gì?”. Sử nói: “Thịt người”. Giản sư đáp: “Hổ là loài súc sinh hung dữ còn không ăn thịt đồng loại, huống chi là con người?”. Sử nghe nói rất khen thưởng, nhân đó thả sư đi.

---o0o---

3.11. Sư Tánh Không

Ở huyện Ngô, chùa Tứ Châu, có một vị Tỳ-kheo pháp hiệu là Tánh Không. Tánh Không bỏ đạo tràng tụng kinh sám hối, đến bế quan ở Hiếu Phong sơn. Thầy đã từng cho tôi những bài văn thệ nguyện và những bả cáo mười phương v.v... của thầy, tôi rất khen ngợi, tán thán hoằng nguyện của thầy. Nhưng không bao lâu thầy bị ma nhập, điên rồ phát cuồng mà chết. Tôi đau đớn tưởng niệm thầy, vô cùng thương xót, vừa giận vừa tiếc, bèn truy cứu nguyên nhân, thì ra duyên cớ là vì lúc mới phát tín tâm, thầy ấy có tín tâm nhưng không có trí tuệ! Người xưa, trước khi tâm chưa khai ngộ, không ngại đường xa vạn dặm tìm thầy học đạo, xa một Tông Lâm này liền vào một Đạo tràng khác, cho đến

cùng trời cuối đất, đi học khắp nơi, chưa có một giờ một khắc nào dừng nghỉ, mỗi mệ, lười biếng. Sau khi tâm địa đã minh bạch, mới vào ẩn cư trong rừng, bên suối, dùng công phu để nuôi lớn và giữ gìn minh tâm kiến tánh. Còn giống như thầy này đây không dễ gì xuất gia tu hành được, chỉ muốn thoát ly năm uẩn mạnh mẽ như lửa thiêu đốt nhà thế tục, bèn nhắm mắt bước vào tử quan, tự tuyệt huệ mạng ư? Do vì lỗi lầm của bản thân mình chưa được minh bạch, những nghi hoặc trong tâm chưa phân biệt rõ ràng, cho nên mới biến khéo thành vụng, muốn cầu tiến bộ mà ngược lại bị đọa lạc. Có rất nhiều người lúc mới phát tâm tu hành, ở am tranh trong rừng sâu núi thẳm, ở một mình tu đạo, tự lấy làm thanh cao. Giỏi lắm! Tuy nhiên không bị ma nhập phát điên, nhưng cũng vì vậy không thể biết được lỗi lầm, không được giải nghi, vô cùng bất lợi cho việc tu hành, người mắt sáng thử nghĩ xem.

---o0o---

3.12. Lục quần Tăng

Thời Phật còn tại thế, có sáu vị Tỳ kheo, tên là: Nan Đà (Nanda), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), Đan Đà (Chanda), Mã Sư (Aśvaka), và Mãn Túc (Punarvasu) kết bè kéo cánh làm toàn những việc không hợp oai y, không như pháp, vì vậy thường bị Đức Phật quở trách, bị các đệ tử lớn coi thường. Nhưng, từ xưa đến nay, người ta vẫn nói lục quần Tỳ-kheo thời Đức Phật còn tại thế giống như chư vị Bồ tát Mã Minh, Long Thọ sau này, khi đức Phật đã diệt độ. Ôi! Khổng Phu Tử đã từng chỉ trích Tử Lộ khỏe mạnh mà thô lỗ, Nghiễm Cầu thì dùng chính sách phiến nhiều tàn khốc ngược đãi nhân dân, nói Phàn Tu là kẻ tiểu nhân, nhưng mà, nếu như dùng Tử Lộ và Nghiễm Cầu làm quan thì sửa trị chính sách được. Tuy nhiên, so sánh những người mà Khổng Phu tử khen ngợi lúc bấy giờ có chỗ không bằng Lục quần tăng, nhưng ngày nay, thì là trác việt và cả thế giới cũng hiếm có. Người hiền thời bây giờ thì có thể làm thái phủ hoặc huyện lệnh, giỏi lắm thì làm tướng! Sau này các danh tướng như Uyên Hà, Tào Tham, Cung Thắng, Hoàng Bá, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Diêu Sùng, Tống Cảnh, Hàn Kỳ, Phạm Trọng Yên, Phú Bật, Âu Dương Tu, cũng chưa hẳn có thể so sánh được với những người trên! Nếu như Lục quần Tỳ-kheo là những người thù thắng, căn cứ vào đó mà người đời sau này lại có thể làm điều kỳ quái vậy sao? Cho nên, trong kinh 'Đại Phương Đẳng Đại Tập', ở phẩm 'Nguyệt Tạng Diêm Phù Đề', đức Phật nói: "Sau khi ta diệt độ trong khoảng 500 năm đầu, các Tỳ-kheo giải thoát giống như pháp của ta rất kiên cố, 500 năm tiếp theo, chánh pháp Thiên tông tam muội của ta

được trụ kiên cố, 500 năm tiếp theo nữa, những người đọc tụng, đa văn được trụ kiên cố, 500 năm tiếp theo nữa trong pháp của ta kiến tạo nhiều chùa tháp được trụ kiên cố, và 500 năm tiếp theo nữa là thời kỳ đấu tranh kiên cố, lời tụng pháp trong sáng bị ẩn đi, nhưng chưa thật sự tổn giảm”. Cách Phật càng lâu thì đạo càng khắc nghiệt; càng mật pháp, tu hành càng kém. Trong Hoài Nam Tử, chương Truy Hình, cũng nói: “Vũ gia sinh Phi Long, Phi Long sinh Phượng Hoàng, Phượng Hoàng sinh Loạn Diệu, Loạn Diệu sinh Vũ Diệu, phàm là Vũ thì đều sinh chim hết”. Đây không phải cũng là sự biểu thị một đời không như một đời sao? Thật tại nói rất có lý! Sao có thể không vì vậy mà thốt lên ba tiếng ai thán! Mặc dù như thế, nhưng Mạnh Tử nói: “Kẻ sĩ hào kiệt tuy rằng sinh phải thời không có người trọng dụng như minh quân Văn Vương, nhưng cũng có thể tự mình sáng tạo một sự nghiệp”. Nếu như câu nói này không sai thì quả là đại vận hạnh cho chúng sanh! Tôi mỗi ngày đều hi vọng như vậy.

TỔNG LUẬN

Thời xưa, kẻ làm đệ tử, sau khi sư phụ chết, kính ngưỡng rất kiên định, không trái di mệnh của thầy, tín thọ phụng hành. Ngày nay kẻ làm đệ tử, sư phụ hãy còn chưa chết tín ngưỡng đã dao động, thay đổi, nguyên nhân vì sao? Thật tại là vì, lúc mới phát tâm xuất gia, tất cả không phải ai cũng chân chính muốn nương vào chánh tri, chánh kiến của thầy để liễu thoát sanh tử, là mà nhất thời hứng khởi, ngẫu nhiên trùng hợp bái thầy mà thôi. Cho nên, thấy có danh lợi có thể mưu đồ được thì bỏ sư phụ liền, hoặc giả gặp bạn bè xấu mê hoặc dụ dỗ rồi bỏ thầy mà đi, hoặc giả làm việc sai bị thầy quở trách, dạy dỗ mà căm hờn bỏ sang chỗ khác, thậm chí có thầy bạn tốt không theo, ngược lại đi theo bạn ác, thầy hư, giống như từ cây cao bóng mát lại bỏ đi đến khe núi sâu tối, càng đi xuống chỗ chênh vênh. Mạnh Tử có nói trong chương Đặng Văn Công rằng, bấy giờ, học trò của Trần Lương là Trần Tương, sau khi thầy chết rồi, liền theo Hứa Thành, người rợ Man phương Nam, học cày ruộng; lại có pháp sư Linh Nghiệp bỏ học Phật đi làm đạo sĩ cầu trường sanh, thậm chí giống như thị giả của Thiền sư Thái Dương (gọi là Bình thị giả) đem di thể của sư phụ từ trong tháp ra để phá hủy, đập nát đầu, tự lấy làm cao minh... Mấy trường hợp như thế cũng có nhiều! Luân lý đạo thầy trò đã mất, thật đáng buồn thay!

---o0o---

CHƯƠNG 04 - HẠNH HIẾU THÂN

4.1. Thắng hội Vu Lan

Thời Phật còn tại thế, Tôn giả Mục Kiền Liên phụng thờ mẫu thân rất mực hiếu thảo. Sau khi mẹ mất, ngài xuất gia tinh tấn tu hành, chứng quả La hán, được lục thông. Ngài dùng thần thông thấy thân mẫu sau khi chết bị sanh trong đường ngạ quỷ, đói khát vô cùng. Mục Liên bèn đem cơm dâng mẹ, nhưng không hiểu vì sao cơm mới đưa đến miệng thì bỗng hóa thành lửa dữ. Thần thông rốt cuộc cũng chẳng chuyển hóa được nghiệp lực. Mục Liên rơi lệ trở về đem sự tình bẩm báo với đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

“Mẹ của con khi còn sống đã tạo nhiều tội ác, một mình con không thể chuyển hóa được nghiệp báo của mẹ con, mà phải nhờ sức mạnh, oai thần của mười phương Tăng mới có thể chuyển hóa được. Con hãy đợi đến ngày rằm tháng bảy, ngày ấy chúng Tăng an cư kiết hạ hoàn mãn, ngày giải hạ, trong ngày ấy, mỗi thầy đều nhờ các thầy khác kiểm điểm, chỉ cho lỗi lầm của mình để sám hối và sửa đổi. Sau ba tháng an cư, nếu không thiên định giải thoát, đoạn hoặc chứng quả, vẫn có thể diệt tội tăng phước, chư Phật đương nhiên vui mừng, cho nên ngày đó gọi là ngày Phật hoan hỷ, còn gọi là ngày Tăng tự tứ, con nên vì mẹ thiết lễ Vu lan bồn (Trung Hoa gọi là Cứu đảo huyền, vì trong lễ này, người sắm sanh lễ vật gồm những thức ăn và đồ dùng dâng cúng chư Phật cùng chư Tăng để cầu nguyện cho thân mẫu trong đường ngạ quỷ được đỡ đói khát, sự sống đang bị treo ngược), cúng dường Phật và Tăng mới mong cứu được mẹ con”.

Mục Liên y theo lời Phật dạy thiết lễ Vu Lan, mẹ của Ngài ngay trong ngày ấy được thoát khỏi đường ngạ quỷ, lại còn được tăng phước báo, sanh lên cõi trời hưởng thụ an vui. Nhân đó có thắng hội Vu Lan, nay còn được lưu truyền.

Lời bình:

Lúc cha mẹ còn sống phụng thờ hiếu dưỡng, sau khi chết dùng lễ chịu tang, đó là hiếu nhỏ; lúc còn sống cho cha mẹ niềm vui, sau khi chết vì cha mẹ mà lưu danh thơm tiếng tốt ở đời, đó là đại hiếu; còn nếu như khi sống có thể dẫn dắt cha mẹ tin Phật, sau khi chết có thể siêu độ tâm linh đó mới là đại hiếu trong mọi thứ đại hiếu khác. Mục Liên là người như vậy.

4.2. Đích thân hầu hạ mẹ

Thời Nam Bắc triều, đời nhà Tề (479-502), tại huyện Nghiệp Hạ, có pháp sư hiệu Đạo Kỳ.

Sư Đạo Kỳ tu theo tông Thành Thật, có sáng tác bộ 'Kim tạng luận', 7 cuốn. Ngài giảng kinh ở Đông Giao, Nghiệp Thành. Mỗi lần đi giảng kinh, sư đều gánh mẫu thân và kinh điển, tượng Phật đi theo. Sư nói với mọi người rằng: "Tôi muốn tự mình cúng dường mẹ, bởi vì công đức cúng dường mẹ và cúng dường Bồ tát Đẳng Địa giống nhau". Y phục, ẩm thực, đại tiểu tiện của mẹ, sư đều tự mình lo liệu, không muốn phiền hà người khác. Có người muốn giúp sư, sư từ chối nói: "Đây là mẹ của tôi, đâu phải mẹ của anh. Thân thể của mọi người chúng ta bất quá chỉ là bốn đại giả hợp, bởi vì nó mới có nhiều phiền toái và đau khổ, tôi cũng không ngoại lệ. Có thân thì có khổ. Nhường nỗi khổ của tôi lại cho ai? Hà tất phải cảm phiền người khác"!

Đương thời, không luận là tại gia hay xuất gia, đều được ngài cảm hóa.

---o0o---

4.3. Tuyệt thực để tang mẹ

Thời Nam Bắc triều, đời nhà Lương (502-557), tại Dương Đô, chùa Quang Trạch, có pháp sư hiệu Pháp Vân.

Sư họ Chu, người Nghi Hưng, Dương Tiễn (nay là Giang Tô, Nghi Hưng). 7 tuổi xuất gia. 13 tuổi bắt đầu nghiên cứu Phật học. 30 tuổi giảng kinh Pháp Hoa, kinh Tịnh Danh ở chùa Diệu Âm. Kết bạn thâm giao với Trung thư Chu Ngung, nước Tề, Vương Dung ở Lang Gia, Lưu Hội ở Bành Thành, Đồ Hiếu Tự ở Đông Hoàn... Niên hiệu Thiên Giám thứ 2 (503), đời nhà Lương, sư phụng sắc tự do ra vào nội cung. Sau lại phụng sắc trụ trì chùa Quang Trạch, sáng lập Tăng chế (giống như nội quy Tăng sự ngày nay). Niên hiệu Thiên Giám năm cuối (525), phụng sắc làm Đại Tăng Chính (thống chế Tăng giới trong cung). Tại chùa Đồng Thái thiết lễ hội 1000 tăng, Đế đích thân đến nghe giảng kinh Đại Niết Bàn. Niên hiệu Đại Thông thứ 3, sư thị tịch, thế thộ 63 tuổi. Sư thuộc học phái Thành Thật, tinh thông kinh Niết Bàn, cũng giỏi kinh Pháp Hoa. Tác phẩm hiện còn có *Pháp Hoa kinh nghĩa ký, 8 quyển*.

Bình sinh sư rất được nhiều ưa mến, học chúng từ bốn phương vân tập về nghe giảng rất đông. Tính tình rất hiếu thuận, hầu hạ cha mẹ rất ân cần. Một hôm, mẹ sư từ trần, sư bi ai quá độ, mấy ngày liền không ăn vật gì, thân thể tiêu tụy chẳng ra hình người.

Pháp sư Mân nói với sư: “Thánh nhân đã chế định lễ tiết, quy củ, người hiền năng phải đè nén lý tưởng mình thấp xuống, nhân nhượng để hợp với lễ; người chẳng phải hiền năng thì muốn miễn cưỡng hướng thiện, truy tiến cũng khó. Nhà Nho có bi thương cũng không thể nào đem cả thân mạng của mình vượt qua quy định, (Lễ Ký, chương thứ 4, tang phục, đã định: “Phá hoại cũng không được diệt mất cái tánh, không được vì người chết mà tổn thương đến người sống”), huống chi nhà Phật đã có nói một câu rất chí lý: “Muốn báo đáp ân đức, dưỡng dục cao dày của cha mẹ, việc nhỏ thì tận tâm tận lực phụng thờ cha mẹ, khá hơn một chút thì làm cho cha mẹ được vui, còn xa hơn nữa thì làm cho cha mẹ phát khởi tâm bồ đề, hướng dẫn thần thức của cha mẹ đi vào chánh pháp”, thầy phải nên từ nơi ý muốn làm một việc cao xa, đó là khiến cho mẹ được siêu độ, chứ tại sao lại có thể như bọn người thế tục có cái nhìn nông cạn, một mực bi thương đến nỗi tuyệt thực thế kia?”.

Vân Pháp sư sau khi nghe mấy lời dạy dỗ ấy liền tĩnh ngộ, mới ăn cơm trở lại. Đương thời, cùng với Trí Tạng, Pháp Mân, được tôn xưng là “Lương triều tam đại pháp sư” (Ba vị pháp sư lớn của triều nhà Lương).

Lời bình:

Ông Tăng Tử khi mẹ chết, 7 ngày không ăn không uống, giống như Vân pháp sư, mẹ chết cũng tuyệt thực thủ tang, so với ông Tăng Tử chỉ có hơn chứ không kém. Có người nói: “Tín đồ Phật giáo đều không để ý đến cha mẹ mình”, câu nói này có thể tin được không?

---o0o---

4.4. Huyết lệ bi thương

Triều nhà Tùy, tại Ngô Đô, núi Hồ Khâu, có pháp sư hiệu Trí Tập, trú trì chùa Đông Sơn, Giang Tô. Đời Trần Hậu Chủ, niên hiệu Chí Đức năm thứ 3 (586), gặp phải tang mẹ, sư bi ai thống khổ, khóc lóc không thôi, đau khổ cơ hồ đến chết. Sau sư thường trú tại tịnh xá Đông Sơn, hay giảng kinh thuyết pháp, thường xuyên khai giảng không dừng nghỉ, đó là một thời Phật pháp đại thịnh.

---o0o---

4.5. Gánh mẹ đi nghe pháp

Triều nhà Tùy, trong nội thành Đông Đô, đạo tràng Huệ Nhật, có pháp sư Kính Thoát, người Quận Cấp, xuất gia từ nhỏ. Sư rất hiếu thuận với cha mẹ nên nổi danh là người thanh cao chánh trực. Mỗi lần đi nghe giảng kinh, sư thường gánh một gánh, một đầu là mẫu thân, một đầu là

kinh sách, giới luật. Lúc ăn uống, sư an trí mẹ ngồi dưới gốc cây, rồi tự mình vào trong thôn xóm khất thực ra dâng cho mẹ dùng.

---o0o---

4.6. Đào giếng báo ân cha

Triều nhà Đường, tại Kinh sư, chùa Hoằng Phước, có pháp sư Huệ Bân. Sư Huệ Bân người Cẩn Châu, phụ thân tên Lãng, làm quan ở trong triều, thọ hơn 100 tuổi. Sư rất kính yêu cha, cảm thấy chưa biết làm thế nào để báo đáp ân đức của cha cho tốt, đành phải ở phía nam sông Vấn Thủy, nơi bùng binh của đô thành, đào một cái giếng cúng dường cho người bốn phương sử dụng, dùng công đức này hồi hướng để báo đáp công ơn của cha mẹ. Đồng thời dựng một cái bia để làm kỉ niệm. Trên bia có mấy dòng chữ cảm động lòng người, thế này: “Tôi rất lo nghĩ những bô lão tuổi đã về già, nhưng khả năng lại không có. Và tôi, bốn phận làm con, hằng ngày gặp cha già mà không biết làm sao báo hiếu. Đời người tuy trăm năm, trong nháy mắt đã trôi qua, đối với cái giếng này cũng không ngăn cản được thế sự vô thường. Năm tháng vô tình, cảm thấy bi ai vô hạn”.

---o0o---

4.7. Lễ tháp cứu mẹ

Pháp sư Tử Lân, sống vào đời nhà Đường, thân phụ họ Phạm, thân mẫu họ Vương, cả hai đều không tin Tam bảo, không cho Tử Lân xuất gia. Sư bèn trốn nhà đi tu. Đến Đông Đô, sư xin xuất gia với Luật sư Quảng Tu ở chùa Quảng Ái. Trải qua một thời gian dài tinh tấn tu học, một hôm, bỗng nhiên sư nhớ đến song thân, bèn xin phép bốn sư về thăm cha mẹ.

Sư về đến nhà, mẹ sư đã mất cách đó 3 năm, thân phụ sư hai mắt đã mờ. Sư an trí cho thân phụ xong, liền đến Đông Ngục Đại đế, trải tọa cụ ngồi tụng kinh Pháp Hoa. Sư phát thệ tụng kinh chừng nào thấy được Ngục đế để hỏi sau khi thân mẫu qua đời đã thác sanh vào chốn nào mới thôi. Qua mấy hôm sau, đêm sư mộng thấy Ngục đế đến bảo: “Mẫu thân của ngài sau khi chết bị đọa vào trong địa ngục, hiện tại đang chịu muôn ngàn khổ sở”. Sư bi thảm rơi lệ, ngen ngào hỏi Ngục đế có cách nào cứu mẹ chăng? Ngục đế nói: “Ngài có thể đến chùa A Dục quét dọn và lễ bái tháp xá lợi Phật, ắt cứu được mẹ”. Tử Lân liền thu xếp đến chùa A Dục, phát nguyện lễ tháp hồi hướng công đức cho mẹ.

Rồi dốc hết lòng thành, ngày đêm lễ tháp xá lợi Phật, thắm thoát đã đến 4 vạn lay, bỗng nhiên trên hư không có tiếng gọi tên sư. Sư nhìn lên thì thấy mẫu thân đang hướng đến ngài nói lời cảm tạ: “Nhờ công đức lễ tháp xá lợi Phật của thầy mà mẹ được vãng sanh lên cõi trời Đao Lợi”. Nói xong thì biến mất.

Lời bình:

Lòng hiếu thảo của ngài Mục Kiền Liên cảm động đến Phật đà, dạy ngài đến ngày Phật hoan hỷ, rằm tháng bảy, thiết lễ cúng dường chư Tăng để cứu mẹ. Lòng hiếu thảo của sư Tử Lân cảm động đến thần linh, dạy ngài lễ tháp để cứu mẹ. Lòng chí hiếu cảm động đến thần linh, có thể không tin được sao?

---o0o---

4.8. Ngộ đạo báo ân cha

Vào triều nhà Đường, ở tỉnh Phước Châu, tu viện Huyền Sa, có Thiền sư tên gọi Sư Bị Tông Nhất.

Sư họ Tạ, người Phước Châu. Thuở bé sư thích câu cá, thường thả thuyền trôi bồng bềnh trên sông. Phụ thân sư sinh nhai bằng nghề chài lưới. Năm sư 30 tuổi, thân phụ bất hạnh bị nước cuốn trôi mà chết. Sư nhân đó xuất gia, hầu mong đền đáp ân đức dưỡng dục của cha. Sư lên núi Phù Dung, bái Thiền sư Linh Huấn làm thầy, rồi sau đến chùa Khai Nguyên ở Dục Chương (Nam Xương, Giang Tây), thọ giới cụ túc. Sư tu hành rất thanh tịnh, hành pháp đầu đà, mặc áo gai, đi giày cỏ, ăn ngày một bữa, tọa thiền suốt ngày, người đời gọi sư là “Bị Đầu Đà”. Sư từng kết bạn với Tuyết Phong Nghĩa Tồn, nhưng tình lại như thầy trò.

Có một hôm, sư mang đãi xuống núi, định đi hành cước tham thiền học đạo. Nhưng vừa xuống núi, chân vấp bị thương, máu chảy ra thật nhiều, hốt nhiên sư đại ngộ. Thế là sư khăn gói trở lên núi. Từ đó y chỉ với Tuyết Phong để giữ gìn tâm pháp.

Lúc đầu, sư trụ viện Phổ Ứng, sau dời sang núi Huyền Sa ở Phước Châu ứng cơ tiếp vật hơn 30 năm, kẻ học đạo hơn 800 người.

Đêm nọ, sư mộng thấy thân phụ đến cảm tạ, rằng: “Nhờ thầy xuất gia tu học được minh tâm kiến tánh mà tôi cũng trượng thừa công đức, thoát khỏi mê đồ, đã sanh lên cõi trời. Vì vậy tôi đến đây để báo cho thầy biết, đồng thời cảm tạ ơn đức của thầy”.

Niên hiệu Khai Bình thứ 2, Sư thị tịch, thế thọ 74 tuổi. Mân Chúa Vương Thẩm ban tử y (y đỏ) và hiệu “Tông Nhất Đại Sư”.

---o0o---

4.9. Cắt chân xuất gia

Triều nhà Đường, tại Hàng Châu, Kính Sơn, có pháp sư hiệu Giám Tông (793-866).

Sư họ Tiền, người Trường Thành, Hồ Châu. Phụ thân là Tiền Thịnh. Một hôm, cha lâm bệnh nặng, nhà không còn gì ăn, sư cắt thịt nơi chân của mình nấu cho cha dùng, nói dối rằng đó là thịt mua ngoài chợ, nhân đó cha lành bệnh. Thế là sư cầu xin cha cho xuất gia. Sư đến yết bái Thiền sư Diêm Quan Ngộ Không, theo đại chúng tham thiền học đạo, đốn ngộ được bốn lai diện mục. Đời Đường Yển Tông (859-873), khoảng giữa niên hiệu Hàm Thông, sư trú trì Thiên Mục Sơn, núi Đông Phong Kính, người ta gọi sư là Kính Sơn nhị tổ.

---o0o---

4.10. Bán giày nuôi mẹ

Triều nhà Đường, tại Mục Châu, chùa Long Hưng, có sư Thiền sư hiệu Trần Tôn Túc.

Sư họ Trần, người đời thường gọi Trần Tôn Túc, nối pháp Thiền sư Hoàng Bá Hi Vận, sau khi tịch được truy phong hiệu Đạo Minh Thiền sư.

Thoạt đầu, sư hành cước khắp nơi tham thiền học đạo, sau tham học với Thiền sư Hoàng Bá, được ấn chứng, thấu suốt tâm địa. Sau đó, sư trú trì Thiền viện Quan Âm, chúng Tăng thường trú có hơn ngàn người.

Rồi sư bỏ lãnh chúng, vào chùa Khai Nguyên ở trong một mật thất nhỏ, làm giày bằng lá dương bồ, đem ra ngồi một bên đường để bán, lấy tiền phụng dưỡng mẫu thân, nên người ta gọi sư là “Trần Giày Lá” (Trần Bồ Hải).

---o0o---

4.11. Lòng chí thành cảm ứng đến hài cốt của cha

Triều Hậu Chu (951-960), tại Lạc Kinh, chùa Phước Quang, có pháp sư hiệu Đạo Phi.

Sư họ Lý, người làng Quý Trụ, Trường An, là tôn thân hoàng tộc triều nhà Đường, 7 tuổi xuất gia. Năm sư 29 tuổi, gặp biến cố Nhị thái tử (Đường

Thái Tông) giết thái tử Kiến Thành và Tam thái tử Nguyên Kết, tiếm ngôi và dời đô sang Lạc Dương. Kinh đô cũ Trường An bị loạn binh nổi lên thiêu hủy, sư không còn nhà để ở, chùa để tu. Thế là sư công mẫu thân trốn vào Hoa Sơn, ở trong hang núi.

Đương thời chiến loạn, gạo giá rất cao, sư không ăn cơm gạo, ngũ cốc, chỉ khát thực về để cúng dường cho mẹ. Đến bữa dùng cơm, mẹ hỏi: ‘Thầy đã ăn chưa?’. Sư mẹ lo lắng, sư đáp: ‘Con đã ăn rồi’, kỳ thật đã nhiều ngày sư chưa có gì trong bụng!

Thời gian sau, tình hình chiến sự tạm ổn, cuộc sống hòa bình được lập lại. Một hôm, mẹ sư nói: “Thân phụ của thầy đi chinh chiến bỏ thân chốn sa trường, có thể là ở sa trường Hoạch Sơn, thi thể phơi ngoài đồng hoang, gió sương đêm ngày lạnh lẽo. Thầy có cách gì để tìm hài cốt cha thầy về mai táng không?”. Sư vâng lời, thu xếp cuộc sống cho mẹ, rồi lên đường đến Hoạch Sơn. Cảnh chiến sa trường bày ra trước mắt, xương phơi đầy đồng, một màu thê lương ảm đạm, trông đến tê tái lòng người. Sư thu lượm tất cả xương cốt lại chắt thành một đồng. Xong, ngồi trước đồng xương đêm ngày tụng kinh và phát nguyện rằng:

“Người xưa, vì muốn tìm xương cốt của người thân, nhờ tinh thành sở cảm, nhỏ máu thấy thấm xương, biết ngay đó là người thân của mình. Nhưng nay tôi không làm cách ấy, mà nguyện rằng, nếu trong đồng xương này quả thật có di cốt của cha tôi, thì xương ấy phải tự động đứng dậy mà đi ra”.

Nói xong, nhất tâm tụng kinh niệm Phật. Quả nhiên, mấy ngày sau, từ trong đồng hài cốt có mấy khúc xương rục rịch đứng dậy đi ra trước mặt sư. Sư ngó thấy trong lòng muôn ngàn cảm động, vạn phần bi thiết, thu lấy hài cốt của cha mang về.

Tối hôm trước ngày sư về đến nhà, mẹ sư mộng thấy phu quân trở về báo cho biết sáng ra Đạo Phi sẽ đem hài cốt về. Sáng hôm sau quả nhiên Đạo Phi trở về. Mọi người biết chuyện, ai nấy đều cảm động và cho rằng nhờ đạo hạnh tu tập thâm sâu của sư và thần lực của Tam bảo nhiệm mầu mới có cảm ứng như thế.

Sau đó, Hoàng đế chiếu lệnh sư vào giảng kinh luận đạo ở trong cung. Sư thường ở vào vị trí cao nhất. Không luận là quan trong triều hay bá tánh thứ dân đều qui kính sư.

Lời bình:

Tự mình không ăn uống, nhường để cho mẹ dùng, đó đã là hiếu. Chỉ thành tụng kinh mà tìm được hài cốt của cha, có thể nói rằng đó là đại hiếu. Không những chỉ với mẹ hiện đời mà với cha đã tạ thế đều tận lòng hiếu thảo, hạnh hiếu này có thể nói xưa nay ít có. Ôi, thật là một người kỳ đặc!

---o0o---

4.12. Khuyên mẹ niệm Phật vãng sanh

Triều nhà Tống, ở phủ Chơn Định, có thiền sư Hồng Tế Tôn Ghi.

Sư họ Tôn, người Tương Dương (Hồ Bắc) Trung Quốc. Tuổi nhỏ sư mất cha, được mẹ nuôi dưỡng nên người. Chí khí hơn người, học tập Nho nghiệp, bác thông kinh sử. Lúc 29 tuổi đến chùa Trường Lô, Chân Châu (Nghị Chân, Giang Tô), theo Viên Thông Pháp Tú cạo tóc xuất gia và thụ giới cụ túc. Sau sư theo Quảng Chiếu Ứng Phu tham vấn thiền chỉ. Một hôm, sư vừa bước lên bực thềm chợt có tỉnh ngộ, liền làm bài kệ:

Nhấc chân bước lên thềm,

Thấu rõ pháp này xong,

Bên cây hoàng dương cười ha hả,

Trời xanh muôn dặm một vầng trăng.

Sư được Ứng Phu ấn khả, nối pháp làm truyền nhân tông Vân Môn. Niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1093) sư trụ trì chùa Trường Lô. Sư đón mẹ về ở thất phía đông phương trượng, khuyên mẹ cạo tóc xuất gia và trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Bảy năm sau mẹ sư không bệnh mà mất. Sư làm “Khuyến hiếu văn” 120 thiên nói về hiếu đạo thế gian và xuất thế gian. Niên hiệu Nguyên Hựu thứ 4 (1089) mô phỏng Bạch Liên xã ở Lô Sơn, sư lập Liên Hoa Thắng Hội, khuyến khích đạo tục niệm Phật hiệu hồi hướng phát nguyện cầu sinh Tịnh độ. Niên hiệu Sùng Ninh (1102-1105) đáp ứng lời thỉnh của Đãi Chế Dương Úy, sư hoằng pháp tại phủ Chân Định (Chân Định, Hà Bắc).

Tác phẩm: *Thiền Xã Thanh Quy* 10 quyển, *Vi Giang tập*, *Tọa Thiền Châm*, *Niệm Phật Tham Thiền Cầu Tông Chỉ Thuyết*, *Liên Hoa Thắng Hội Lục Văn*, *Niệm Phật Hồi Hướng Phát Nguyện*.

Người đời tôn xưng sư là “Từ Giác Đại sư”.

Lời bình:

Thiền sư Tôn Ghi tinh sâu pháp môn Tịnh độ, không những tự lợi mà còn lợi tha, cho mẹ Ngài. Nếu như có thể khiến cho mẹ được vãng sanh Tây phương, so với sanh thiên hưởng lạc, thì đây cao minh thù thắng hơn nhiều! Người xuất gia muốn báo đáp ân đức cha mẹ, không thể không biết sự kiện này.

---o0o---

4.13. Cha mẹ phải lạy con?

Tôi có viết một cuốn sách tựa đề “Chánh Ngoa tập”, trong đó có đề cập đến vấn đề, ý nghĩa ‘phản’ là ‘hoàn’ của việc ‘phản bái’. Bởi có người cho rằng, cha mẹ là cư sĩ tại gia, không được nhận sự bái lạy của con, là người đã xuất gia, mà ngược lại còn phải lễ lạy con. Tôi nói, như vậy, không phải ngược lại cha mẹ đi lạy con mình trước hay sao? Trong đạo Phật không có lẽ đó! Có một vị Tăng tức giận, bất bình nói:

“Kinh Pháp Hoa nói rằng: ‘Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai sau khi thành Phật, phụ thân của Ngài là vua Chuyển luân thánh vương hướng về Ngài đảnh lễ’. Đây chính là cha mẹ tại gia lạy con xuất gia đấy. Đức Phật đã có dạy rõ ràng như vậy, cho nên kinh điển sau này mới ghi lại”.

Tôi chấp tay hướng về thầy ấy nói rằng:

“Bạch thầy, danh hiệu Như Lai của thầy là gì?”

Vị Tăng ấy nói: “Không dám”!

Tôi lại nói: “Thầy đã không phải là Như Lai, thế thì chắc cũng đã thành Chánh đẳng chánh giác hay gần thành Phật rồi đấy chứ”!

Ông ta lại luôn miệng nói: “Không dám! Không dám”!

Tôi nói: “Đã không dám, thì đợi Ngài chóng thành Chánh giác, lại ngồi ngay thẳng thêm mười kiếp nữa (Đức Đại Thông Trí Thắng Phật, mười kiếp ngồi trong đạo tràng, Phật pháp không hiện tiền, không thành Phật đạo), hiện tại phải chứng cho được quả vị giống như Đức Đại Thông Như Lai, rồi mới tiếp nhận lễ lạy của cha mẹ. Còn đức Đại Thông Trí Thắng Phật, lúc nhận lễ lạy của phụ thân, Ngài ở giữa hư không, thì coi như không có ý nghĩa nhận lễ lạy. Mà còn nữa, người thế tục đã hủy báng tín đồ Phật giáo là không coi cha mẹ, tôi chính vì lo nghĩ việc này, sợ gây ra cho người đời sự hiểu lầm càng thêm trầm trọng, mà gia dĩ phân biệt phải trái, để người đời khỏi hủy báng Tam Bảo, với hy vọng Phật pháp có thể trường tồn ở đời, sao thầy không sợ tạo khẩu nghiệp,

cam tâm làm người có tội của Phật môn? Thầy đúng là hạng “con trùng trong thân sư tử, tự ăn thịt mình”, đáng thương thay”!

TỔNG LUẬN

Người đời chỉ trích người xuất gia không có hiếu với cha mẹ, nhưng không biết rằng sự hiếu thuận của người con Phật so với người đời không ai bằng. Có nhiều truyện cao Tăng, Thánh hiền... đều ghi lại những hành vi hiếu hạnh song thân. Trong lịch sử cũng có nhiều sự thật được chứng minh. Ngày nay, vẫn còn có người căm giận sâu sắc, chán ghét người xuất gia giống như chán ghét rắn độc, bò cạp độc, đây cũng là do người xuất gia tạo thành cho mình mà thôi! Tạo thành tội lỗi này, nguyên do có ba: hưởng thụ của cúng dường mười phương và không nghĩ đến sự đói khát của cha mẹ mình, đây là nguyên nhân thứ nhất; thứ hai là mình đi đâu cũng đi bằng xe to, thuyền rộng mà để cho cha mẹ giống như những người công nhân, đầy tớ, đi bằng xe ngựa xe kéo; thứ ba là cắt ái từ thân, dứt bỏ tình thâm để đi xuất gia vậy mà nhận người dung nước lã làm cha mẹ nuôi. Hi vọng người đời không nên lấy ba điều này của những người xuất gia hư hèn, hạnh xấu xa mà chỉ trích toàn bộ Tăng Ni.

---oOo---

CHƯƠNG 05 - HẠNH TRUNG QUÂN

5.1. Giảng rõ về báo ứng

Vào thời Tam Quốc (220-280), tại nước Ngô, thủ đô Kiến Nghiệp, có sư Khương Tăng Hội (người Việt Nam), sang truyền đạo và lập chùa Kiến Sơ (247-Xích Ô năm thứ 10).

Một hôm vua Ngô Tôn Quyền xuống lệnh triệu kiến sư, hỏi: “Sư có thể nói cho trẫm nghe một ít đạo lý thiện ác, báo ứng của Phật pháp không”?

Sư đáp: “Bậc quân chủ anh minh có thể lấy hiếu thuận và từ bi để cai trị thiên hạ thì chim sắc màu hồng sẽ xuất hiện bay lượn⁶, thọ tinh xuất hiện; dùng nhân thiện và từ bi để giáo dục vạn dân thì trên đất sẽ vọt ra dòng suối ngọt, ngon, tươi mát, sản xuất các loại ngũ cốc tốt tươi, tròn đầy... Làm chính trị bằng điều thiện đã có báo ứng tốt đẹp như vậy thì làm việc ác cũng có ác báo tương tự. Cho nên trong lòng làm ác, tuy người không biết, nhưng quỷ thần muốn giết y. Nếu trong nhà tích chứa điều thiện thì niềm vui vẻ có dư. Trong kinh thi cũng khen Dương Quân

⁶ *Sử ký ghi rằng, khi Vũ Vương qua sông, có lửa từ trên trời rơi xuống, khi vua ngồi, có con chim bơi theo dòng nước, sắc của nó màu đỏ, tiếng của nó thanh tao.*

Tư cầu phước phải làm điều chánh, hành việc thiện, không thể đi vào con đường tà ma, ác đạo, đây tuy là những lời dạy của các ông Chu Công, Khổng Tử... nhưng Phật giáo cũng dạy rõ ràng như vậy.”

Vua lại hỏi: “Chu Công, Khổng Tử đã đưa ra những đạo lý như vậy, hà tất phải dùng đến đạo lý của Phật giáo”?

Sư đáp: “Những thánh hiền nhà Nho như Chu Công, Khổng Tử không muốn đi sâu vào vấn đề chi tiết này, cho nên chỉ đại lược nói như vậy; còn như sự giáo hóa của Phật, không chỉ trình bày những vấn đề trước mắt mà còn nói rõ cả quá khứ vị lai, tinh tường vi tế, cho nên diễn bày rất đầy đủ. Thánh nhân chỉ sợ pháp thiện không nhiều, bệ hạ lại thấy thêm phiền phức là đạo lý gì”?

Vua Ngô nghe rồi rất tán đồng.

---o0o---

5.2 Khuyến thiện trừ họa

Triều nhà Tấn, tại Thế Thanh, Sơn Trúc, có sư hiệu Pháp Khoáng. Một hôm, Giản Văn Đế (371-373) xuống thư thăm hỏi sư hàng ngày có được an lạc không? Đồng thời thỉnh giáo sư về hiện tượng xuất hiện yêu tinh là thế nào và nhờ sư nghĩ biện pháp. Sư viết thư trả lời: “Vua Tề Cảnh Công thực hành chính trị bằng lòng nhân từ, tích âm đức, khi ấy bao nhiêu yêu tinh xuất hiện từ trước đều tiêu mất hết. Nay dám xin bệ hạ cũng nên tinh cần tu nhân, tích đức mà cai trị thiên hạ để phòng ngừa sự quở trách và giáng họa của thiên thượng! Bần Tăng nhất định dốc hết tâm lực làm việc diệt trừ tai họa cầu phước”. Thế rồi sư và đệ tử cùng nhau chí thành lễ Phật sám hối, không bao lâu yêu tinh đều biến mất.

---o0o---

5.3. Luận về vận nước

Triều nhà Tấn, ở huyện Nghiệp, có sư Phật Đờ Trùng, người Trung Thiên Trúc.

Sau nhân vì Triệu Vương Thạch Lạc hiếu sát, sư liền đến chỗ của Thạch Lạc.

Lạc hỏi sư: “Đạo Phật có gì linh nghiệm?”

Sư biết Lạc không hiểu đạo lý, đối với Phật giáo chưa có tín ngưỡng gì, chắc phải hiển thị một ít thần thông, pháp thuật để đả động tâm y trước, thế là sư cầm một bát nước, đốt hương niệm chú, không bao lâu trong bát hiện lên một hoa sen xanh, Thạch Lạc bấy giờ liền tín phục.

Sư thừa thế tiến đến nói: “Người làm vua một nước nếu như dùng sức mạnh của lòng nhân để nhiếp chính thiên hạ, dùng ân đức ban bố bốn biển, thì sẽ có bốn loài vật linh: thần long, chim phượng, kỳ lân, và thần quy xuất hiện, biểu thị cho vận nước tốt đẹp, xương long; còn nếu như làm chính trị mà bất nhân, hoành hành vô đạo thì trên trời xuất hiện các yêu tinh như sao chổi, sao chổi rực sáng... biểu hiện trong thiên hạ sắp có tai họa, loạn lạc khởi lên, vận nước không tốt. Tinh tượng đã hiện rõ ràng, kiết hung, họa phúc tức thì sẽ đến, thiện thì được thiện báo, ác thì ác báo, đây là cảnh tượng thường có từ xưa đến nay, người trời đã cảnh cáo như vậy!”

Thạch Lạc nghe rồi rất vui mừng, hoan hỉ. Nhiều người sắp bị giết nhân đây mà được tha mạng.

Lời bình:

Các thời đại Ngụy, Tấn, Nam Bắc triều rất kỳ lạ, đặc biệt có rất nhiều cao Tăng đại đức, Thánh hiền xuất hiện, không chỉ trong thời thái bình mà ngay cả trong thời loạn lạc. Nguyên nhân vì sao? Thật ra, nguyên do là vì lúc bấy giờ, thế vận nguy khốn, thời cuộc khó khổ, nhân dân cùng cực, vật chất thiếu thốn... Chính lúc này là lúc Bồ Tát vận dụng lòng từ bi cứu khổ cứu nạn! Đây không phải chính là điều mà người ta nói “Thuốc cứu bệnh tật từ trong sắt đá mà trút ra” sao?

---o0o---

5.4. Luận về giữ gìn trai giới

Thời Nam Bắc triều, có vị cao Tăng Cầu-Na-Bạt-Đa, ở chùa Kỳ Hoàn, tại thủ đô, là người vương tộc nước Kế Tân, Ấn Độ.

Nam triều, Tống Văn Đế, Cầu-Na-Bạt-Đa đến Kiến Nghiệp. Văn đế thỉnh giáo đại sư: “Quả nhân muốn ăn chay giữ giới, không ăn phi thời và không sát sanh, nhưng trăm làm chủ một nước, nắm toàn bộ chính trị của quốc gia, mỗi cái đều hạn chế, không thể thoả nguyện, không biết đại sư có biện pháp gì mới không?”.

Sư đáp: “Phương pháp tu hành của bậc đế vương và của thần dân trăm họ có chỗ không giống nhau. Dân trăm họ bản thân nghèo hèn, danh dự bé nhỏ, cuộc sống phải tự khắc khổ, chịu cực nhọc, cần kiệm mà tu hành; còn bậc đế vương cai trị thiên hạ, trong tay nắm giữ trăm họ, chỉ cần nói một câu nhân đức thì cả quần thần lẫn thần dân trăm họ đều rất hoan hỷ; thực hiện một chính sách nhân từ thì thần dân đều vui mừng mà tùy thuận. Tuy rằng có dùng hình phạt nhưng không lạm sát sinh mạng. Tuy

có thu thuế nhưng không bóc lột, chèn ép sức lao động của nhân dân, như thế thì thiên hạ được mưa thuận gió hòa, bốn mùa đúng tiết, trăm loài cốc phát triển tươi tốt. Trai giới như vậy mới là đại trai giới, đại công đức. Không sát sanh thì đó mới là sự giữ giới không sát đến cùng cực. Nếu như trong một bữa ăn mà không ăn mặn thì bảo toàn được sinh mạng loài cầm thú, đó mới là đại từ đại bi đại công đức!

Văn Đế vỗ bàn cảm thán: “Người đời đối với giáo lý của Phật sâu xa mầu nhiệm như vậy lại mê mờ không hiểu, không chịu tín phụng; người xuất gia ở kinh đô thì không biết biến thông theo thời, vận dụng pháp xuất thế mà giáo hóa, đưa đạo vào đời. Nghe Ngài nói mấy lời như vậy, thì quả là một cao Tăng đã khai ngộ thông suốt, hạnh giải thấu cả trời người”.

Rồi vua mệnh lệnh cho quan lại cúng dường, toàn quốc sùng bái, cung phụng, chịu sự nhiếp hóa của sư.

Lời bình:

Bạc Đế vương sở dĩ không tin Phật pháp, không phải lỗi lầm riêng bản thân Đế vương, mà thực tế, người xuất gia, giảng luận Phật pháp cũng có phần trách nhiệm, đó là do không có khả năng trình bày và phát huy mọi mặt tích cực, uyên áo, nhiệm mầu của Phật pháp. Tôn giả Cầu-Na-Bạt-Ma nói Phật pháp, đạo lý vừa chính xác vừa viên dung, uyển chuyển, lời giải thích khéo léo mà không trái với chân lý, đó mới là người chân chính vận dụng dung thông giữa đạo và đời mà không trở ngại! Xưa nay, những bậc đại phu hiền lương dưng lời can gián cũng không quá như vậy. Những phàm Tăng cố chấp, biên kiến mà nắm giữ chính đạo, họ không biết rằng nguyên nhân bậc Đế vương không muốn gần gũi người xuất gia chỉ là vì những người như họ. Sự biến hóa của thần long không phải loài giun có thể hiểu được, chính là đạo lý này vậy!

---o0o---

5.5. Luận về sự cúng dường

Thời Nam triều, đời nhà Tề (479-502), chùa Chính Thắng, có sư Phát Nguyên, người Dĩnh Châu. Vua Tề Cao Đế mời sư làm quốc sư, lấy lễ của đệ tử đối với thầy rất hết lòng. Đến đời Tề Võ Đế kế vị, cũng đối đãi với sư rất mực cung kính.

Một hôm, Thái tử Văn Tuệ đến chùa thăm hỏi rồi xin sư chỉ giáo: “Tôi dùng ca múa, tấu nhạc để cúng dường Phật và Bồ Tát, phước báo đó như thế nào”? Sư đáp: “Thuở xưa, Bồ Tát dùng tám vạn loại âm nhạc, ca múa

để cúng dường Phật, công đức còn không bằng đem tâm chí thành thanh tịnh phụng hành Phật pháp. Hôm nay, người đem thối mấy khúc sáo, đánh vào da bò chết (tức đánh trống) mấy tiếng, lại tính công đức gì”?

Lời bình:

Làm Phật sự mà không hiểu giáo lý Phật dạy, tuy tốn kém rất nhiều tài lực, chỉ có được phước báo hữu lậu nhân thiên mà thôi. Sư Nguyên nói một câu, không những cảnh tỉnh sự mê mờ của người thế tục, mà còn là vị thuốc hay cho người xuất gia đời sau nữa!

---o0o---

5.6. Thuyết pháp vua nghe bưng ngô

Thời Nam Bắc triều, nước Tề, huyện Nghiệp, núi Tây Long, tại chùa Vân Môn, có sư hiệu Tăng Trù (480 ~ 560).

Sư họ Tôn, người làng Cự Lộc, Hà Bắc. Bác thông kinh sử, 28 tuổi được mời làm Thái học bác sĩ. Không lâu sau, sư bỏ đi tu, theo Thiền sư Đạo Phòng học chỉ quán, tập thiền Tứ niệm xứ theo phẩm Thánh Hành trong kinh Niết Bàn. Lại theo Thiền sư Đạo Minh học 16 pháp quán niệm. Sau, sư tham yết Thiền sư Bạt Đà ở Cao Sơn, chùa Thiếu Lâm, trình sở chứng, Bạt Đà nói: “Từ phía đông dãy Thông Lĩnh, tối cao của Thiền học, người là người đó”!

Hoàng đế nước Tề, Văn Tuyên Đế, hạ chiếu 3 lần mời sư đến Kiến Nghiệp giáo hóa quần sanh, sư từ chối không đi. Thế là Hoàng đế đích thân đến thăm sư, rồi đón sư vào cung. Sư vì Văn Tuyên Đế giảng giải về tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới), nói rõ ba cõi đều mộng huyễn như hư không, đất nước quốc gia cũng đều do vọng tưởng mà thành, cuộc đời là vô thường. Kế tiếp, sư giảng về bốn phương pháp tu tập quán niệm gọi là Tứ niệm xứ. Văn Đế nghe xong hết nhiên đại ngộ, kinh khủng, mồ hôi rơi xuống như mưa. Liền sau đó vua quy y thọ Bồ tát giới với sư, bỏ hẳn rượu thịt, thả tất cả những loài chim dùng để săn bắt như chim sắt, chim diêu, phá bỏ lưới và các dụng cụ đánh bắt cá, hạ lệnh cấm hẳn thần dân trăm họ giết hại súc sinh, mỗi năm ăn chay trường ba tháng (Tháng giêng, 5, và 9), mỗi tháng còn lại ăn chay 6 ngày (1, 8, 14, 15, 23, 29, và 30), và khuyến khích dân chúng thọ trì Bát quan trai giới.

---o0o---

5.7. Cảm hóa Đông cung thái tử

Triều nhà Đường, ở Kinh sư, chùa Phổ Quang, có luật sư Huyền Uyển.

Sư họ Dương, người làng Hoa Âm, Hoàng Nông. 15 tuổi xuất gia, theo Đàm Diên thọ giới cụ túc; rồi theo Hồng Tôn học luật Tứ Phần. Tinh thông luật bộ, trì giới nghiêm cẩn. Sau, theo Đàm Thiên học tất cả các kinh. Sư giảng kinh thuyết pháp rất hay. Niên hiệu Trinh Quán năm đầu (627), triều đình triệu sư vào cung vì Thái tử và Vương hầu truyền giới Bồ tát; đồng thời tạo dựng chùa Phổ Quang cho sư trụ trì.

Sư viết thư gửi cho Thái tử: “Hiện tại tôi chỉ nêu lên bốn điểm trọng yếu của giáo lý đạo Phật, đơn giản, nhưng hi vọng Thái tử dụng tâm phụng trì.

Một là thực hành hạnh từ bi, đây là nương theo phẩm hạnh trong kinh Đại Bát Niết bàn, chỗ ấy nói về tư cách làm người xử sự, nếu dùng ‘nhân’ thì có thể nhiếp thọ giáo dưỡng trăm họ và cứu tế sự nghèo khổ. Hai là ‘giảm sát sanh’, Đông cung Hoàng thái tử trong một bữa cơm bình thường cũng đã giết hại bao nhiêu sinh vật chiên xào nấu nướng; nhu yếu vật thực của điện hạ cũng phải cần rất nhiều sức người đi tìm kiếm lựa chọn, đến nỗi vì vậy mà mất mạng, không thể nói không vì ngài mà chết, xin ngài bớt sát sanh để cầu trường thọ! Ba là ‘hòa thuận’. Cái điều mà chúng ta gọi là ‘không sát’ ấy chính là lòng ‘nhân’, nhân là biểu thị lá gan trong cơ thể con người, gan thuộc về ‘mộc’ trong thuyết Ngũ hành, cây thì sinh trưởng và tốt tươi vào mùa xuân, điện hạ là Thái tử, vị trí là ‘thiếu dương’ trong ‘Tứ tượng’, phước nằm ở tháng xuân. Cho nên xin điện hạ vào mùa xuân không được giết hại chúng sanh lấy thịt mà ăn để điều hòa khí huyết. Bốn là ‘ăn chay’, mỗi năm ăn chay ba tháng (giêng, năm và chín), còn lại mỗi tháng ăn chay sáu ngày. Vì sao phải làm như vậy? Bởi vì hôm nay điện hạ hưởng thụ phước báo đều do điện hạ đã tích tập công đức từ quá khứ, tu hành mà được, nếu như cuộc sống hôm nay cố gắng tu tập tích đức thêm, thì càng thêm được hoàn mỹ, phước báo càng thêm lớn.”

Hoàng thái tử trả lời: “Đa tạ sư phụ đã chỉ dạy cho bốn pháp vi diệu, con sẽ cẩn thận ghi nhớ trong lòng, luôn luôn tín thọ phụng trì, luôn luôn lấy bốn điều này làm phương châm, kim chỉ nam cho cuộc sống và công việc, ngưỡng mong quý thần trên cao thường luôn ủng hộ”.

Niên hiệu Trinh Quán thứ 10, sư thị tịch tại chùa Diên Hưng, thế thọ 75.

5.8. Khuyên bỏ sát sanh

Đời nhà Đường, tại Chung Nam Sơn, chùa Trí Cự, có đại sư Tăng Minh Thiện. Sư trước đây vốn là một người bác học đa văn, ôm ấp nhiều hoài bão và có tài sửa trị việc đời, cứu dân (kinh bang tế thế). Vua Đường Thái Tông nghe danh sư, hạ chiếu thư mời sư vào Hoàng cung, xin thỉnh giáo mấy vấn đề. Sư trình bày cặn kẽ nội dung chủ yếu việc trị nước đồng thời lợi dụng cơ hội lấy đạo lý từ bi của đạo Phật làm tôn chỉ cho việc cứu dân, giúp nước. Đường Thái Tông nghe xong rất hoan hỷ, hạ lệnh cho toàn dân mỗi năm ba tháng ăn chay trường và mỗi tháng còn lại sáu ngày không được giết hại sinh vật, rồi đích thân đi khắp các địa phương kiến lập chùa viện.

---o0o---

5.9. Khuyên tu sám hối

Thời Nam triều, nước Tống, chùa Linh Muội, có sư Đàm Tông, người Mạt Lãng.

Sư Đàm Tông xuất gia ở chùa Linh Muội, đã từng có một lần vì vua Tống Vũ Đế soạn năm pháp sám hối của Bồ tát thực hiện sáu lần trong một ngày (Một ngày đêm có sáu thời tu tập: sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng và phát nguyện). Vũ đế cười mà nói với sư rằng: “Quả nhân có tội gì mà sư bảo tu sám hối”?

Sư đáp: “Ngày xưa vua Ngu, vua Thuấn là bậc đại thánh còn nói với vua Vũ rằng: ‘Ta làm trái chánh đạo ngài phải phụ chính cho ta’. Vua Thành Thang nhà Thương, Võ Vương nhà Chu cũng thường nói: ‘Trăm họ có lỗi làm gì đều do ta làm bậc quân vương dẫn dắt cả’. Thánh vương xưa nay đều tự trách mình, đối với bản thân rất là nghiêm khắc, đối với mọi người rất là lễ độ, thật là bậc mô phạm của thế gian! Hoàng thượng và thánh nhân thuở xưa đều là bậc hiền minh, hành đạo của bậc thánh vương, càng phải khiêm cung, sao có thể không giống như những bậc thánh vương mà không tự trách mình?”. Tống Vũ Đế nghe xong rất tán đồng.

---o0o---

5.10. Chịu phạt chứ không nói dối

Triều nhà Tống, tại Đông kinh, phủ Thiên Ninh, huyện Phù Dung, có Thiền sư Đạo Giai.

Sư họ Thôi, người xứ Chiết Thủy (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) Trung Quốc, nổi pháp Thiền sư Đầu Tử Nghĩa Thanh, thuộc tông Tào Động đời thứ 8. Sau khi được ngộ tâm pháp, sư cực lực hoằng dương tông phong Tào Động.

Vào đời Tống Huy Tông(1101-1126), khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1107), Hoàng đế xuống thư cho sư trú trì chùa Tịnh Nhân ở Đông Kinh. Đến niên hiệu Đại Quán (1107-1111), chuyển đến chùa Thiên Ninh. Hoàng đế phái di sứ ban tặng tử y (y đỏ) cho sư và phong hiệu Định Chiếu thiền sư. Sư dâng biểu từ chối không nhận. Hoàng đế lại mệnh lệnh cho tri phủ Khai Phong, Lý Hiếu Thọ, đích thân đi phân trần tỏ rõ tâm ý của triều đình là muốn tôn sùng kính trọng sư, nhưng sư quyết định không tiếp nhận.

Việc này đã khiến Hoàng thượng nổi giận, lệnh cho quan lại chấp pháp xử lý sư.

Quan chấp pháp biết sư là người trung thành từ trước đến nay, có ý tha cho sư, liền hỏi: “Trưởng lão trông có vẻ tiều tụy và kém sức khoẻ quá, có phải bị bệnh không”?

Sư trả lời: “Không có”.

Viên quan lại nói: “Ngài phải trả lời là có bệnh chứ, như vậy mới có thể miễn bị gia hình”.

Sư nói: “Tôi dám nói dối có bệnh để khỏi bị gia hình sao”?

Quan lại nghe rồi than thở không thôi. Cuối cùng phải chịu phạt, bị đày đến Sơn Đông, vùng Chuy Châu. Mọi người thấy sư bị lưu đày không ngăn được sự đau xót, rơi lệ. Nhưng sư vẫn tự nhiên như chẳng có chuyện gì xảy ra. Đến Chuy Châu, sư ở trong một căn phòng rất thô sơ, những học giả lại thêm thân cận, số người ngày càng đông. Cách một năm sau, Hoàng thượng hạ lệnh thả tự do cho sư. Thế là sư dựng một thảo am ở Phù Dung tu hành.

Lời bình:

Vinh hoa, phú quý, công danh đem tới nơi thân mà còn từ chối, là điều mà người ta khó làm được. Từ chối thì bị phạt, bị phạt mà không cần phải mở lời van xin, có thể nói là cái khó trong những cái khó. Trong các truyện kí về Trung thần, làm sao không có một chuyện như đây? Cho nên, kể chuyện này lại để làm gương mẫu cho người xuất gia trên đời vậy.

5.11. Vịnh hoa can gián

Thời Ngũ đại, nhà hậu Tấn, vùng Giang Nam, có Thiền sư hiệu Đại Pháp Nhãn Văn Ích⁷.

Một hôm, Lý Hậu Chủ triệu kiến sư vào cung. Bấy giờ đang mùa hoa mẫu đơn nở rộ, Hậu Chủ mời Pháp Nhãn Thiền sư làm một bài thơ vịnh hoa mẫu đơn, sư ứng khẩu đọc:

“Mặc áo lông vải trân quý, đối diện với khóm hoa toả ngát mùi thơm, đây là cảnh tượng và không khí của sự giàu sang. Nhưng năm tháng của cuộc đời thật vô tình, cảnh đẹp cũng vô thường, tóc trên đầu hôm nay đã bắt đầu điểm bạc dần. Những người con gái đẹp xem lại nhan sắc cũng không còn giống như năm ngoái. Sắc đẹp điểm lệ của hoa mẫu đơn đã theo hạt sương buổi sớm bùng nở long lanh, càng thêm điểm tuyệt, nhưng sương mai rất mong manh, nhanh chóng tan biến theo ánh dương, người đẹp cũng ngày càng khô héo. Mùi hương của hoa mẫu đơn theo gió đêm nhẹ thoảng đưa khắp nơi, hương lại càng thêm thanh, nhưng gió đêm đi xa, hương hoa cũng từ từ tan loãng phiêu linh, do có cái nhìn như vậy, thì hà tất phải đợi đến khi hoa tàn nhị rửa mới thể hội được đạo lý “các hành vô thường, vạn pháp vốn không”.

Lý Hậu Chủ xúc động than thở. Ông đã lãnh hội được ý nghĩa của bài thơ này. Thiền sư đã mượn hoa châm biếm sự sống hoang phí trầm mê của vua.

Lời bình:

Ý cảnh của bài thơ này tuy nhỏ nhưng mỗi câu mỗi chữ đều tràn đầy lòng nhiệt thành ái chủ của bậc trung thần. Đáng tiếc, Lý Hậu Chủ biết ý nghĩa này nhưng không có thật lòng muốn chuyển hóa lỗi lầm, rút cuộc không tránh khỏi sự mất nước, sau hối hận cuộc đời mình như giặc

⁷ Tổ của tông Pháp Nhãn, họ Lô, người Dư Hàng (Chiết Giang) Trung Quốc. Thuở nhỏ sư xuất gia, 20 tuổi thụ giới tại chùa Khai Nguyên, Việt Châu (Thiệu Hưng, Chiết Giang). Lại đến chùa Dục Vương ở Mậu Sơn (phía đông huyện Ngân, Chiết Giang) học luật với Luật sư Hi Giác, cùng tìm hiểu Nho điển, được khen ngợi là Tử Du, Tử Hạ của nhà Phật. Lại theo Trường Khánh Huệ Lăng học thiền pháp, song không khế ngộ. Sau theo hầu Thiền sư Quế Sâm viện La Hán ở Chương Châu (Chương Phố, Phúc Kiến) nói pháp ngài. Khi ra hoàng pháp sư trụ trì viện Sùng Thọ ở Lâm Xuyên (Giang Tây). Tuổi già, sư truyền pháp tại viện Thanh Lương, Kim Lăng (Nam Kinh), nhân đó xưng là “Thanh Lương Văn Ích”. Môn nhân rất đông, kẻ học đạo cả ngàn người. Nam Đường Chủ lễ sư làm thầy, ban hiệu “Tịnh Huệ Đại Sư”. Sư sáng lập tông Pháp Nhãn chịu ảnh hưởng sâu xa tông Hoa Nghiêm. Sau khi mất, Nam Đường Trung Chủ ban thụy “Đại Pháp Nhãn Thiền sư”. Đệ tử nói pháp có Đức Thiệu, Văn Toại v.v... 63 người. Tác phẩm: Tông Môn Thập Quy Luận. Ngôn Hạnh thu góp lại làm thành quyển Kim Lăng Thanh Lương Văn Ích Thiền sư ngữ lục.

mộng, không biết giác tỉnh. (Lý Hậu Chủ trong bài từ “Lãng Đào Sa” có câu: “Mộng lý bất tri thân thị khách, nhất hương tham hoan”). Những danh hiệu ‘Thi Tăng’ của người xuất gia không phải là việc đạo, bởi từ việc gió trăng trở thành đề tài ngâm cứu, dùng từ, tạo câu cho hay, cho đẹp thành thơ, văn mà đối với thể đạo nhân tâm không giúp gì được cả. Và, bài thơ này của Thiền sư Pháp Nhãn so với những bài “thi Tăng” gần đây, không phải là vàng so với đất sao, thật sai biệt quá xa!

TỔNG LUẬN

Người quân tử khi ở trong nhân gian thì phải lo lắng nhớ đến bậc quân chủ. Còn người xuất gia không có quan chức, cũng không có trách nhiệm can gián khuyên ngăn mà có thể tận trung như vậy, ai dám nói những người xuất thế tu tập ngồi dưới cây mát, ở trong núi rừng không có quan tâm đến vua minh, tôi hiền? Không đem sức lực ra phục vụ? Không dùng lời tốt đẹp để hưng khởi đức chánh của vua?

Luân lý của loài người lại không có chuyện xem bên nào trọng hơn bên nào giữa bậc quân vương với cha mẹ, cho nên, tôi trước nêu lên những gương hiếu hạnh của người xuất gia, sau lại nêu lên những tấm gương trung thần của người xuất gia, mục đích là để cho người đời chấm dứt sự hủy báng Phật giáo bất trung, bất hiếu.

---o0o---

CHƯƠNG 06 - HẠNH TỪ VẬT

6.1. Nhẫn khổ cứu ngỗng

Thời Phật còn tại thế, có một Tỷ-kheo đến cửa hàng Kim hoàn để khát thực.

Bấy giờ, người thợ bạc đang xâu sợi dây chuyền hạt trai cho quốc vương, thấy Tỷ-kheo đến khát thực, ông ta bỏ trân châu xuống đi lấy phẩm vật cúng dường. Trân châu không chịu nằm yên trong máng, do nó tròn, nên lăn xuống đất. Trong nhà ông ta lại có nuôi một con ngỗng, nó đi ra, thấy hạt trai nằm trên đất liền ăn mấy hạt. Ông thợ bạc mang thực phẩm ra cúng dường Tỷ-kheo, phát hiện thấy mất trân châu. Ông ta cho rằng vị Tỷ-kheo đã lấy dấu đi. Vị Tỷ-kheo sợ rằng nói do ngỗng ăn, ngỗng sẽ bị giết, cho nên đã không thừa nhận và cũng không phủ nhận. Do đó, ông thợ bạc xách gậy đánh sư đến đổ máu, máu chảy lênh láng trên đất. Lúc ấy, con ngỗng thấy máu lại đến rúc. Ông thợ đang giận đánh chết luôn con ngỗng. Vị Tỷ-kheo không cảm được lòng thương xót, rơi lệ. Ông thợ bạc cảm thấy kỳ lạ, hỏi sư vì sao bị đánh không khóc mà thấy ngỗng chết

lại khóc? Vị Tỷ-kheo nhân thấy ngỗng đã chết mới nói rõ nguyên do, ông thợ bạc nghe xong vô cùng cảm động, cung kính đánh lễ sám hối xin Tỷ-kheo tha tội.

---o0o---

6.2. Nhịn khát đến chết để bảo vệ con vịt

Đời nhà Tấn, tại Hoạc Sơn, có sư Tăng Quần.

Sư Tăng Quần có cuộc sống thanh bần nhưng giữ khí tiết cao thượng. Sư có một am tranh trong Hoạc Sơn, huyện La Giang. Hoạc Sơn là một hòn đảo nhỏ, trên đỉnh có một tảng đá lớn, đường kính đến mấy trượng, trên tảng đá có một dòng suối chảy ra, nước trong veo, mát rượi, vị ngọt.

Am tranh và tảng đá cách nhau một cái rãnh sâu, trên có một cây cầu gỗ, có thể qua lại lấy nước. Hôm nọ, có một con vịt rừng, cánh bị gãy không bay được, đậu lại ở trên “Độc mộc kiêu”. Tăng Quần muốn đi lấy nước, thấy con vịt rừng bị gãy cánh đứng trên cầu, sư định lấy tích trượng đuổi nó đi, nhưng lại sợ nó rơi xuống rãnh núi sâu mà chết, thế là sư trở vào, không đi lấy nước nữa. Mấy ngày liền, con vịt trời vẫn còn đứng đó. Vì vậy, sư không có nước uống, khát mà chết.

Lời bình:

Vì muốn bảo toàn sự sống cho loài vật mà không nghĩ đến thân mình, thật không có sự từ bi nào lớn hơn như thế, và cứu tế như vậy mới thật là vĩ đại. Hoặc giả, có người sẽ nói rằng: “Vì bảo toàn mạng sống cho con ngỗng mà cam chịu bị đánh đập đau khổ thì còn có thể chấp nhận, còn giống như Quần đại sư hy sinh cả sự sống của mình không phải là quá đáng sao?”

Ôi! Thánh nhân xem thân thể mình như một bọc da thối, cuộc đời bất quá chỉ như một giấc mộng, như huyễn, như bọt nước, như ánh chớp mà thôi, nếu như đối với chúng sanh có lợi ích thì đem sự sống của mình bỏ đi như bỏ nước mũi, nước đàm vậy thôi, đâu thèm nhìn. Giống như đức Phật thuở xưa khi còn hành Bồ tát đạo, đem thân mình cho hổ đói ăn, cắt thịt cho chim... đều là xả thân vì tâm thương người thương vật hết vậy! Những kẻ phàm phu chấp giữ, tham luyến chiếc thân do bốn đại giả hợp mà thành này có thể hiểu hết được hành động của Thánh nhân sao?”

---o0o---

6.3. Mua súc sanh nuôi

Thời Nam triều, đời nhà Trần (557-589), tại Dương đô, chùa Hưng Hoàng, có sư hiệu Pháp Lãng.

Sư họ Chu, người huyện Phái, tỉnh Từ Châu (nay thuộc Giang Tô Phái, Huyện Đông). 21 tuổi xuất gia. Lúc đầu theo Thiền sư Đại Minh Bảo Chí tu thiền, sau theo Tăng Huyền học Tam Luận và các kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm... Niên hiệu Vĩnh Định thứ 2 (558), đời Trần Võ Đế, tháng 11, sư phụng sắc vào kinh trụ trì chùa Hưng Hoàng, tuyên giảng các kinh luận: Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận... phát huy áo nghĩa mà người trước chưa từng nói đến, giải thích nghĩa khó cho người sau thông suốt, chúng theo học có hơn ngàn người. Sư giảng kinh luận hơn 20 năm. Niên hiệu Thái Kiến thứ 13, đời Hoàn Đế, sư thị tịch, thế thọ 75. Tác phẩm có: *Trung Luận huyền nghĩa*, *Tứ tất đàn nghĩa* (mỗi thứ 1 quyển). Bình sinh, người ta bố thí cúng dường, sư đều dùng vào việc in kinh, tạo tượng, dựng chùa tháp và cứu tế những người nghèo khổ, nguy cấp. Thấy ở đâu có bán súc sanh là mua về nuôi, cho nên, ngỗng, vịt, gà, chó... ở đầy phòng sư. Lúc sư ngủ nghỉ, những con vật này tuyệt đối im lặng không con nào lên tiếng; lúc sư nhìn chúng tất cả đồng loạt kêu lên giống như thổi loa đánh trống rất lớn.

Lẽ nào đối với sư Lãng chúng cảm ơn bằng cách biểu hiện như thế?

---o0o---

6.4. Thương kính hạnh bố thí

Đời nhà Tùy, ở Tương Châu, chùa Diển Không, có sư hiệu Linh Dự.

Sư họ Triệu, người Cự Lộc, tỉnh Định Châu, Khúc Dương (Hà Bắc). 15 tuổi đến Triệu đô, chùa Ứng Giác, xuất gia. Sư là người học rộng, nhiều tài, tinh thông kinh tạng và luật tạng, danh đồn ra tới nước ngoài. Lúc người ta bố thí cho sư, sư từ bi đáp lễ cung kính. Sư hân hạnh cúng dường cà-sa cho các Hòa thượng, số lượng hơn ngàn chiếc. Những người bệnh khổ đến xin thuốc, sư cung cấp thuốc men càng không thể tính đếm. Chỉ cần vật gì có thể ăn được, sư nhất định cúng dường cho đại chúng trước. Đối với loài súc sinh, sư cũng không mắng đuổi, nhổ khạc vào chúng. Thậm chí những lúc sư trách móc hoặc thăm hỏi những em nhỏ, hay răn bảo giáo giới, hạn chế các đồ đệ của mình, sư đều tự xưng tên, còn đối phương thì gọi là 'nhân giá', hết lời khuyên bảo, tha thiết dạy dỗ, người nghe đều cảm động rơi lệ.

---o0o---

6.5. Mua hồ phóng sanh

Đời nhà Tùy, quốc sư Trí Giả Huệ Nghĩa, núi Thiên Thai, chùa Quốc Thanh, ở tại vùng biển Lâm Hải. Mỗi ngày sư thấy mấy người lớn tuổi đi đánh cá mưu sinh, giăng lưới đánh cá dài hơn 4 trăm lý, trong sông ngòi thì đặt tường tre để bắt cá, và trong khe suối thì chặn đê tạo hố để bẫy cá, lớn nhỏ không dưới 60 tuổi. Trí giả đại sư thấy vậy trong lòng không chịu nổi, liền lấy tiền người ta cúng dường cho sư mua một khúc biển (nay là phía Tây huyện Nhật Chiêu, tỉnh Sơn Đông), làm hồ phóng sanh rất lớn, và dâng biểu lên nói rõ với Hoàng thượng bầy giờ là vua Trần Hậu Chủ.

Trần Hậu Chủ liền hạ lệnh cấm dân vùng này đánh bắt cá. Vì sự kiện này mà dựng một bia đá kỷ niệm, lệnh cho quan Tế Tửu quốc tử học Từ Hiếu khắc văn bia, lời văn rất bi thương, thâm thúy, người xem đến đều ai thương cảm động và có chút tỉnh ngộ.

---oOo---

6.6. Cắt tai cứu chim Trĩ

Đời nhà Tùy, tại Triệu Quận, núi Chương Hồng, có sư Trí Thuấn, người Triệu Châu. Có một lần sư đi du lịch ở phương bắc, tỏ ý khen ngợi núi Hoàng Ninh, bèn dựng một thảo am trên núi và tu ở đó.

Một hôm, có người thợ săn đuổi bắt chim Trĩ, chim Trĩ bay vào trong phòng sư Thuấn, sư tha thiết khuyên người thợ săn tha cho một sinh mạng, người thợ săn không nghe, nhất định tìm cho bằng được chim Trĩ. Thế là sư Thuấn cắt lỗ tai của mình đưa cho người thợ săn để đổi lấy sự sống cho chim Trĩ. Người thợ săn thấy vậy thất kinh liền cảm ngộ được tội nghiệp của mình, cuối cùng anh ta bỏ hết cung tên, phá bỏ tất cả dụng cụ săn bắn, quyết định bỏ nghề đi săn. Nhân đây, những người trong thôn xóm cảm động, tự ý bỏ nghề săn bắn. Sư Thuấn mỗi lần thấy người nào nghèo khổ đều rơi nước mắt đầm đìa khuôn mặt, coi hết y phục cho họ mặc đỡ lạnh, chia thức ăn của mình cho họ ăn, lòng từ bi cứu thế như vậy không chỗ nào không đến.

Lời bình:

Mạnh Tử nói: “Làm việc chí tâm thành ý người ta không thể không cảm động”. Đức hạnh của sư Thuấn đây đã chứng minh câu nói ấy.

---oOo---

6.7. Đến gặp quan giúp người nghèo

Đời nhà Tùy, tại Kinh sư, vùng Giao Nam, có Thiền sư Phổ An, người Kinh Dương, Kinh Triệu.

Vào thời Bắc Chu (557-581), vua Vũ Đế (561-579), niên hiệu Kiến Đức thứ 3 (573), chủ trương tiêu diệt Phật giáo, bắt Tăng ni hoàn tục. Sư Phổ An trốn đến ẩn cư ở cốc Tiên Tử, tại Chung Nam Sơn, cần tu khổ hạnh, không giữ gìn thân thể hình hài, có lúc sư thoát hết y phục nằm trên cỏ ở trong rừng cho muỗi đốt, muốn bố thí máu; có lúc nằm trong đám thi thể tạp loạn, muốn dùng thân thể bố thí cho hổ báo ăn. Bấy giờ chính phủ ra thông báo trọng thưởng, nếu ai tróc nã và bắt nộp một người xuất gia, sẽ cho 10 đoạn tơ lụa. Có một người muốn bắt sư Phổ An đi nộp để lãnh thưởng, sư biết chuyện vui vẻ an ủi người đó: “Tôi thấy anh nghèo khổ túng thiếu, cũng muốn giúp anh có chút thu nhập, bây giờ tôi còn một ít thức ăn, anh hãy dùng đi, dùng xong rồi anh hãy đem tôi vào kinh thành nộp để lãnh thưởng”.

Đến kinh thành, Hoàng đế thấy sư, từ chối nói: “Hiện nay nước ta quốc pháp rất nghiêm khắc, không cho phép trong dân gian có người xuất gia, nay lại nghiêm khắc hơn, không cho phép người xuất gia lui tới ở trong núi rừng, để xem các ông đi đến chỗ nào”? Thế rồi thả sư về núi.

---o0o---

6.8. Ở với người bệnh

Đời nhà Đường, ở Đơn Dương, có sư Trí Nham (600-677).

Sư họ Hoa, người Khúc A, Đơn Dương. Trí dũng hơn người, khôi ngô tuấn tú. Đời Tùy, niên hiệu Đại Nghiệp, khoảng 605~616, làm Tướng quân, luôn lập chiến công vang dội. Năm 40 tuổi, đến Dự Châu (An Huy), núi Hoàn Công, theo Thiền sư Bảo Minh xuất gia. Trình Quán thứ 17 (643), đến núi Ngưu Đầu, yết kiến Thiền sư Pháp Dung, được khai ngộ, thừa tự chánh pháp. Sau, sư đến trụ ở các chùa Bạch Mã, Thê Huyền, cuối cùng trụ ở thành Thạch Đầu. Sau khi sư xuất gia, những người làm việc chung với sư trong quân đội như Thứ sử Mục Châu Nghiêm Soạn, Thứ sử Cù Châu Trương Sước... nghe nói bèn cùng nhau tìm đến hỏi nguyên do. Thấy sư ở trong núi sâu, một mình lặng lẽ, bèn nói: “Tướng quân! Không phải Ngài bị phát điên chứ? Vì sao lại đến đây ở một mình trong núi rừng tuyệt tích thế này”!?

Sư đáp: “Cái trầm mê và cái điên của tôi thì rất tỉnh, còn các anh say đắm công danh lợi lộc thế tục mới đúng nghĩa trầm mê, sống điên điên khùng khùng, mơ mơ hồ hồ đấy”!

Trong thời gian ở Thạch Đầu, sư ở với những người bị bệnh dịch. Sư vì họ thuyết pháp, rồi hút những mủ máu và rửa sạch những vết thương, bó thuốc cẩn thận chu đáo cho họ.

Niên hiệu Nghĩa Phong thứ 2, đời Cao Tông, sư thị tịch, thế thọ 78, pháp lạc 39. Sau khi viên tịch diện mạo sắc mặt không thay đổi, và phát ra mùi thơm rất đặc thù, hơn mười ngày mới hết.

---o0o---

6.9. Lấy miệng hút mủ cứu thương

Đời nhà Đường, ở Bồ Châu, chùa Nhân Thọ, có sư Trí Khoan (tục cao Tăng truyện chép là Chí Khoan, 566 ~ 643).

Sư họ Diêu, người Hà Đông, Bồ Châu. Bác lãm các kinh, lấy Niết Bàn, Địa Luận làm tâm yếu. Thường đọc tụng kinh Duy Ma Cật và Giới bổn, cảm hóa đến thiên thần đi quanh phòng sư, tán lễ và ủng hộ. Sư bản tánh từ bi, khoan dung độ lượng, hay giúp đỡ người bệnh tật, không kể xuất gia hay tại gia, xa hay gần, nếu như bị bệnh mà không có người chăm sóc thuốc thang thì sư dùng xe đưa người bệnh về phòng mình, tự chăm sóc lo liệu hết mọi việc. Đã từng có một người bệnh, trên bụng mọc một cái nốt lớn, mủ trương lên bên trong chảy ra không được, sư đã dùng miệng hút nó ra, người bệnh nhờ vậy mà lành. Sau đó, bọn thổ phỉ Niều Cảm làm loạn, quan phủ bắt sư lưu đày đến Tây Xuyên, dân làng mở tiệc tiễn sư đi và tặng nhiều tiền bạc, y áo thực phẩm, vải vóc... Sư nhất định không lấy, chỉ mang theo một con lừa để chở kinh sách. Trên đường đi sư gặp một vị Tăng tên là Bảo Hoàng, chân bị thương không đi được, nằm duỗi chân bên đường, sư nhường cho vị Tăng ngồi lên xe lừa còn mình gánh kinh sách. Bấy giờ gặp năm nông dân làm mùa thất bát, dân chúng thiếu cơm ăn áo mặc, sư dùng một ít gạo thổi cơm cho họ ăn đỡ đói, cởi y phục đang mặc của mình cho họ mặc, có lúc sư nhường toàn bộ phần cơm của mình cho họ, có lúc sư ăn ít lại, với lòng từ mẫn sư khuyên tất cả mọi người niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ.

---o0o---

6.10. Nuôi chuột

Đời nhà Đường, ở Tương Châu, chùa Cảnh Không, có sư Huệ Ý. Sư đem thức ăn còn lại trong bát để nuôi chuột già trong thiền phòng. Trong phòng sư có hơn một trăm con chuột già, tất cả đều rất ngoan ngoãn và thân cận sư để lấy thức ăn. Con chuột nào bị bệnh sư dùng tay vỗ về an ủi nó.

---o0o---

6.11. Dệt chăn nuôi chó

Đời nhà Đường, ở Việt Châu, chùa Gia Tường, có sư Trí Khải.

Sư họ Phùng, người Đơn Dương. Thuở niên thiếu, theo đại sư Cát Tạng, Tam Luận tông, ở Gia Tường, xuất gia. Vì da dẻ sư có màu đen, nên có hiệu là Ô Khải. Sư thường khai giảng Tam Luận (Trung luận, Bách luận, Thập nhị môn luận). Vào đời Đường Thái Tông, niên hiệu Trinh Quán, năm đầu, 627, sư trú trì chùa Tiểu Long Tuyền, ở huyện Dư Diêu, Triết Giang. Bấy giờ, theo tập tục của người Việt, trong nhà có chó để phần lớn đem bỏ ngoài đường. Sư Trí Khải thương xót chúng, lượm hết đem về nuôi, càng lúc càng nhiều, 10 con rồi 50 con. Sư dùng lông thú dệt thành cái chăn cho chúng ngủ, không chê chúng bẩn thỉu.

Niên hiệu Trinh Quán thứ 20, sư ngồi trên giảng tòa mà thị tịch.

---o0o---

6.12. Thương người bệnh thối

Đời nhà Đường, tại Ích Châu, chùa Phước Thành, có sư Đạo Tịch.

Sư người Tứ Xuyên, trú trì chùa Phước Thành, Ích Châu. Tính tình sư rất nhân từ. Có một người mắc bệnh rất hiếm nghèo, toàn thân trướng mủ lên, lại bị thối một lỗ, chỗ bị thối mủ hôi nồng nặc, người nghe thấy đều phải bịt mũi. Sư Đạo Tịch cung cấp cho y cơm áo, việc làm rất hết lòng, tuyệt đối không phải cố ý giả trang thiền tướng, mà bình tĩnh như thường. Thậm chí, có khi sư dùng chung thức ăn với người bệnh, giúp mọi người giặt áo quần. Có người hỏi sư, vì sao có thể nhẫn chịu được hoàn cảnh sống như thế. Sư trả lời: “Yêu thích thanh tịnh sạch sẽ, chê ghét mùi hôi ô uế, đây là tâm lý bình thường của con người. Tôi là người tu hành, vì muốn liễu sanh thoát tử, phải có khả năng khắc phục thất tình lục dục, há không tu được trí tuệ bình đẳng như như bất động sao? Tôi chỉ bất quá lợi dụng hoàn cảnh này để rèn luyện thân tâm tôi thôi”.

---o0o---

6.13. Chăm sóc người bệnh gặp thánh hiền

Đời nhà Đường, ở Lạc Dương, viện Trung Than Thiết Cốc, có Thiền sư Trí Huy, trú trì chùa Trọng Vân, ở Kinh Đào.

Sư họ Cao, người Hàn Dương, Thiểm Tây, Trung Quốc. Sư nổi pháp thiền sư Khuê Phong Ôn, thuộc tông Hà Trạch đời thứ 7. Sư sáng kiến ra một đạo tràng gọi là “Ôn thất viện”, cung cấp cho mười phương Tăng lữ tắm gội, bổ thí nước dùng và thuốc men. Có một Tỷ-kheo bị mắc bệnh hủi (phong), mọi người ai cũng chán ghét thầy và không muốn tiếp cận. Chỉ có sư Trí Huy là thường hay giúp thầy tắm rửa, giặt giũ. Không bao lâu, một hôm, sư đang tắm gội cho thầy ấy, đột nhiên có hào quang và mùi hương kỳ lạ từ trong người Tỷ-kheo bệnh hủi bay ra. Sư Trí Huy cảm nhận được điều kỳ lạ này thì vị Tỷ-kheo ấy trong chốc lát đã biến mất không thấy.

Lời bình:

Đức Phật từng nói: “Sau khi ta diệt độ, các Tỷ-kheo phải chăm sóc người bệnh cho thật tốt, bởi vì trong số những người bệnh có rất nhiều thánh hiền thị hiện để thử lòng các ông!” Nay, việc sư Trí Huy trú trì chùa Trọng Vân gặp một Tỷ-kheo bệnh và Ngô Đạt quốc sư (đời Đường Ý Tông), gặp Ca-nặc-ca tôn giả, thật đúng với lời Phật nói vậy.

---o0o---

6.14. Quét đường trước khi đi

Đời nhà Đường, ở Kinh sư, chùa Hoàng Phước, có sư Huệ Bân, người Cổ Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Đông). Sư học rộng hiểu sâu, nghiên cứu tột cùng nghĩa lý kinh luận. Sau đó chuyển sang chuyên tu thiền định. Sư phát tâm lấy lòng từ bi cứu tế chúng sanh làm trách nhiệm của mình, mỗi khi đến mùa hạ (là mùa côn trùng sinh sản rất nhiều), đi ra đường sợ giẫm đạp côn trùng, cho nên, trước khi bước chân đi, sư lấy chổi quét lên mặt đất để khỏi sát sanh. Có ai đem cúng dường tài vật, sư bí mật đem đi làm bố thí cho người, tuy làm rất nhiều việc thiện, lại nói với mọi người đừng tiết lộ cho ai biết.

---o0o---

6.15. Cứu giúp những người ăn mày

Đời nhà Đường, có sư Đàm Tuyển, người Cao Dương (Hà bắc), trú tại chùa Hưng Quốc. Sư bẩm tính từ thiện, hay cứu tế giúp đỡ mọi người, chưa từng cất giữ tài vật. Sư đặt mua một cái nồi lớn, đem hết tất cả

những vật thực của mình và của những người ăn mày xin được bỏ vào trong đó nấu thành cháo đặc, rồi gọi mọi người ngồi lại theo thứ tự, đích thân đơm cháo cho họ. Nhìn thấy ai ăn mặc rất nát, dung mạo tiêu tụy, gầy ốm, sư đều xót thương rơi lệ, lòng bi mẫn, khó chịu rạo rức trong người, không có cách gì kiềm chế được. Bản thân sư cùng sống và đi khất thực với những người ăn mày như vậy trải qua rất nhiều năm.

---o0o---

6.16. Truyền giới – phóng sanh

Thời Ngũ Đại (907-960), ở Hàng Châu, có Thiền sư Huệ Nhật Trí Giác, trú trì chùa Vĩnh Minh Diên Thọ 15 năm, thế độ cho hơn 1700 người. Sau sư vào núi Thiên Thai vì chúng truyền giới, ước tính hơn vạn người đắc giới. Sư thường vì thất chúng (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na-ni, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di) truyền Bồ tát giới. Buổi tối sư làm lễ thí thực và thường phóng sanh. Ngày đêm sáu thời tinh tấn tu hành, ngoài trừ thời gian làm công quả, thời gian còn lại sư tụng kinh Pháp Hoa. Một đời sư tổng cộng tụng được một vạn ba ngàn bộ. Đến đời Tống Thái Tổ (960-976), niên hiệu Khai Bảo thứ 8 (975), ngày 26 tháng 12, sư đốt hương tạm biệt đại chúng rồi ngồi kiết già mà hóa.

---o0o---

6.17. Chăm sóc người bệnh như chính bản thân mình

Triều nhà Tống, ở Nam Khương Quân, chùa Vân Cư, có Thiền sư Cao Am Thiện Ngộ.

Sư trú trì chùa Vân Cư. Một khi nghe có người xuất gia bệnh nặng bị đưa đến Duyên Thọ đường (còn gọi là Niết-bàn đường, Vô thường viện, hay Như ý liêu v.v... là chỗ chừa Tăng dưỡng bệnh) thì than thở không thôi, tựa như chính bản thân mình bị bệnh. Sớm chiều đi thăm hỏi mọi người, đích thân lo liệu cơm cháo, sắc thuốc. Thuốc men gì sư cũng đều nếm trước xem có độc tính hoặc có tác dụng gì không, rồi mới an tâm cho bệnh nhân dùng. Thời tiết lạnh lẽo, thì sư quan tâm lo lắng, an ủi vỗ về lên vai mọi người: “Y phục mặc không phải quá mỏng chứ?”; trời nóng thì sư nhìn sắc mặt, hỏi: “Phải chăng rất nóng?”. Thậm chí, đến lúc họ viên tịch, không kể họ có tiền hay không có tiền, Tăng thường trụ hay Tăng thập phương, đều như pháp như luật tống táng.

Lời bình:

Trong kinh Phạm võng có nói đến tám loại phước điền, thì phước điền lớn nhất là chăm người bệnh. Người xuất gia không có nhà cố định, một

thân một mình du hóa khắp năm châu, bốn biển, không nơi nương tựa, một khi bệnh hoạn thống khổ, rất cần người đồng tu hỗ trợ giúp đỡ thương yêu nhau. Vị trụ trì trong Tăng chúng, nếu như có người xuất gia bị bệnh không đi thăm hỏi chăm sóc, đến khi chết, không lo tang lễ, có thể nói rằng người xuất gia “ôm ấp lòng từ bi cứu độ chúng sanh sao”? Cho nên, phàm làm một vị trụ trì nên noi theo tác phong, đức hạnh của Thiền sư Cao Am.

TỔNG LUẬN

“Nhân-Lễ-Nghĩa-Trí-Tín” là năm điều kiện cơ bản làm người, mà “Nhân” là đứng đầu; “Từ Bi Hỷ Xả” là bốn tâm vô lượng của người tu hành, học Phật, thì ‘Tâm từ’ đứng đầu. Nếu như không có tâm từ, thì dù có bác học, đa văn, chứng được thần thông tam muội, bất quá chỉ là ma quỷ mà thôi. Hoặc có người nói: “từ bi và oai nghiêm đều là bản sắc của đạo phật! Hà tất chỉ suy tôn từ bi”? Ngài không biết rằng cứu người, hại người đều là biểu hiện lòng nhân, đây là hai mặt của một thể, nhiếp thọ người, thuyết phục người, cũng đều là biểu hiện lòng từ. Chủ yếu là muốn tốt cho người mà phải dùng nhiều phương pháp không giống nhau mà thôi. Bên ngoài thì biểu hiện oai nghi nghiêm khắc nhưng kỳ thật trong lòng đầy ấp lòng từ ái! Mặc dù bên ngoài oai nghiêm mà nội tâm tràn đầy từ ái mới là đại từ bi, chân chính. Không phải lấy một chút ân tình, một chút quan tâm mà gọi là từ bi được!

---o0o---

CHƯƠNG 07 - CAO THƯỢNG

7.1. Trốn chạy sự ân sủng

Triều nhà Tấn, tại Trường An, có sư hiệu Đạo Hằng (346-417).

Sư là môn nhân của Cư-ma-la-thập, người làng Lam Điền, Thiểm Tây. 20 tuổi xuất gia, nghiên tập nội ngoại kinh điển, tất cả đều thông đạt. Sau Cư-mala-thập bế quan, sư là người đứng đầu môn hạ, quán xuyên công việc hiệu đính và dịch thuật.

Vua Diêu Hưng, nước Tần, thường xuống chiếu ép sư hoàn tục tham gia triều chính, giúp đỡ việc cai trị thiên hạ (bởi vì sư Đạo Hằng có rất nhiều tài, đa văn, võ dũng, học vấn nội ngoại tinh thông, Diêu Hưng thấy sư khôi ngô tuấn tú, lại có tài xử trị việc nước, cho nên ép sư hoàn tục để trợ giúp việc chấn chỉnh vương nghiệp của mình), nhưng sư nhất định từ chối không chịu. Triều đình nhọc công khuyến dụ, hao tổn thời gian và phiền phức rất nhiều, cứ giằng co qua lại mãi cũng không được, cuối

cùng được tha, sư liền cảm thán mấy câu rằng: “Người xưa có nói một câu: Muốn giàu có tiền bạc, làm lớn mạnh thế lực cho mình tất phải hao tổn tinh thần của mình; muốn làm lớn mạnh danh vọng của mình có thể sẽ tạo thành họa sát thân mình!”

Thế là suốt đời sư ẩn cư trong núi, lấy cỏ cây hoa trái làm thức ăn nuôi thân, lấy thiền định làm thức ăn nuôi dưỡng huệ mạng, suốt đời không ra khỏi núi.

---o0o---

7.2. Đạo phong thanh thoát

Triều nhà Tấn, tại Lô Sơn, có sư Huệ Vĩnh và Huệ Viễn cùng ở tại Lô Sơn Liên Xã, tỉnh Giang Tây. Tướng quân Hà Vô Kị, trấn Nam, trấn giữ Cửu Giang, Giang Tây, có một đôi lần mở tiệc rượu tại Hồ Khê, mời sư Huệ Vĩnh và Huệ Viễn giá lâm. Đi theo sư Viễn còn có hơn 100 vị, mỗi mỗi điều đoan trang nghiêm chỉnh, nho nhã lễ phép; riêng sư Vĩnh thì đắp một chiếc y củ nát, vá khâu nhiều chỗ và một đôi giày cỏ, tay cầm tích trượng, ôm bát nhẹ nhàng, ung dung đi đến, thần khí tự tại, như như. Hà Vô Kị nói với mọi người: “Đại sư Huệ Vĩnh có phong cách thanh cao, siêu thoát ra ngoài trần tục, so với sư Viễn chỉ có hơn chứ không có kém”!

Lời bình:

Tùy tùng của sư Viễn hơn một trăm người, đều là những nhân tài và đức độ của Liên Xã, mà Hà Vô Kị còn phê bình, khen chê; nếu như người xuất gia ngày nay nuôi người ăn ở, cầm dù, gánh rương (xách vali), vội vàng tìm người phú quý, đi với những người có vị trí cao hơn mình, Hà Vô Kị trông thấy cảnh tượng này, không biết lại phê bình như thế nào đây!

---o0o---

7.3. Không thọ hưởng sự cúng dường của vua

Đời Diêu Tần, tại Trường An, có đại sư Phật-đà-da-xá (Buddhayaśas). Lúc sư ở tại Cô Tạng (nay là tỉnh Cam Túc), vua Diêu Hưng sai di sứ đến thăm hỏi và tặng nhiều lễ vật quý trọng nhưng sư đều không nhận. Khi sư đến Trường An, vua Diêu Hưng đích thân ra đón tiếp, rồi đặc biệt kiến lập công thự mới nơi khu nhà khách tại vườn Tiêu Diêu để riêng cho sư, đồng thời cung cấp vật thực ăn uống, y phục, tọa cụ, thuốc men,... tứ sự cúng dường vô cũng sung mãn, nhưng sư đều không nhận, ngày chỉ ăn một lần (vào giờ Ngọ), rất đơn giản. Y phục, ngọa cụ cúng dường cho sư chất đầy ba phòng, nhưng sư chưa từng dùng đến. Vua Diêu Hưng

liền sai người đem bán, số tiền thu được xây một ngôi chùa ở Nam thành.

---o0o---

7.4. Vua đến không đón, khi về không tiễn

Thời Nam Bắc triều, nước Tề, tại Nghiệp Tây, Long Sơn, chùa Vân Môn, có sư hiệu Tăng Trù (xem mục 5.6).

Vua nước Tề, Văn Tuyên Đế, thường hay dẫn tùy tùng tả hữu và thị vệ đến chùa thăm hỏi và thỉnh giáo sư. Sư xưa nay vẫn ngồi trong phòng nhỏ, khi vua đến không đi đón tiếp, khi về cũng không đưa tiễn. Đệ tử của sư khuyên nên đối đãi với Hoàng đế ân cần một chút, nên đi đón tiếp, đưa tiễn. Sư trả lời: “Ngày xưa, tôn giả Tân-đầu-lô⁸, đi bảy bước đón tiếp vua Ưu Điền, khiến cho vua bảy năm mất nước, ta nay đức hạnh kém cõi, so với tôn giả Tân-đầu-lô thì không bằng, nhưng cũng không dám phá hoại hình tướng tôn quý của người xuất gia, chỉ hy vọng rằng Hoàng đế nhân vì cung kính Tam Bảo mà được phước báo”.

Người trong thiên hạ đối với đức hạnh, tiết tháo của sư lại càng thêm cung kính.

---o0o---

7.5. Không giao du với người phú quý

Thời Nam triều, đời Nhà Lương (502-557), tại Chung Sơn, chùa Tống Hi, có sư hiệu Trí Hân.

⁸ Tân-đầu-lô *bạt-la-đọa-xà* (*Pinḍola-bhāradvāja*), còn gọi là Tân-đầu-lô-phá-la-đọa-xà, là Tôn giả thứ nhất trong 16 vị La Hán, tức La hán Bạch Đầu Trường Mi. Tân-đầu-lô phiên âm là ‘Bất động’, Bạt-la-đọa-xà là họ, dịch là tiếp tạt (thấy được bệnh), lợi căn... thuộc một trong 18 dòng họ Bà-la-môn. Cừu kinh Tân-đầu-lô-đột-la-xà vì vua Ưu-điền thuyết pháp, Thập tụng luật quyển 37: Ngài nguyên là con của Vương phủ tướng Ưu-điền. Tuổi nhỏ xuất gia học đạo, chứng quả A-la-hán, có thần thông. Nhân vì hiển thị thần thông trước mặt người đời, cho nên bị Phật quở trách, không cho ngài ở Diên-phù-đề, mà sai đến Châu Tây-cù-da-ni để giáo hóa. Sau đó cho trở về lại, nhưng không cho ngài nhập Niết-bàn, mà sai ngài ở mãi trên núi Ma-lê thuộc Nam Thiên để hóa độ chúng sanh, vì từ chúng thời mặt pháp làm phước. Tứ Phần luật, cuốn 53, ghi: Thế Tôn ở tại nước Câu-đà-di, vua Ưu Điền là tri thức thân hậu của Tân-đầu-lô, buổi trưa vua thường đến thăm hỏi. Bấy giờ có một đại thần Bà-la-môn không tin Phật pháp, thấy Tân-đầu-lô không đứng dậy đón vua, bèn dùng ác tâm nói lời chỉ trích với vua. Vua nói: ‘Sáng ngày mai ta đến, nếu không đứng dậy nghênh đón thì sẽ lấy mạng’. Sáng hôm sau Tân-đầu-lô thấy vua từ xa đến bèn đứng dậy đón. Vua hỏi: ‘Hôm nay vì sao người đứng dậy đón ta?’. Ngài đáp: ‘Vì vua cho nên đứng’. Vua hỏi: ‘Hôm qua vì sao không đứng?’. Ngài lại đáp: ‘Cũng vì vua’. Vua hỏi: ‘Sao lại vì ta?’. Ngài đáp: ‘Hôm qua vua đến đây với thiện tâm, hôm nay vua đến đây mang tâm niệm ác, nếu tôi không đứng thì sẽ mất mạng. Nếu tôi mất mạng vua ắt hẳn bị đọa địa ngục. Nếu tôi đứng dậy đón, vua sẽ mất ngôi. Thà rằng để vua mất ngôi chứ không muốn vua đọa địa ngục. Vì vậy cho nên đứng’. Vua nói: ‘Mấy ngày nữa mất ngôi?’. Ông trả lời bảy ngày sau sẽ mất ngôi. Quả nhiên, đến ngày thứ bảy, vua nước Uy Thiên, Ba-la-thù-đề, đến cướp ngôi, bắt Ưu Điền bỏ tù 7 năm.

Sư người Kiến Khương, Sơn Dương. Sư diễn giảng nghĩa kinh rất hay, danh đồn khắp nước. Thời vua Tề Vũ Đế, niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) năm cuối, Thái tử thường hay đến dự lễ Tỉn điền ở Đông thành, một đôi lần có ghé đến chùa lễ bái, thăm hỏi sư Trí Hân, nhưng sư thoái thác rằng có bệnh không thể tiếp khách. Sư thường ẩn cư trong Chung Sơn, thanh thoi tự tại. Sư không lui tới giao tiếp với người phú quý, phong cách thanh cao rất khác người đời. Từ xưa đã không cất giữ vật dụng, tiền bạc cúng dường cho, sư đều đem đi xây dựng, tu sửa chùa viện.

---o0o---

7.6. Không dẫn đường cho giặc

Triều nhà Tùy (581-618), tại Kinh Châu, núi Thanh Khê, có sư hiệu Đạo Duyệt.

Sư người Kinh Châu. Thường trì tụng kinh Bát Nhã. Lúc sư còn trú trì chùa Ngọc Tuyền, gặp bọn Ngưu Sán tạo phản, chạy vào chùa cướp bóc, vơ vét hết tài sản lương thực, lại muốn giết chết cả sư. Đạo Duyệt không một chút sợ hãi. Bọn loạn tặc thấy sư không một chút sợ hãi thì không giết, gọi sư dẫn đường đi đến nơi bí mật, sư đi mấy bước rồi ngồi xuống đất nói: “Ta là người xuất gia, không phải là người dẫn đường, thân thể của ta do bốn đại hư huyền mà hợp thành, muốn giết cứ giết”. Ngưu Sán hết sức kinh hãi và khâm phục khí tiết cao thượng của sư, liền đưa sư về chùa.

---o0o---

7.7. Không vào cung

Triều nhà Đường, có Tăng thống nước Tân La là pháp sư Từ Tạng (Tân La ngày nay là Hàn Quốc) đến thỉnh kinh.

Sư họ Kim, xuất thân từ Vương tộc Tân La, sớm mang ý chí xuất trần. Sau khi song thân qua đời, sư từ vợ con, bỏ ruộng vườn, xây dựng chùa Nguyên Ninh.

Sư tính tình trầm lặng, siêng tu Phật pháp. Sau đó có cảm ứng hiển hiện, mọi người đều kính phục. Quốc Vương mấy lần triệu sư vào cung, sư đều không đi. Quốc vương rất giận, mệnh lệnh đem sư giam ở nhà tù trong núi, chờ ngày gia hình xử quyết. Sư nói với tên sứ giả rằng: “Ta thà giữ giới một ngày mà chết chứ không sống một đời phá giới”. Sứ giả nghe nói rất cảm động, không nỡ tâm giết sư, viết biểu tấu trình sự việc lên Quốc vương, cuối cùng Vương cũng cảm động phong cách của sư mà tha tội.

Từ đó, danh đồn khắp chốn, muôn người tranh nhau đến thọ giới. Thiện Đức Vương, niên hiệu Nhân Bình thứ 3 (634, tức Trinh Quán nhà Đường năm thứ 8), phụng sắc dẫn đầu đoàn Tăng lữ hơn 10 người đến nước đại Đường thỉnh kinh. Vừa đến Trung Hoa, trước hết sư lên Ngũ Đài Sơn lễ bái Văn Thù, mấy ngày sau bỗng có dị Tăng xuất hiện tặng cà sa và xá lợi của đức Thích Tôn. Sư đến Kinh sư, được Đường Thái Tông tri ngộ, trước sau cho trú ở biệt viện Thăng Quang và chùa Vân Tế. Niên hiệu Trinh Quán 17 (643), Thiện Đức Vương triệu sư về nước. Sư đến từ biệt, Tông đặc dẫn vào cung ban tặng tơ lụa gấm vóc, nhưng sư chỉ xin thỉnh một bộ Tạng kinh hơn 400 pho và các Thánh tượng, bảo cái...

Sau khi về nước, sư thường vào cung giảng luận Đại thừa, hoặc ở chùa Hoàng Long truyền giới Bồ tát, Đại Hoằng Luật tạng. Sư thụ sắc, nhậm chức Đại quốc thống (Tăng thống), thống lý Tăng Ni.

Người trong nước thọ giới, thờ Phật, thỉnh sư chú nguyện số không thể kể hết.

Sư còn sáng lập các chùa Thông Độ, Giới Đàn, rộng độ bốn chúng. Chùa Thông

Độ ngày nay chính là một trong ba ngôi chùa lớn nhất của Hàn Quốc. Niên hiệu Nhân Bình 14, chùa Hoàng Long xây tháp 9 tầng mới xong, giữa tháp an vị 6 viên xá lợi Phật mà sư nhận được từ dị Tăng tại Ngũ Đài Sơn, số xá lợi còn lại phân phát cho các chùa Thông Độ, Giới Đàn và Đại Hòa. Suốt đời, sư kiến tạo chùa tháp có hơn 10 ngôi, nơi nào cũng tốt đẹp.

Tác phẩm gồm có: *Yết-ma tư ký 1 quyển, Mộc-xoa ký 1 quyển, Xuất Quán Hạnh Pháp...cả thảy hơn 10 quyển.*

---o0o---

7.8. Thà chết không vào cung

Triều nhà Đường, tại Bì Châu, núi Song Phong, có thiền sư Đạo Tín, Tổ thứ tư Thiền tông.

Sư trú trì chùa Song Phong, Hoàng Mai (nay là tỉnh Hồ Bắc), hơn 30 năm. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650), vua Đường Thái Tông ba lần xuống chiếu mời sư đến thủ đô. Một cách nhìn thông thái, tứ Tổ thoái thác có bệnh, từ chối không đi. Hoàng đế mệnh lệnh cho sứ giả nếu như lần này không vào kinh thì sẽ lấy đầu. Khi sứ giả đến Tổ đưa cổ ra cho chém, không một chút sợ hãi. Sứ giả đem việc này bẩm báo lên Hoàng đế, Đường Thái Tông than thở không thôi, cuối cùng không làm khó Tổ nữa,

lại còn đem những tơ lụa quý hiếm tặng cho Tổ. Cuối đời Tổ ở hẳn trong núi.

Lời bình:

Nghiêm Tử Lăng trước sống ở Đông Hán, người Diêu, họ Nghiêm, tên Quang, tự Tử Lăng, lúc nhỏ cùng với vua Quang Vũ Đế nhà Hán, đi du học. Sau Quang Vũ lên ngôi, Tử Lăng ẩn thân đổi tên biệt tung tích, vua sai người đi tìm, khổ cực lắm mới tìm được đem về triều làm quan phụ tá vương nghiệp, nhưng ông ta cự tuyệt không chịu, chỉ thích cày ruộng ở núi Phú Xuân. Triều nhà Tống, ở Lạc Dương, có Nhân Chứng Phóng, ẩn cư ở Chung Nam, nghiền rượu cùng canh, tự hiệu là Vân Khê tú tử. Thời Tống Chơn Tông (998-1023), vua mời ông làm Tả Tư Giám, ông tìm cách từ chối, rồi trốn về núi. Sau đến đời Tống Nhân Tông (con Chơn Tông) lên ngôi (1023-1064), ông cũng cự tuyệt không nhận lời mời. Phong cách của hai người này, bất quá chỉ là phong cách của những ẩn sĩ mà thôi, đã thanh cao, nhưng vẫn chưa nghe qua việc uy vũ ép bức đến chết vẫn thản nhiên cự tuyệt không nhận! Phong cách thanh cao này, quả giống như loan phượng bay vút trên bầu trời cao, thật tại chỉ nhìn thấy mịt mờ không dấu tích, không bao giờ theo kịp! Tứ Tổ là người vô cùng vĩ đại, sư Từ Tạng cũng là người vô cùng vĩ đại!

---o0o---

7.9. Ba lần xuống chiếu mời vào cung đều từ chối

Triều nhà Đường, tại Phần Châu, chùa Khai Nguyên, có sư Vô Nghiệp, người Ung Châu, Thiểm Tây.

Vua Đường Mục Tông (821-825) phái Di Tả Nhai Tăng Lục (tên vị Tăng làm quan, bắt đầu có chức quan này từ thời Diêu Hưng, nước Tần, đến đời Đường lại phân làm hai, tả hữu Nhai Tăng Lục, giữ chùa, miếu, thế độ và quan hệ với những vị quan chức), mang chiếu thư đi thỉnh Vô Nghiệp vào kinh. Sư cười nói: “Bần Đạo không có đức hạnh gì, rất lấy làm hổ thẹn phải làm phiền đến Hoàng thượng mời thỉnh, lần này tôi không thể từ chối, xin Ngài đi trước, tôi sẽ theo sau”.

Sau đó sư tắm gội thân thể, trải tọa cụ ngồi ngay ngắn, xong gọi đồ chúng lại, nói:

“Các người mắt thấy tai nghe, thân thể xúc chạm có cảm giác, ý thức biết căn tánh, thì mãi mãi không để giảm sút, và phải giống hư không vô cùng vô tận, hết thấy các hiện tượng bên ngoài chỉ là sáu căn tiếp xúc sáu trần sinh ra sáu thức hư vọng huyễn hóa mà thôi, vạn pháp chỉ có thức và do

nhân duyên tạo thành nên bản tánh vốn không, tự tánh bản thể thì một hạt bụi không nhiễm, phổ biến khắp pháp giới, chỉ cần thấy rõ hết thấy đều là tâm thì diệt trừ được vọng tưởng phân biệt, hết thấy cảnh giới đều giống như hư không. Chúng sanh do vì vô minh không tỏ ngộ, bị ngoại cảnh mê hoặc, trôi lăn theo dòng chảy luân hồi trong sáu nẻo, ba cõi, tiếp nối từ đời này sang đời khác không chấm dứt. Nếu như có thể y theo lời ta đã dạy ở trên, thường cố gắng tu tập để hiểu rõ hết thấy các pháp như huyền, như mộng, không có một pháp nào có thể phân biệt và nắm giữ, thì yên tâm ở chỗ chư Phật, tức là đã khế hợp với tâm pháp của chư Phật”.

Nói xong, sư ngồi ngay thẳng đến nửa đêm thì viên tịch. Linh Chuẩn trở về kinh, đem sự việc này trình tấu Hoàng thượng. Hoàng đế vô cùng cảm động, truy phong cho sư làm Đại Đạt Quốc Sư. Hai thời vua Đường Hiến Tông (806-821) và Đường Mục Tông (821-825) tổng cộng có ba lần xuống chiếu mời thỉnh sư Vô Nghiệp, sư đều từ chối.

---o0o---

7.10. Chiếu thư đến không đứng lên

Triều nhà Đường, ở Nhuận Châu, núi Ngưu Đầu, có sư Pháp Dung.

Sư họ Vi, người Diên Lăng, Nhuận Châu (Tây nam Đơn Dương, Giang Tô). 19 tuổi thông suốt kinh sử. Về sau đọc kinh Bát-nhã có ngộ, vào Mao Sơn xuất gia với Pháp sư Quỳnh Tam Luận Tông. Niên hiệu Trinh Quán thứ 17 (643) sư cất riêng một thiền thất bằng tranh dưới hang động phía bắc chùa U Thê, núi Ngưu Đầu, Kim Lăng (Nam Kinh) suốt ngày tọa thiền chuyên tâm tu hành. Hoàng thượng biết danh tiếng của sư, sai di sứ mời sư vào cung gặp mặt. Lúc sứ giả đến núi Ngưu Đầu, sư đang ngồi trên đất, đốt phân bò, nướng khoai lang ăn. Trời rất lạnh, nước mũi chảy đầy mặt. Sứ giả nói: “Có chiếu lệnh của Hoàng đế đến, mời tôn giả đứng lên nghe Thánh chỉ”. Sư vẫn điềm nhiên chú ý nướng khoai mà không hỏi ông ta. Sứ giả cười nói: “Nước mũi chảy đầy trên mặt Ngài rồi kìa!” Sư nói: “Ta đâu có rảnh công phu vì người thế tục lau mũi”. Hoàng thượng nghe việc này khen là hy hữu liền trọng thưởng và biểu dương sư. Niên hiệu Trinh Quán 21, sư giảng kinh Pháp Hoa dưới núi, trời mưa hoa báu. Niên hiệu Vĩnh Huy thứ 3 (652) được mời đến chùa Kiến Sơ giảng Đại Phẩm Bát Nhã, thính giả đông đảo, đại địa chấn động! Người đời gọi thiền pháp ấy là “Ngưu Đầu Thiền”. Về sau gọi pháp hệ là “Ngưu Đầu Tông”. Tương truyền Đạo Tín từng vào núi Ngưu Đầu truyền trao pháp môn đốn giáo cho sư rồi trở ra. Ngưu Đầu Thiền chịu ảnh hưởng

của Tam Luận tông và Thiền tông, chú ý vào không tịch. Thiền phong chú trọng ở chỗ vô tâm tuyệt quán, hoặc tuyệt quán vong thủ, rất giống với thiền pháp của Đạo Tín. Người đời sau cũng gọi sư là “Nguu Đầu Sơn Tăng”, “Dung Đại Sư”, “Huệ Dung”. Tác phẩm: *Tâm Minh*.

---o0o---

7.11. Chịu chết nuôi Tăng chúng

Đời nhà Đường, tại Cổn Châu, Chùa Pháp Tập, có sư Pháp Xung.

Sư họ Lý, tự Hiếu Đôn, người làng Thành Kỷ, Lũng Tây (Cam Túc). 24 tuổi làm quan dưới trướng của Dương Tướng Quân. Một hôm, nhân đọc kinh Niết Bàn mà phát tâm xuất gia. Bái Huệ Cao học kinh Đại Phẩm, Tam Luận, Lăng Nghiêm... Sau vào núi Vũ Đô tu nghiệp.

Niên hiệu Trinh Quán năm đầu (627), triều đình hạ lệnh: ai một mình độ người xuất gia, phạm tội tử hình. Sư đến núi Dịch Dương tu thiền, giảng kinh Lăng Nghiêm. Bấy giờ, những ai không có độ điệp (chứng điệp) của quốc gia cấp phát làm người xuất gia, sư Pháp Xung đều thân nhận hết. Nhưng vì mỗi ngày người một đông, nên lương thực thiếu hụt. Sư liền đi đến gặp vị trưởng châu, nói: “Tôi đến đây xin được chịu trách nhiệm xử chết, chỉ xin ngài bố thí cho lương thực để cứu giúp người xuất gia an tâm tu tập, suốt đời ngài sẽ được phước báo và được sự chở che của Tam Bảo”. Châu trưởng rất vui mừng, khen ngợi chí khí của sư, dám chịu phạm vào luật pháp để cứu mọi người.

---o0o---

7.12 Không dự yến tiệc

Triều nhà Đường, có Thiền sư Thao Quang, dựng một am tranh tịnh tu tại núi Linh Ẩn, Sơn Tây. Thứ sử Hoàng Châu, Bạch Cư Dị, chuẩn bị cơm chay cúng dường, viết một bài thơ thỉnh sư đến thọ cúng. Sư viết một bài kệ gửi lại cho Bạch Cư Dị, từ chối lời mời của ông, trong kệ có câu: “Chốn phồn hoa đô thị ồn ào, thật không phải là chỗ của người xuất gia chúng tôi lui tới, đi rồi sợ rằng tiếng ca uyển chuyển du dương của chim Hoàng oanh trước Kim ngọc đường cũng sẽ nổi giận bay đi”. Phong cách của sư là cao siêu như vậy.

Lời bình:

Ngày xưa, có một vị đại đức đã viết một bài kệ từ chối lời mời dự yến tiệc quyền quý của triều đình, có câu: “Hôm qua, tôi rất vui mừng khi nhận được lời mời của Ngài. Hôm nay tôi cũng muốn đi tham dự yến

tiệc, nhưng ra đến cửa, đi được vài bước, dựng cây tích trượng suy nghĩ kĩ một chút, thấy rằng người xuất gia chỉ thích hợp ở trong hang núi, thực sự không thích nghi tham gia yến tiệc của quốc gia đại thần”.

Ý cảnh thanh cao này cùng với sư Thao Quang trước sau thật chẳng khác nhau. Hai bài kệ này người xuất gia nên sớm hôm tụng niệm, kỉ lưỡng xem xét một lần.

---o0o---

7.13. Không nhận y và danh hiệu

Triều nhà Đường, tại Việt Châu, tu viện Thanh Hóa, có Thiền sư Toàn Phó. Sư họ Hà, tự Lai Thế người xứ Côn Sơn (nay thuộc Giang Tô). Thuở bé sư nghe các thiền hội thanh hành liền xin xuất gia nơi Đại sư Thanh Bình ở Giang Hạ (nay là huyện Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc). Sau sư đến Ngưỡng Sơn Nam Tháp ở Viên Châu (nay là huyện Nghi Xuân tỉnh Giang Tây) yết kiến Thiền sư Quang Dũng, đối đáp qua lại, sư khế ngộ sâu cơ của Ngưỡng Sơn, nổi pháp ngài, thuộc tông Quy Ngưỡng⁹. Sau đó, sư trú trì thiền viện Thanh Hóa ở Cáp Hồ Sơn. Vua Trung Hiến Tiền Thị sai di sứ mang áo ca-sa đỏ tặng cho sư, sư dâng biểu lên Hoàng thượng cực lực từ chối không nhận, sứ giả lại mang tới lần nữa, sư lại từ chối, nói:

“Tôi không phải giả trang thiền tướng khiêm nhượng không nhận, tôi chỉ sợ rằng người đời sau đam mê dục vọng lợi danh học đòi theo tôi tiếp nhận sự ban tặng thì hỏng mất đạo lớn”!

Sau đó ít lâu, vua Trung Hiến lại ban tặng cho sư Tôn hiệu Thuần Nhất Thiền sư, sư vẫn từ chối không tiếp nhận.

---o0o---

7.14. Dứt khoát từ chối nhận y đồ

Thời Ngũ Đại, nhà Hậu Hán (947-950), ở Đệ Châu, chùa Khai Nguyên, có sư hiệu Hằng Siêu.

Sư người Uyển Dương, trú trì chùa Khai Nguyên, diễn giảng kinh luận hơn 20 năm. Trước sau các sứ thần nhận chức Mục châu vùng này đều ngưỡng mộ sư, rất nhiều người đến để lại danh thiếp, bày tỏ ý muốn gặp sư, sư sai thị giả thu nhận danh thiếp, nhưng rất ít người được gặp sư chuyện trò. Bấy giờ, quan thủ Lý Công Tố cảm mến phong cách đức hạnh

⁹ Theo *Tổng Cao Tăng truyện*, sư thâm nhập được cái thể của Ngưỡng Sơn, đón ngộ được cái tâm của Trúc Hạ.

của sư, muốn dâng biểu lên Hoàng thượng xin ban tặng áo ca-sa đỏ cho sư. Sư viết một bức thư ngăn cản ông ta, trong thư có đoạn: “Tôi thệ nguyện truyền bá chánh pháp, giảng giải kinh luận cho đến già, không muốn bị cuộc sống danh lợi của thế tục làm cho ô nhiễm”. Lý Công lại một lần nữa sai người đến khuyên sư nên tiếp nhận, sư nhất định từ chối không thay đổi, và nói: “Nếu ngài còn đến đây khuyên tôi, tôi sẽ trốn sang Lô Long (nay là tỉnh Hà Bắc, phủ Vĩnh Bình)”. Tế tướng Oanh Vương Phùng Đạo biết danh đức của sư, viết thư thăm hỏi và kết giao với sư, sư viết thư đáp lời: “Bần Tăng từ nhỏ đã từ bỏ cha mẹ, lập chí tu hành, chủ yếu là hy vọng được Ngài Di Lạc Bồ tát rũ lòng từ ái, sau khi mạng chung được sanh lên cung trời Đâu Suất, ở trong nội viện nghe pháp, không muốn lãng truyền hư danh đến tai tế tướng. Tôi tu hành thấy rõ rằng, mọi thứ danh lợi trong đời hư huyễn, không thật!”. Tế tướng xem thư xong lại càng thêm tôn kính sư, dâng biểu lên tấu rõ với triều đình, hậu Hán Cao Tổ liền ban tặng cho sư áo ca-sa đỏ. Ngày sư viên tịch, mọi người đều nghe thấy nhạc trời vang khắp hư không, đây là điều chứng minh sự thật sư được sanh lên cung trời Đâu Suất!

Lời bình:

Được mặc áo ca-sa đỏ và kết giao với đại quan tế tướng là điều mà người ta thèm khát, hy vọng, nhưng chỉ sợ rằng không được. Vậy mà Toàn Phó thiền sư và Hằng Siêu thiền sư, cả hai vị đại đức đều kiên quyết từ chối, dường như tiếp nhận là một sự sỉ nhục lớn. Tiết tháo thanh cao người ngày nay không thể xâm phạm, có thể chiếu soi thiên cổ, ảnh hưởng đời sau, thật có thể khiến cho những người đam mê, vui sướng kết giao bạn bè với người quyền quý, say đắm lợi danh tính mạng.

---o0o---

7.15. Không thích ở vương cung

Thời Ngũ đại, đời hậu Đường (923-936), ở Định Châu, chùa Khai Nguyên, có sư Trinh Biện, người Trung Sơn. Sư tu hành khắc khổ, thường lấy máu viết kinh. Bấy giờ, tại Tinh Châu (tỉnh Sơn Tây, Thái Nguyên), không cho Tăng lữ ở miền khác đến cư trú. Sư liền đã ngoại đến đó, ẩn cư trong một cổ mộ. Một hôm, Vũ Hoàng Đế đi săn, sư mạnh dạn ra khỏi mộ đi đến kinh thành giảng kinh. Thấy cò, người, xe, ngựa của vua, sư vội vàng ẩn thân trong mộ, nhưng bị Vũ Hoàng phát hiện kéo ra, hỏi sư vì sao lại ở đây, và kiểm tra chỗ ở của sư trong cổ mộ, chỉ thấy tọa cụ bằng cỏ, trên bàn bút mực, kinh điển, số sao rất nhiều, liền

sinh lòng kính phục, mang sư vào cung cúng dường. Tào Thái hậu rất kính ngưỡng, tôn trọng sư. Hôm nọ, sư nói với Thái hậu rằng: “Bổn chí của tôi chủ yếu là tu học Phật pháp, ở lâu trong cung thể này có cảm giác như bị trói buộc tay chân”. Vũ đế liền thả sư tự do.

---o0o---

7.16. Dấu thư giới thiệu vào trong tay áo

Triều nhà Tống, tại Minh Châu, có Thiền sư Tuyết Đậu Trọng Hiển. Sư tự Ẩn Chi, người Toại Ninh (Đồng Nam, Tứ Xuyên). Gia thế giàu có, theo Nho giáo. Thuở nhỏ kế thừa gia học song chí lại xuất thế, nên lúc tuổi thanh xuân đã bỏ tục vào đạo theo Nhân Sơn viện Phổ An xuất gia. Ban đầu học kinh luật và xen cả thế pháp. Sau khi thụ giới cụ túc sư chuyên tu định nghiệp. Sư đến Bắc Thập, Phục Châu (Thiên Môn, Hồ Bắc) tham kiến Thiền sư Trí Môn Quang Tô, y chỉ 5 năm được nối pháp làm truyền nhân tông Vân Môn¹⁰.

Một hôm, sư Hiển định hành cước một chuyến đến sông Tiền Đường. Học sĩ Tăng Công đề nghị với sư rằng: “Ngài nên đến chùa Linh Ẩn. Chùa Linh Ẩn ở gần sông Tiền Đường là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng trong thiên hạ, trụ trì chùa Linh Ẩn là Thiền sư San. Ông ấy là bạn của con”. Rồi viết một lá thư trao cho sư mang đi.

Sư đến chùa Linh Ẩn, lặng lẽ theo chúng tu hành, trải qua hơn ba năm. Một hôm, Tăng Công phụng mệnh xuất xứ Chiết Tây, thuận đường ghé thăm sư. Đến chùa Linh Ẩn, hỏi thăm Thiền sư Trọng Hiển thì không có ai biết. Bấy giờ trong chùa có hơn ngàn người, Tăng Công lệnh cho cấp dưới kiểm tra danh sách từng người mới tìm được sư. Tăng học sĩ hỏi sư vì sao trước đây đã viết thư giới thiệu trao cho mang đi mà không đưa ra cho trụ trì. Sư Hiển lấy lá thư cất trong tay áo ra, vẫn còn nguyên vẹn, chưa tháo phong bì. Sư nói: “Ý tốt và sự quan tâm của huynh tôi rất cảm kích, nhưng chỉ là một vị Tăng hành cước, ngao du vân thủy như tôi, đối với danh lợi thế gian không cần đến làm gì, sao lại dám kỳ vọng vào lời giới thiệu của huynh để được danh dự, hiển đạt?”. Tăng công cười lớn. Thiền sư San nhân vì việc này mà đối với sư Hiển có một cách nhìn đặc biệt hơn.

Sau, sư ra hoằng pháp trụ trì chùa Thuý Phong, Tô Châu. Năm sau sư chuyển sang chùa Tư Thánh núi Tuyết Đậu, học chúng vân tập rất

¹⁰ Trọng Hiển lúc mới gặp Trí Môn Quang Tô, hỏi : “Một niệm không khởi vì sao nói có tội?”, Môn Tô gọi đến gần đánh cho một cây phát trần. Hiển mới định nói lời ngăn, lại bị đánh, ngay đó hốt nhiên khai ngộ, không nói một lời.

đông, tông phong cực thịnh nên được tôn xưng “Tổ trung hưng tông Vân Môn”. Bởi sư ở lâu nơi núi Tuyết Đậu nên người đời sau gọi sư là Tuyết Đậu Thiền sư. Sau khi mất, thụy là Minh Giác Đại Sư. Đệ tử có 84 người, đứng đầu là Thiên Y Nghĩa Hoài. Tác phẩm: *Minh Giác Thiền sư ngữ lục, 6 quyển*.

Lời bình:

Người ngày nay được các quan chức, quý nhân suy cử thì giống như được trân bảo hiếm có ở thế gian, ngày đêm dụng tâm truy tìm danh lợi. Có thể những người này chưa nghe nói qua tiết tháo thanh cao của Tuyết Đậu Thiền sư! Tôi thường kinh ngạc sự khai thị thiền cơ của Lão sư Tuyết Đậu, hai sự việc cây gậy và tiếng thét cùng đến một lúc, có khi như chớp điện rất nhanh, có khi như sấm sét đánh tỉnh cơn mê hoặc, không thua gì các trưởng lão Đức Sơn (cây gậy của Đức Sơn), Lâm Tế (tiếng thét của Lâm Tế). Khảo cứu một đời của sư mới biết rằng, khí lượng phong cách của sư vốn không giống người bình thường! Làm người xuất gia, tên gọi sa-môn, thật sự không thể không lấy làm tự ái.

---o0o---

7.17. Bỏ thư không xem

Triều nhà Tống, tại Vũ Ninh, Chùa Diên Ân, có thiền sư Huệ An (còn gọi là Pháp An), và thiền sư Viên Thông Pháp Tú (còn gọi là thiền sư Thiết Bích, hay Thiết Diện), trú trì chùa Pháp Vân, ở Đông Kinh cùng tham bái, học đạo với Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài ở Việt Châu. Sau đó, Thiền sư An về cư trú trong một tu viện rách nát ở một thôn vắng, tại Võ Ninh, một mình một bóng lặng lẽ suốt 30 năm. Còn Thiền sư Viên Thông Tú thì vâng chiếu của Hoàng đế trú trì chùa Pháp Vân, hào quang soi tỏ bốn phương, khắp nơi quy y.

Có lần Viên Thông Tú viết thư gửi cho Thiền sư An, muốn suy cử sư An, nhưng sư An nhận thư không đọc mà bỏ đi, thị giả đứng bên hỏi vì sao bỏ thư đi không xem, sư trả lời: “Ta lúc đầu cho rằng Thiền sư Tú là bậc thấu triệt, sâu sắc, cao siêu, bây giờ mới biết ông ta là một thằng ngốc. Người xuất gia phải ở trong mồ hoang hay dưới gốc cây, tùy chỗ yên thân, nỗ lực cần tu cầu thoát sinh tử, nhanh chóng gấp rút cứu lấy mình như đang bị nguy cơ mất đầu. Ngày nay không chịu nỗ lực tu hành, duyên có gì phải ở nhà cao cửa rộng đầu đường cái lớn trong đô thị tứ thông bát đạt, nuôi dưỡng hàng trăm người nhân rồi chẳng có việc làm, như vậy chẳng khác nào người ngủ đã tỉnh rồi, mở to mắt mà vẫn đi đại tiện trên giường, ta lại có thể nói tốt cho ông ta sao”?

Lời bình:

Sư Tú đệ tử rất nhiều. Sư An chỉ sống một mình. Nếu đem hoàn cảnh của họ đối cho nhau thì phong cách của hai người lại giống nhau. An đại sư không phải trách mắng Tú đại sư, chủ yếu là cảnh cáo người đời một chút, những người xuất gia ngu si mà thôi. Tuy nhiên, nuôi dưỡng cái chí thành thoi, thông thả như vậy còn khả dĩ. Ngày nay, chỉ nuôi dưỡng những thứ bận rộn, cả ngày bám vào chỗ dựa tìm cầu danh lợi ... thì không thể nói được nữa rồi!

---o0o---

7.18. Đốt bình bát bằng gỗ quý trước mặt sứ giả

Triều nhà Tống, tại Minh Châu, núi Dục Vương, có thiền sư Hoài Liễn, người Chương Châu. Vào giữa niên hiệu Hoàng Hữu (1049-1054), vua Tống Nhân Tông triệu sư đến khai thị Phật pháp ở điện Hóa Thành, vua rất hài lòng, ban tặng cho sư hiệu Đại Giác thiền sư. Sư Liễn trì giới rất nghiêm mật. Hoàng đế có lần phái di sứ đến tặng cho sư bình bát làm bằng gỗ Long Nãi hương, sư cầm bát đốt trước mặt sứ giả, nói: “Người học Phật chỉ mặc y phục bằng vải thô xấu, dùng bình bát bằng đất nung, chiếc bình bát này bằng gỗ Long Nãi quá cao quý, xa hoa, không như pháp, không thể sử dụng”. Sứ giả trở về đem việc này tấu rõ với Hoàng đế, Hoàng đế nghe xong khen ngợi không thôi.

Lời bình:

Thiền sư Liễn đốt bát mà lòng không một chút sợ hãi, Tống Nhân Tông nghe sứ giả tấu rõ sự tình mà không sanh lòng giận dữ, thật đúng là điều mà người ta gọi: “Nếu như không phải là tiên sinh Nghiêm Tử Lăng thì không thể thành tựu được cái khoan hồng độ lượng của Quang Vũ Đế; nếu như không phải là Quang Vũ Đế thì không thể thành tựu được cái tiết tháo thanh cao của Nghiêm tiên sinh”! Khó mà biết được có phải là giai thoại của lịch sử Thiền tông hay không!

---o0o---

7.19. Nhân quả tu hành

Người xuất gia đời này giữ giới tu phước, nếu như chưa minh tâm kiến tánh, nguyện lực lại nhỏ bé, mong manh, lại không cầu sanh Tịnh độ, thì người này kiếp sau sẽ được quả báo giàu sang phú quý rất nhiều. Nhưng cũng có nhiều người bị phú quý vinh hoa mê hoặc, thậm chí tạo nghiệp ác, đọa lạc trong ba cõi. Có một vị Hòa thượng xưa tay không tin những lời tôi nói. Thấy vậy, tôi nói tiếp, khỏi phải bàn luận đến kiếp sau,

trước mắt tôi đã thấy có một người xuất gia, sống ở trong một am tranh, phía Bắc dãy Phong Sơn, kiên trì tu tập, tinh tấn, gian khổ 10 năm. Sau đó, thiện nam tín nữ biết được, rất ngưỡng mộ, tôn sùng, giúp ông ta xây dựng một tịnh xá riêng bên ngoài, mời ông ta đến ở đó, cúng dường lâu ngày, cuối cùng, ông ta bị chìm đắm trong danh văn lợi dưỡng, một chút đạo hạnh tu tập khổ cực trước đây cũng hoàn toàn tiêu rụi, hiện đời đã thấy rõ ràng cần gì phải nói đến kiếp sau? Vị Hòa thượng kia hỏi tôi nói vị Tăng đó là người nào? Tôi trả lời: “Chính là lão huynh đấy chứ ai”! Lão Hòa thượng nghe xong im lặng không nói năng gì.

Có người xuất gia nhìn thấy người ta phú quý hiển đạt, sanh tâm ước ao, thèm muốn, hy vọng có thể được như họ; cũng có người xuất gia xem thấy người ta hiển đạt, phú quý sinh tâm chán ghét, dường như không đếm xỉa đến. Cả hai hạng người xuất gia này đều không đúng. Vì sao? Bởi vì chỉ biết ước ao giống như người ta mà không biết rằng kiếp trước người ta là người xuất gia tu hành khổ hạnh, làm phước, cúng dường, bố thí rất nhiều. Nếu mình ngày nay cũng làm phước, bố thí, cúng dường, thì không cần phải ước ao gì hết, ngày sau ắt được phước báo giàu sang phú quý. Còn chỉ biết chán ghét người ta, mà không biết rằng sự tu tập khổ hạnh của mình bây giờ, quả báo đời sau sẽ được làm quan, có địa vị danh lợi như người ta! Thế thì vì sao phải chán ghét? Nếu như chưa thoát ly được sanh tử thì vẫn còn trao đổi, luân hồi hổ tương cho nhau, giống như đào giếng thì có nước. Nghĩ đến sự sống chết không dừng này, có thể không khiến cho lòng ớn lạnh sao? Vì vậy, phải nhất tâm hướng thượng, dũng mãnh tinh tấn tu hành, không để một phút một giây lãng phí, ra khỏi tam giới, liễu thoát sanh tử, đâu có rãnh công phu để đi mơ ước hay chán ghét người ta?

---o0o---

7.20. Thích đồ cổ

Có một số người ưa sưu tầm đồ cổ, tụ tập lại một chỗ, mỗi người đem đồ cổ mình sưu tập được ra so sánh với nhau. Có người đem đồ cổ từ đời nhà Nguyên, nhà Tống hay từ thời Ngũ Đại ra, mọi người xem xong đều cười anh ta. Thấy bị cười vì niên đại các món đồ cổ của mình còn quá ít, liền sinh tâm phiền não. Tiếp theo có người đem đồ cổ từ đời nhà Đường, nhà Tấn, nhà Hán, nhà Tần, thời Tam đại (Hạ, Thương, Chu). Chỉ tiếc là không có được cái nồi của Cao Tân Thị, cái khoan của Toại Nhân Thị, cây đàn Cầm của Thần Nông, cây đàn Sắt của Thái Hạo, đá năm màu để vá trời của Nữ Oa... Trong số những người đó có một người nói: “Những đồ cổ của các anh sưu tầm cũng là rất cổ, nhưng mà

không phải là thượng cổ, lại càng không phải là thượng cổ trong số những số thượng cổ”. Mọi người nói: “Như vậy là mặt trời và mặt trăng sao”? Người ấy nói: “Không phải, trước có thiên địa rồi sau mới có mặt trời mặt trăng”. – “Như vậy là trời đất chẳng”? Người ấy lại nói: “Không phải, có hư không rồi mới có trời đất”. - “Vậy là hư không chẳng”? Người ấy lại đáp: “Không thể nói được! Rất cổ. Đồ cổ của ta sưu tập được từ khi mặt trời mặt trăng chưa sinh ra, trời đất chưa thành lập, trước cả kiếp không. Các vị không tiếc nghìn vàng mua lấy một cái lư, một cái bát, một cuốn thư pháp... mà không biết coi trọng các vật tối cổ, tối bảo, quý hiếm này thì thật là uổng phí một kiếp chơi đồ cổ! Mọi người nghe rồi nhìn nhau im lặng không biết nói gì.

Không lâu, có người nói: “Vật hiếm là quý. Đồ cổ của Ngài mọi người ai cũng có như nhau, không phải chỉ một mình Ngài có, thì quý báu chỗ nào”? Người ấy trả lời: “Đại gia nói không sai, nhưng mà chỉ hơi ngu, ngu và không có không phải hai, cho dù là tôi có một mình cũng không phải sai”. Người kia lại hỏi: “Đồ cổ chúng tôi thấy rõ ràng trước mắt, có thể xem xét được, còn đồ cổ của Ngài đâu?”. Người ấy đưa hai tay ra cho mọi người xem¹¹. Mọi người lại nhìn nhau, không hiểu gì.

---o0o---

7.21. Hộ pháp

Mọi người đều biết rằng, đem giáo pháp của Phật truyền bá ra bên ngoài, kết giao với Vương công Đại thần là công tác hộ pháp. Nhưng không biết rằng, làm người xuất gia là việc hộ pháp chủ yếu nhất, việc này không thể không cẩn thận! Hộ pháp có ba điều: một là, xây dựng Chùa viện và tạo chỗ ở cho người tu hành; hai là truyền bá, tuyên dương Phật pháp; và ba là, khích lệ mọi người phát tâm xuất gia. Vì sao nói phải cẩn thận? Ví dụ, lấy điều thứ nhất để nói, xây dựng chùa viện bảo hộ người tu hành, nếu như tài sản xưa nay vốn thuộc sở hữu của chùa viện, bị người ta dùng bạo lực xâm chiếm, nay lấy lại trả cho chùa viện, đây là việc làm hợp lý. Nếu như tra xét hồ sơ, quyền tài sản không rõ ràng, năm tháng lại quá xa, hiện tại quyền sở hữu đã đổi cho người khác, chúng ta nhờ quyền thế để đoạt lại có được không? Vui vẻ hỷ xả đi mới là điều tốt đẹp nhất, thế lực người ta không bằng bạn, miễn cưỡng trả lại cho bạn, đó gọi là chỗ tụ tập oán nghiệp. Nếu như người xuất gia

¹¹ Phật tánh vô thi, vô chung. Điều mà họ nói là vật có từ trước kiếp không. Phật tánh không thể không thấy. Đại thiên thế giới, hình hình sắc sắc, đều là Phật tánh. Có thể nơi mỗi hình sắc thấy được Phật tánh, thì nơi hai tay đưa ra cũng thấy được. Nếu lúc đưa hai tay ra mà không thấy thì muôn hình muôn sắc cũng không thấy.

chỉ khuyến hóa các đại quan có thế lực, bảo người ta làm những việc công đức lớn, để tu sửa chùa viện cũ, mà không nghĩ đến rằng Phật pháp vốn bình đẳng đối đãi với tất cả chúng sanh, người bình dân cũng phải cho họ có cơ hội tích tập góp công đức chứ, không nên chỉ hướng đến những người quyền quý để hóa duyên! Lại nữa, nếu như dùng thế lực bóc lột tiền bạc và sức lực của trăm họ để xây dựng chùa tháp, thì cho dù chùa tháp có rộng hơn ngàn mẫu, cao đến chín tầng mây, dùng gỗ chiên đàn để xây dựng, dùng trân châu bảo ngọc để trang hoàng, thì Phật cũng chỉ thương chúng sanh đau khổ mà thôi, không thể hoan hỷ được. Những việc làm này không có công đức, ngược lại có tội, không thể không cẩn thận! Thứ hai, nói về việc truyền bá Phật pháp, nếu như trước tác hoặc giảng giải kinh điển, xa thì hợp với tâm Phật, gần thì khế hợp với yếu chỉ của kinh điển, chúng ta tán thán và truyền bá, tuyên dương việc đó. Điều này thì hợp lý. Nếu như thuyết pháp hoặc sáng tác mà giống như ngoại đạo, vọng kiến, tà thuyết, hoặc thấy biết nông cạn, lệch lạc, chúng ta phản đối và không chấp nhận cho lưu truyền. Vì sao? Nếu như người xuất gia lúc có sáng tác, trước thuật chỉ cố tìm cầu những nhân vật to lớn viết cho lời tựa, lời bạt, mà không nghiên cứu, suy nghĩ xem nội dung trước tác có hại cho người đời sau hay không, nếu có, không chỉ không có công đức mà còn có tội, không thể không cẩn thận! Điều thứ ba là, khích lệ người xuất gia. Nếu như người xuất gia này thật tu thật học, thực sự muốn được khai ngộ, có học vấn và có trí tuệ cao thì nên cúng dường họ. Người xuất gia phải có chánh tri kiến, tu học đến nơi đến chốn, nghiêm trì giới luật, tu hành thâm hậu, thì nên tín ngưỡng họ, gần gũi họ. Đây là điều hợp lý. Nếu như xuất gia là người giả trang thiền tướng, biểu hiện bên ngoài, mà bên trong không có đức độ của kẻ học thiền, xấu xa bỉ ổi, lại hạ lưu, cũng tôn kính họ, thân tín họ, có được không? Chẳng hạn người xuất gia thân cận, tìm chỗ dựa nơi những người phú quý, hy vọng họ che chở cúng dường, ưa dùng tơ lụa, cẩm tú cao quý để che đậy cái thân thể hôi thối... thì có nên thân cận hay không? Không nên! Vì sao? Vì làm vậy chỉ là tăng thêm độc tính vào trong cơ thể của họ, không chỉ không có công đức, trái lại còn có tội, không thể không cẩn thận! Nếu giống như đây, thì Vương công Đại thần duy trì ủng hộ Phật pháp, mà người xuất gia trái lại phá hoại Phật pháp, thật đáng buồn thay!

---o0o---

7.22. Xuất gia

Người mới phát tâm xuất gia, tuy chí nguyện có lớn nhỏ khác nhau, nhưng ít nhiều đều có tâm đạo. Nhưng một thời gian sau, lại bị lợi danh, nhân duyên làm cho ô nhiễm. Tiếp đến lại kiến tạo chùa chiền, tu sức y áo, mua ruộng vườn, kinh doanh bất động sản, thu nhận đồ đệ, nuôi người ăn kẻ ở, cất giữ tiền bạc, dồn sức đi làm việc đời, đi tìm chỗ nương tựa, thì giống như người thế tục chẳng khác nhau. Trong kinh Phật có nói: “Một người xuất gia tu hành, Thiên ma ba tuần phải lo sợ”. Bây giờ vị Tăng đã biến thành người thế tục như vậy, Ma ba tuần có thể lấy rượu uống chúc mừng. Người phát tâm bồ đề xuất gia, việc trước hết phải biết một điều như vậy. Tôi đã từng thấy một vị sa-môn tu hành khổ hạnh trong rừng sâu núi thẳm, một khi xuống núi, bị những thiện nam tín nữ quy y cúng dường, lâu ngày liền mất đạo lực, sống một đời hèn hạ, hưởng hồ những người xuất gia tu tập đã quá tồi tệ! Người xưa có nói, sau khi xuất gia, nhất định phải ra khỏi nhà phiền não, phải cắt đứt mọi sự trói buộc ân tình cuộc đời, đó là xuất gia sau khi xuất gia. Xuất gia trước khi xuất gia thì dễ, xuất gia sau khi xuất gia mới là khó khăn. Tôi làm mấy việc này, rụt rè thận trọng, thấp thỏm lo âu, sợ phạm lỗi lầm đã thuật ở trên!

TỔNG LUẬN

Chương trước ghi chép hạnh Trung thần của các cao Tăng, chương này ghi chép hạnh Cao thượng. Hoặc có người hỏi: “Hạnh Cao thượng mới nói đây như vậy có tương phản với hạnh Trung thần không”? Không phải như vậy! Cần phải xem chỗ lập trường sao rồi mới nói! Ở trong rừng núi hang động khổ tu thành tựu, đạo phong vang khắp muôn nơi, triều đình nghe danh mời thỉnh, nếu như có nhân duyên, lời nói thích hợp, trên có thể độ được vua, dưới có thể độ được trăm họ, đây không phải là việc làm chân chính hoằng pháp lợi sanh sao? Chỉ sợ rằng đạo nghiệp tu hành không tốt, hạ thấp nhân cách của mình đi tìm cầu vinh hoa phú quý làm cho người xuất gia mất mặt thôi! Ôi, người xuất gia phải lấy tu hành làm sự nghiệp, tự tầm tự quý, nhân đó khiến cho Quốc vương và Đại thần biết rằng trong thiên hạ có những người xuất gia vui đạo tu hành, vứt bỏ danh lợi mà tán thán, ước ao họ, như vậy hạnh Trung quân rất nhiều, việc gì nhất định phải đổi mặt trình thuật, dâng lời khuyên gián mới gọi là Trung? Cho nên, tôi đã ghi quốc sư Huệ Trung ở Nam Dương được bảy đời Hoàng đế tôn sùng, và Thiền sư Vô Nghiệp ba lần từ chối chiếu lệnh của Hoàng thượng triệu vào cung, tuy hai người chỗ tao ngộ và phương thức hành động không giống

nhau, nhưng đạo nghiệp của họ thì cao quý như nhau, đều là những vị có hạnh Trung quân.

---o0o---

CHƯƠNG 08 - TRÌ TRỌNG

8.1. Sau khi được truyền pháp ẩn cư rất lâu

Triều nhà Đường, Lục Tổ Huệ Năng, ở chùa Nam Hoa, tỉnh Thiều Châu. Tổ nhân nghe kinh Kim Cang mà có tỏ ngộ, liền đến yết kiến Ngũ Tổ Hoàng Mai, sau được minh tâm kiến tánh. Ngũ tổ nói: “Ông căn tánh đại lợi, hãy vào sau viện già gạo”! Thế là sư lui sau viện già gạo, làm mọi việc tăng gia sản xuất, nhưng vì sư gầy quá, phải cột thêm đá vào người mới đạp chày già gạo nổi, làm việc cực khổ như vậy cúng dường đại chúng. Sau đó được Ngũ Tổ truyền y bát, sợ có người xấu tranh đoạt y bát làm hại đến sư, nửa đêm Ngũ Tổ tiễn sư đi. Sư ẩn cư với bọn thợ săn suốt 16 năm. Sau đó long thần hộ pháp bảo sư ra hoằng pháp độ sanh. Thế là sư đến chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu. Lúc ấy pháp sư Ấn Tôn đang giảng kinh Niết Bàn. Bấy giờ, gió thổi cây phượng lay động, một vị Tăng nói: “Gió động”. Một vị tăng khác nói: “Phượng động”. Hai người tranh cãi mãi không thôi. Huệ Năng bèn nói: “Không phải gió động, không phải phượng động, là tâm các ngài động”. Đại chúng kinh ngạc bội phục! Pháp sư Ấn Tôn mời sư thượng đường, thỉnh sư khai thị, rồi xuống tóc cho sư, lay sư làm thầy. Biết sư là người được y bát từ Ngũ Tổ, liền hỗ trợ cho sư hoằng pháp, thành lập dòng thiền đốn ngộ ở miền Nam.

---o0o---

8.2. 10 năm bí mật

Triều nhà Đường, tại Chương Châu, tại tu viện La Hán, có sư hiệu Quốc Sâm. Sư người Thường Sơn. Lúc đầu sư học Giới luật, sau tham học thiền Nam đốn với chư vị Đại đức, thiện tri thức khắp nơi. Cuối cùng sư được đại sư Huyền Sa Sư Bị (Sư Bị Tông Nhất), ở Phước Châu khai thị, liễu ngộ tâm địa. Sau đó sư bí mật hành trì không cho ai biết.

Nhưng sau đó, sư bị Châu mục Chương Châu, Vương Công Thái Nguyên, phát hiện khả năng trác việt của sư, mời sư về Liên Cung, ở Thạch Sơn, thành Tây, tỉnh Phúc Kiến trú trì hơn 10 năm. Sư tu trì mật hạnh nhưng không xem thường khai thị diệu pháp cho người. Tuy nhiên, có người khẩn thiết hỏi pháp sư mới vì họ khai thị. Không lâu sau sư chuyển đến viện La Hán. Tuy viện La Hán tường vách mục nát, mọi thứ đều hư hơn

một nửa, nhưng sư vẫn ở điềm đạm, vui vẻ. Thái bảo Cần Châu, Lang Nhị Công, tha thiết thỉnh sư hoằng dương Phật pháp, sư không thể từ chối, nhận lời mời, khai diễn pháp môn thâm diệu, mỗi lần thuyết giảng người đến tham học không biết bao nhiêu mà kể. Sư hoằng dương mạnh mẽ tông Pháp Nhãn.

---o0o---

8.3. Không nói những điều linh dị

Triều nhà Đường, tại Vĩnh Hưng, tu viện Vĩnh An, có sư hiệu Thiện Tĩnh.

Sư họ Vương, người xứ Toàn Thành (nay là huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây).

Thuở bé sư theo Nho học, thông suốt nhiều sách vở. Năm 27 tuổi, sư đến chùa Phong Đức trong núi Chung Nam lễ Thiền sư Quảng Độ làm thầy. Khoảng niên hiệu Thiên Phục (901-903), sư về Nam yết kiến Thiền sư Lạc Phố Nguyên Tĩnh, được cử làm Tri viên. Cuối cùng sư được khai thông, liễu ngộ được bốn tánh. Sau đó sư trở lại quê hương. Lưu thú Trường An Vương Công xây dựng Thiền viện Vĩnh An mời sư trú trì hoằng pháp. Một đời sư, lúc tắm rửa, trên thân thể đã từng rơi ra nhiều xá lợi, sư vội vàng nhặt lấy dấu đi, không cho đồ chúng đem xá lợi cho người khác xem hoặc nói cho người khác biết. Lại nữa, lúc ngồi thiền nhập định, bỗng nhiên trong sân Thiền viện có hạc trắng bay đến, ngoan ngoan đứng ở đó giống như đang nghe pháp vậy, sư sai người ra đuổi chúng đi. Có rất nhiều việc thần kỳ, linh dị như vậy, sư đều bí mật không nói cho ai biết.

Lời bình:

Người xưa có việc thần kì, linh dị bí mật không nói cho người khác biết, để phòng người sau tham cầu thần thông linh dị mà bỏ việc tu tập chánh giác. Ngày nay, không có thần thông linh dị cũng nói dối rằng có, mê hoặc người khác để trục danh lợi. Hai loại tâm thuật này thật khác nhau một trời một vực! Thánh hiền càng tu hành càng đến cảnh giới hoàn thiện; người ngu si càng tu càng đi đến chỗ trầm luân đọa lạc, giống như thế này lại còn cho là kỳ quái sao?

---o0o---

8.4. Dấu vết trong đám tiền phu – mục đồng

Triều nhà Đường, ở Trì Châu, Thiền viện Nam Tuyền, có sư hiệu Phổ Nguyệt. Sư họ Vương, người Tân Trịnh (Hà Nam). Niên hiệu Chí

Đức thứ 2 (757) sư đến núi Đại Ôi, huyện Mật (Hà Nam) thọ nghiệp với Thiền sư Đại Huệ, siêng năng khổ hạnh. Niên hiệu Đại Lịch thứ 7 (772) sư đến chùa Hội Thiện ở Tung Sơn thụ giới cụ túc với Luật sư Hạo. Theo Luật sư Pháp Lệ nghiên cứu Tứ bộ luật tông. Sư còn đi các nơi nghe giảng Lăng-già, Hoa Nghiêm v.v... Còn thông đạt huyền nghĩa các luận: Trung luận, Bách luận, Thập Nhị Môn luận. Sau đến Giang Tây yết kiến Mã Tổ Đạo Nhất có chỗ tĩnh ngộ, được Du hí Tam muội. Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 11 (795) sư ẩn cư núi Nam Tuyền, Trì Dương, tự cất thiền thất, hơn 30 năm không xuống núi, tự trồng trọt để sống, không để lộ tài năng và đạo hạnh, xem giống như cầm điếc. Sư thường mặc áo toại, đội nón cỏ đi chẵn trâu, dấu tích để lại trong đám tiều phu, mục đồng.

Đến đời Đường Văn Tông, khoảng niên hiệu Thái Hòa (827-836), Thái thú Trì Dương và Tuyên phủ sứ Lục Công, hộ quân ở Bành Thành, thỉnh sư xuống núi khai diễn Phật pháp, rộng độ người sau, một thời đạo phong vang khắp, mọi người tôn xưng sư là Nam Tuyền Cổ Phật.

Lời bình:

Tổ sư Huệ Viễn 40 năm không rời chân khỏi núi Lô Sơn. Vương Lão Sư (tức Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên) 30 năm không xuống núi Nam Tuyền. Tiết tháo cao thượng của người xưa là vậy. Nhưng đây đều là những sự việc xảy ra sau khi đã hiểu rõ tâm địa, không thích hợp với người mới tu học. Người xuất gia nếu việc lớn sanh tử chưa rõ, tâm địa chưa khai ngộ, phải nên không sợ đường xa, tìm thiện tri thức để cầu được khai thị dẫn dắt, đâu có thời gian ngu dại ngồi nhìn, giậm chân một chỗ, tự chận đứng cơ hội tiến lên của mình! Triều nhà Đường, ở Triệu Châu, Đông Viện, Thiền sư Tùng Thẩm đến 80 tuổi rồi vẫn còn ra ngoài hành cước tham phương học đạo; tại Phước Châu, núi Tuyết Phong, thiền viện Quảng Phước, Thiền sư Nghĩa Tồn, đời nhà Đường, cũng hơn ba lần lên đến Thư Châu, núi Đầu Tử tham bái Thiền sư Đại Đồng, 9 lần đến Sơn Động, Quận Châu, tham yết cầu pháp với Thiền sư Lương Giới. Tôi bạo gan viết mấy lời này, là khuyên bảo một cách thành thật những người xuất gia ngu si mà cứ đi ẩn cư, không chịu lo tham phương học đạo.

---o0o---

8.4. Mọi việc đều do duyên khởi

Triều nhà Đường, ở Đàm Châu, núi Thần Đỉnh, có Thiền sư Hồng Đàm, người Dự Châu, danh tiếng ngang hàng với Thiền sư Thiện Châu, ở thiền viện Thái Tử, Phần Dương. Sư đắc đạo lúc tuổi còn nhỏ, chưa

đến 30 tuổi, ẩn cư ở Nam Nhạc Hành Sơn 20 năm. Sau mới ra trụ trì, lại 20 năm sau mới khai đường thuyết pháp. Đây đều do thời cơ nhân duyên chưa đến, không phải ý của sư, hoặc phải ẩn cư nhiều năm mới trụ trì, hoặc thuyết pháp đều chờ nhân duyên chín muồi. (Những bậc cao Tăng đại đức sau khi ngộ đạo đều có đủ thần thông tuệ nhãn, hiểu rõ căn tánh chúng sanh, thời cơ và nhân duyên, giống như đi giữa đêm trăng sáng tỏ, nhậm vận mà đi).

---o0o---

8.5. Đóng cửa nhiều năm

Triều nhà Tống, ở Đàm Châu, núi Vân Cái, có Thiền sư Thủ Trí. Vào niên hiệu Nguyên Hữu thứ 6 (1091), đời vua Tống Triết Tông, từ bỏ trụ trì, rút lui tây đường ẩn cư một mình 30 năm.

---o0o---

8.6. Ở lâu trong rừng sâu

Triều nhà Minh (1368-1644), ở Tuy Châu, Long Xuyên, có Thiền sư Vô Văn Tuyệt Học Chính Thông.

Sư họ Hề, tự Vô Văn, hiệu Tuyệt Học, người xứ Quang Trạch (nay thuộc tỉnh Phúc Kiến). Năm 17 tuổi cạo tóc xuất gia, 20 tuổi thụ giới cụ túc. Tinh thông Giới luật kiêm tu Chỉ Quán, nghiên cứu sâu Duy Thức. Về sau sư chuyên mộ thiền pháp, thừa hỏi khắp nơi. Tham cứu 4 câu kệ của Phật Đại Thông Trí Thắng được vài năm. Một hôm, sư chợt nghe tiếng ngựa kêu liên tỉnh ngộ, nổi pháp Thiền sư Thiên Kỳ Bản Thụy, thuộc tông Lâm Tế.

Sau khi đại triệt ngộ, sư một mình vào trong núi Quang Châu ẩn tu 6 năm. Rồi vào sâu trong núi Lục An Châu ở thêm 6 năm. Sau đó lại trở về núi Quang Châu thêm 3 năm nữa, đều ở một mình một bóng trong rừng sâu núi thẳm như vậy tu hành trước sau tổng cộng 17 năm, rồi sau mới vào đời hoằng pháp.

Lời bình:

Sau khi giác ngộ lớn mới độc hành độc tọa, giống như Thiền sư Phổ Nguyên sau khi ngộ ẩn cư ở núi Nam Xuyên. Còn những người mới học, tâm tánh chưa khai ngộ, đã từ bỏ Tùng lâm, không ưa ở trong Tăng chúng, xa lìa thiện tri thức ở ẩn một mình, kiến thức nông cạn, không phải là sai lầm sao?

---o0o---

8.7. Tám lần mời không đi

Triều nhà Tống, ở Phần Dương, thiền viện Thái Tử, có Thiền sư Vô Đức. Sư họ Du, người Thái Nguyên (Sơn Tây). Thuở nhỏ, sư thông minh trí huệ hơn người. 14 tuổi cha mẹ lần lượt qua đời, sư bèn cắt tóc thụ giới cụ túc. Du phương khắp nơi, từng tham phỏng 71 vị tôn túc thạc đức. Sư đến Thủ Sơn, Nhữ Châu (Lâm Nhĩ, Hà Nam) tham kiến Thiền sư Tĩnh Niệm được đại ngộ, nổi pháp làm truyền nhân tông Lâm Tế.

Sau khi đại ngộ, trước sau đạo tục 8 lần mời sư xuống núi thuyết pháp, sư đều từ chối. Sau đó sư sống thanh thoi ở Chùa Bạch Mã, tại Dương Châu. Những người xuất gia, tại gia ở các vùng Tinh Châu, Phần Châu hơn 1000 người đồng loạt kéo lên núi cung thỉnh sư hạ sơn thuyết pháp độ sanh, cuối cùng, vì thanh tịnh khó từ chối, sư thuận theo ý mọi người xuống núi. Đại sư một lần khai giảng thì tông phong được chấn hưng lớn, xa gần đều đến, nhưng sư vốn là người từ trước tới nay không ra khỏi cửa. Sư tự làm một bài ca 'không ra tự viện' để biểu hiện rõ chí hướng của mình.

Lời bình:

Nhất nhất quán sát các bậc cao Tăng đại đức, sau khi được pháp, đều không để lộ tài năng, mai danh ẩn tích. Đến lúc thời cơ chín muồi rồi mới hiển lộ. Nhưng, như Thiền sư Vô Đức đây, người ta mời thỉnh đến lần thứ 8 vẫn không đi thì giấu kín, cẩn thận thái quá! Sau đó Tông phong được đại chấn, lẽ nào không phải là uyên nguyên sâu xa mà lưu truyền trường cửu? Không phải một sớm một chiều có thể bồi dưỡng tạo thành như thế! Ngày nay, người xuất gia trẻ mới chút ít tài năng đã vội vàng muốn biểu hiện, sợ người sau không biết đến, sợ làm người lạc hậu, thật không bình thường! Giống như quả chưa thật sự chín muồi mà hái xuống thì không thơm ngọt, không ăn được. Hỡi những người xuất gia trẻ! Phải luôn phản tỉnh xem lại mình, phải chăng xuất thế quá sớm?

---o0o---

8.8. Trọng pháp ẩn cư trong núi

Triều nhà Nguyên (1206-1368), tại Yên Đô (miền bắc tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc), chùa Phổ Khánh, có sư Pháp Văn, 7 tuổi xuất gia. Sau theo đại sư Quảng Ôn học kinh Pháp Hoa, Duy Thức, Nhân Minh luận và Tứ Phần Luật. Đại sư Quảng Ôn bảo sư phải tự trọng, tương lai còn dài, tiền đồ rất khó khăn, tất cả hy vọng đều đặt lên người sư. Sư đứng trước tượng Phật đốt một ngón tay, lấy máu viết kinh v.v... cúng dường Phật,

để biểu hiện sự tôn sùng Phật pháp. Tiếp đó sư ẩn cư ở Ngũ Đài Sơn, 6 năm không ra khỏi cửa, Đại tạng kinh năm ngàn quyển, tụng được ba lần. Quốc sư của Hoàng đế tán thán, khen rằng: “Người Hán cũng có những Hòa thượng cao minh như vậy”!

Không lâu sau, Tây An Vương Đình mời sư đến chùa Nghĩa Thiện ở Thành Nam, Tây An, khai giảng đạo tràng. Hoàng đế nghe đến danh đức của sư, triệu kiến vào hoàng cung, lệnh cho sư trú trì chùa Đại Nguyên Giáo, phong hàm Ngân Chương nhất phẩm. Rất nhiều người cầu giới và đắc giới nơi sư. Năm 1317, ngày 14 tháng 3, đời vua Nguyên Nhân Tông, sư ngồi ngay thẳng mà tịch.

---o0o---

8.9. Ẩn cư trong chùa cũ

Triều nhà Nguyên, ở Cù Châu, núi Ô Thạch, có sư Kiệt Phong Thế Ngu. Sư họ Dư, tự Kiệt Phong, người Tây An (Cù Châu, Chiết Giang). Xuất gia thuở nhỏ, lớn lên theo Cổ Nhai, Thạch Môn Học học đạo. Lại tham kiến nhiều bậc tôn túc Bồ Nạp, Đoạn Nhai, Trung Phong nhưng không khế hợp, bèn ẩn cư trong núi Nam Bình khổ tham công án “không phải tâm, không phải Phật, không phải vật”, ba năm không ra khỏi cửa, một đêm nghe vị tăng bên cạnh tụng Chứng Đạo Ca, sư có tỉnh, yết kiến Thiền sư Chỉ Nham Thành được ấn chứng rồi nối pháp. Niên hiệu Chí Thuận thứ 2 (1331) sư trở về trụ núi Ô Thạch, Tây An suốt 16 năm không ra khỏi núi.

Sau danh tiếng của sư truyền đến triều đình, Hoàng đế sai người tâm phúc mang danh hương và Cà-sa Kim lan ban tặng cho sư, phong hiệu Hoằng Biện pháp sư. Đời vua Nguyên Thuận Đế, niên hiệu Chí Chính (1341-1368), các Chùa viện mới như Long Viên, Cổ Vọng, Bảo Cái, Phổ Nhuận v.v... đều thành khẩn cầu sư làm tổ khai sơn, bất đắc dĩ sư phải đáp ứng nguyện vọng mọi người.

---o0o---

8.10. Việc mình mình tự lo mới có thể vì mọi người

Người xưa đại triệt đại ngộ, việc học đã hoàn thành rồi còn phải vào bên suối, dưới rừng, nuôi lớn thánh thai, không sợ đầu lười nhân vì lâu ngày không nói mà phát mồi! Long thiên Hộ pháp cực lực thúc giục các Ngài mới vào đời độ người. Cho nên, một vị Đại đức từ chối không vào đời thuyết pháp đều nói nguyên ý đời đời kiếp kiếp đang ở vào địa vị tham học, để rèn luyện, tu hành. Tôi lúc mới xuất gia, thành kính

phụng trì điều này, ghi nhớ trong lòng, sau đó vì bị bệnh cho nên vào núi tịnh dưỡng, Tăng tục nối tiếp nhau đến cùng tu, lâu dần bất giác hình thành Tông lâm đạo tràng. Nhưng cho đến hôm nay vẫn không dám tự cho mình là Phương trượng Tông lâm; không dám mở miệng vọng luận đạo lý Thiên tông. Chỉ bất quá cùng chúng tu học, không phải lãnh đạo mọi người tu hành! Tôi rất xấu hổ, tuổi đã cao, làm bậc trưởng bối, chỉ hy vọng cùng quý ngài hỗ tương khích lệ nhau mà thôi. Kỳ vọng quý vị Đại đức xem tôi là bằng hữu, có gì không phải, xin quý ngài chỉ giáo và sửa chỗ lỗi lầm cho tôi, đây là điều vinh hạnh cho tôi vậy!

---o0o---

8.11. Làm việc chắc chắn, lớn tuổi rồi mới vào đời

Người xưa sau khi đắc ngộ tâm địa, ở trong hang sâu núi thẳm, dùng nồi bễ nấu thức ăn, nấu cháo nuôi dưỡng, cho đến khi Long Thiên Hộ pháp cực lực thôi thúc vào đời, vạn bất đắc dĩ mới nhập thế độ chúng. Người đời sau dần dần không như người xưa, chỉ học đòi làm Pháp sư giảng kinh, luận, hoặc học làm thầy cúng (làm pháp sư du-già thí thực). Học thành rồi mà tuổi còn nhỏ còn không dám ra đi, đợi đến tuổi lớn rồi mới dám ra làm Phật sự. Ngày nay, trước mắt thấy rất nhiều vị thiếu niên lên toà giảng sư. Thảo nào Phật pháp suy vi!

---o0o---

8.12. Trước thuật nên ở cuối đời

Trước tác của người tu đạo không phải như văn chương, truyện ký... trong thế gian, văn từ có thể dùng ví von, so sánh. Tác phẩm của người xuất gia nhất định phải, trên thì làm sáng tỏ tâm pháp của Phật, dưới thì phải khai mở phương pháp ngộ đạo cho người sau. Trách nhiệm này không phải nhỏ. Nếu như sở học chưa tinh thông, chỗ thấy biết chưa chính xác, ổn định, chỉ có một chút sai lầm, không phải là làm trái ý chỉ của Phật và để lại sai lầm cho người hậu học sao? Khổng Tử ba lần ‘đoạn tuyệt vi sách’ mới đem ‘10 cách dịch văn’ ra khen là hoàn thành (Vi là da, ngày xưa không có giấy, viết chữ lên thẻ tre, dùng da kết lại cho nên gọi là vi sách. Thập dịch là Khổng Phu tử khen dịch văn, tức là Thượng thoán, Hạ thoán, Thượng tượng, Hạ tượng, Thượng hệ Hạ hệ, Văn ngôn, Thuyết quái, Tự quái và Tật quái). Ông Châu Hy lúc lâm chung còn đem yếu chỉ trong chương ‘Thành ý’ của sách Đại học ra cái định. Người xưa đối với việc trước thuật cẩn thận đến như vậy. Học vấn thế gian mà còn thận trọng như vậy huống gì câu cú, ngôn luận xuất thế, nói là dễ sao? Triều nhà Đường, ở Lăng Châu, có Thiên sư Đức Sơn Tuyên Giám (họ

Châu, người Quảng Châu), sau khi xuất gia chuyên tâm nghiên cứu Luật tạng, đối với tánh tướng các kinh đều quán thông yếu chỉ, thường hay giảng kinh Kim Cương, cho nên người bấy giờ gọi sư là Châu Kim Cương. Sau nghe ở phương Nam giương Thiền hưng thịnh, Sư căm giận, bất bình, bèn nói: “Người xuất gia ngàn kiếp học oai nghi của Phật, vạn kiếp học tế hạnh của Phật còn chưa thành Phật, nay kẻ ma ở phương Nam dám nói: “trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, ta phải đập tan cái sào huyệt này, trừ hết những nghiệp chủng ấy để báo ân Phật”. Sư bèn gánh Thanh Long sớ sao lên đường đến đất Thục, huyện Lễ Dương. Trên đường đi gặp một bà già bán bánh, nhân đó sư dừng lại mua bánh ăn điểm tâm. Bà già chỉ vào gánh hỏi: “Đây là gánh gì?”, sư trả lời: “Thanh Long sớ sao”. Bà già hỏi: “Giảng kinh gì?”. “Kinh Kim Cang”. Bà già lại nói: “Tôi có một câu hỏi, nếu như trả lời được, cho bánh ăn điểm tâm, nếu như trả lời không được, hãy xéo đi chỗ khác. Trong kinh Kim Cang có nói, ‘tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc’, xin hỏi sư muốn điểm tâm nào?”. Sư trả lời không được, bèn tìm đến Long Đàm. Đến pháp đường sư nói: “Đã lâu nghe danh Long Đàm, đến đây thì đàm không thấy mà long cũng chẳng hiện”.

Long Đàm Sùng Tín Thiền sư nói: “Người đã đến gần được Long Đàm”. Sư không biết nói gì, bèn ở lại. Sau sư đại ngộ, đem Thanh Long sớ sao đến trước pháp đường châm lửa, nói: “Tột cùng các biện luận siêu huyền như một sợi lông ném trong hư không; hết sạch các trọng yếu ở đời giống như một giọt nước trong hồ lớn”, nói xong sư châm lửa đốt sạch. Nếu như sư Đức Sơn không đến Long Đàm thì cho rằng Thanh Long sớ sao của mình sáng tác là hiếm có trong đời. Lại có Thiền sư Tùng Duyệt ở Đâu Suất, phủ Long Hưng, theo học với Thiền sư Đạo Ngô, rồi đến Hòa thượng Trí ở Vân Cái, sau nghe lời Hòa thượng Trí đến tham học với Hòa thượng Văn ở Động Sơn, rồi trở về yết kiến sư các đại Hòa thượng Chơn Tịnh Văn v.v... thâm lãnh được yếu chỉ sâu xa, được ấn chứng. Sau đó Sư đến Đàm Châu, Thạch Sương, Sở Viên, gặp thị giả của Thiền sư Từ Minh là sư Thanh Tố.

Thiền sư Thanh Tố có đầy đủ sở kiến, Sư thành khẩn xin chỉ giáo, sư Thanh Tố nói rằng, những điều Động Sơn dạy cho ông đều là chánh tri chánh kiến, tiếc rằng ông lìa xa thầy Văn quá sớm, nhưng chỗ người đạt được chỉ có thể vào Phật mà không thể vào ma, há chẳng thấy cổ như nói một câu rồi sau mới đến lao quan? Nay vì ông điểm phá. Mấy tháng sau sư mới được Thanh Tố ấn khả. Như vậy, lúc đầu được Thiền sư Duyệt (Diệu Hỷ), ở Đâu Suất làm cho đầy đủ đại tài rồi, sau mới được sư

ấn chứng tâm pháp của Thiền sư Thanh Tố. Người tuổi trẻ lo trước tác còn không vội tu tập?

TỔNG LUẬN

Hoặc giả có người sẽ hỏi: “Đức Thế Tôn sau khi ngộ đạo thành chánh đẳng chánh giác liền thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm, cũng có Sa-di, mới 7 tuổi dự hội thuyết pháp. Nếu như phải ẩn cư nhiều năm, lâu ngày mới xuất thế, thì ai tiếp độ chúng sanh”? Thật không biết rằng, người xưa làm việc thận trọng không phải là tự lợi cho riêng mình mà quên đi sứ mạng vào đời độ sanh! Đạo hạnh càng cao, chí hướng càng kiên định, nguyện lực càng sâu rộng, tâm địa càng sáng tỏ, làm việc càng cẩn thận, càng không sai nhân quả. Sau khi ngộ đạo, ở trong rừng, bên suối, nuôi lớn và gìn giữ tâm linh, đợi cho đến lúc hạnh giải hợp nhất, đạo lớn đã thành, như trái đã chín, hương vị tự nhiên bay khắp, thơm tho, Long thần Hộ pháp tự nhiên đến mời xuất thế, công phu lúc này, tùy ý tự nhiên tự tại, đều là việc làm tốt đẹp, dùng đức độ chúng giàu có dư dật. Bạn chỉ biết đức Phật một đời cứu độ chúng sanh làm lợi ích cho chúng sanh, mà không biết rằng Ngài đã trải qua ba đại kiếp A-Tăng-kỳ tu tập! Và không biết rằng Sadi 7 tuổi có thể giảng kinh ấy là đã nhiều đời nhiều kiếp tu luyện huân tập mà thành tựu hay sao? “Phật pháp không phải là cá tươi, sợ để lâu nó thối sao?”, câu nói này tuy đơn giản mà nghĩa lý rất sâu xa!

---o0o---

CHƯƠNG 09 - HẠNH GIAN KHỔ

9.1. Nhiều năm tu hạnh đầu đà

Thời Phật còn tại thế, tôn giả đại Ca-diếp tu khổ hạnh, mặc dù tuổi đã lớn vẫn không bỏ lối tu này. Phật thương ông tuổi già sức yếu, khuyên rằng: “Thầy liên tục tu khổ hạnh nhiều năm, nên nghỉ ngơi một chút”. Tôn giả Ca-diếp vẫn một mực tu tập khổ hạnh như vậy. Phật khen ngợi: “Thầy có thể làm gương mẫu cho tất cả chúng sanh noi theo, chính như Ta một đời tại thế, có người tu tập khổ hạnh giống như thầy, thì Phật pháp có thể trụ ở đời mãi mãi, nếu như không có người tu khổ hạnh thì Phật pháp sẽ diệt vong. Thầy quả thật là người gánh vác việc lớn của Như Lai!”. Sau đó, nhân trong một buổi pháp thoại tại non Linh Thứu, Thế Tôn đưa lên một cành hoa, Ngài Ca-diếp mỉm cười, chánh pháp nhãn tạng, lấy tâm truyền tâm, trao cho đại Ca-diếp, trở thành sơ tổ Thiền tông ở Ấn Độ.

Lời bình:

Hạnh đầu đà còn tồn tại hay diệt vong đều quan hệ đến sự tồn tại hay diệt vong của Phật pháp, đây là lời nói từ kim khẩu của Phật. Câu nói này vẫn còn văng vẳng bên tai, vậy mà người xuất gia ngày nay, ăn thì quá nhiều, mặc thì quá đẹp, trang hoàng chỗ ở thì quá sang trọng, tứ chi mệt mỏi lười biếng, không muốn làm việc, vật chất trang sức, tiêu khiển, thưởng ngoạn giống như một người phú quý mà không biết xấu hổ. Phật pháp suy vi, thật tại khiến cho lòng người vô cùng đau xót! Sơ tổ Ca-diếp ở Ấn Độ, phương Tây, và chúng ta, người Trung Quốc, phương Đông, quốc thổ không đồng, nhưng những việc gương mẫu Ngài đã làm, lẽ nào Ngài đã biết trước: sau khi Phật pháp ở Ấn Độ suy vi, Phật pháp (mà đặc biệt là Thiền tông) thịnh hành ở Trung Quốc, đến hôm nay có những bệnh xa hoa mà không tu khổ hạnh, nên đã đặc biệt để lại phong độ này để làm lương dược đối trị cho con cháu của Ngài chăng? Chỉ xin nguyện con em Thiền môn noi theo gương mẫu tổ sư Ca-diếp đã làm, tu hành không nên lấy chỗ thời đại mặt pháp mà tự cam chịu thụt lùi.

---o0o---

9.2. Trải qua đủ mọi hiểm nạn

Triều nhà Tấn, có pháp sư Vô Khát, ở Hoàng Long Đàm. Sư nghe nói đại sư Pháp Hiển ở chùa Kinh Sư, Giang Lăng, cùng với các thầy Tuệ Cảnh, Đạo Chính... đến Tây Trúc thỉnh kinh, tham học, cũng phát thệ nguyện đến đó một lần. Thế là, vào đời Tống Vũ Đế, thời Nam Triều (niên hiệu Vĩnh Sơ năm thứ nhất, 420 t.l), sư tập hợp các bạn đồng tu như Đàm Lãng, Tăng Mạnh,... cả thảy 25 người, xuất phát từ Trường An đi Tây Thiên, vượt qua sa mạc. Sa mạc đó, trên không có chim bay, dưới không có thú chạy, tuyệt tích không có bóng người, nhìn về phương tây, một dải mênh mông, tuyệt không dấu vết, tất cả đều không biết nên đi về hướng nào mới đúng, chỉ biết nhìn mặt trời để xác định đông tây, xem xương cốt của người bỏ lại để xác định đã có người đi qua đây bỏ mạng, rồi quyết định lần theo dấu vết mà đi. Đến dãy Thông Lĩnh, vùng này không kể là mùa đông hay mùa hạ đều có tuyết rơi, có ác long thổi khí độc, gió thổi bụi đá bay như mưa. Lại đến dãy Đại Tuyết Sơn, dưới núi có sông lớn, nước sông chảy rất mạnh giữa hai dãy núi đông-tây, các sư nổi dây thừng lại làm cầu, mười người đi qua trước, đến bên kia đốt lửa làm tín hiệu, người phía sau xem thấy khói lửa biết người đi trước đã qua tới nơi an lành mới yên tâm đi theo; nếu như rất lâu không thấy khói lửa thì biết rằng gió lớn đã thổi mất cầu giây, người đã bị rơi xuống sông rồi.

Vượt qua dãy Tuyết Sơn rồi, vách núi cao và dốc, không có chỗ đứng chân, trên vách núi người trước có lưu lại cây xuân, vách núi có lỗ, mỗi lỗ

một cây xuân tương đối tốt. Mỗi người cầm bốn cây xuân, từng bước leo từ dưới lên trên, lại nắm cây xuân phía trên nữa, cứ như vậy lần lượt nắm cây leo lên, trải qua ba ngày mới lên đến đất bằng, điểm lại các bạn cùng đi thiếu mất mười ba người.

Tiếp tục cuộc hành trình đi về phía trước, đến trung Ấn Độ, trên đường không có gì cả, chỉ thấy đồng trống mênh mông. Hành lý mang theo bấy giờ chỉ còn lại một ít đường làm lương thực, trong 13 còn lại chết thêm 8 người nữa. Đại sư Vô Khát lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nguy hiểm, trong lòng chỉ biết niệm Bồ tát Quán Thế Âm. Chưa vượt qua được đoạn đường nguy hiểm, đến Xá Vệ quốc lại gặp một bầy voi dữ, thế là tất cả mọi người đều phó mặc tính mạng cho Bồ Tát Quán Thế Âm. Bỗng nhiên xuất hiện một con sư tử, bầy voi dữ cuối cùng tự rút lui hết. Đến sông Hoàng Hà lại gặp một bầy tê giác, vẫn phó mặc tính mạng, niệm Quán Thế Âm, không bao lâu thì có một con chim Thửu rất lớn bay lại, bầy tê giác cũng sợ hãi chạy đi. Cuối cùng thỉnh được kinh Phật, tại Nam Ấn Độ, theo đường biển mang kinh sách trở về Quảng Châu.

Lời bình:

Đọc truyện đại sư Vô Khát đi Thiên Trúc, nhớ lại ân đức và tinh thần thỉnh kinh cầu đạo của tổ sư hơn một ngàn năm trước, không ngăn được lòng cảm động rơi nước mắt. Hiện nay, chúng ta tụng đọc một câu một chữ kinh điển đều là xương máu, mồ hôi của tiên đức cả! Nếu như đối với kinh điển mà khinh thường, tay giơ không rửa mà cầm kinh, đem kinh bỏ chỗ không thanh tịnh, hoặc cất giữ mà không đọc, đọc mà không y theo lời để tu hành, cho đến dùng kinh để cầu cơm áo, danh lợi mà thôi, những việc làm như vậy, thì thật vô cùng tội lỗi với muôn vàn lao khổ, bỏ sống thỉnh kinh của cố đức. Thật đau lòng thay!

---o0o---

9.3. Đế tang khi Phật pháp bị hủy diệt

Triều nhà Tùy (581-618), tại Tương Châu, chùa Diễn Không, có sư Linh Dụ (Xem *chương 2, mục 2.1*). Khi thấy triều nhà Bắc Chu (557-581), vua Vũ Đế (561-597) tiêu diệt Phật giáo, sư rất bi ai, mặc lễ phục, đầu đội khăn để tang Phật pháp, giống như bị mất cha mẹ vậy. Sư đợi đến nửa đêm mới đàm luận giáo lý Phật đà, sáng ra thì đọc sách thế tục, ẩn cư để tang chờ ngày phục hưng Phật giáo.

---o0o---

9.4. Châm kim vào đùi để chế tâm vọng niệm

Triều nhà Tùy, ở Triệu Quận, núi Chương Hồng, có sư Trí Thuần, người Đại Lục, Triệu Châu. Sư chuyên tu pháp môn quán niệm, mỗi khi vọng niệm khởi lên, không có cách gì ngăn chặn, sư liền chích vào đùi, chích cho đến khi chảy máu, hoặc giả sư mang cục đá lớn đi nhiễu quanh tháp, luôn luôn giữ chánh niệm, từ trước tới nay chưa có một giây phút xao lãng, buông lung chánh niệm. Trên đùi của sư, nơi chỗ bị chích, những vết vân tróc từng mảng nhiều lần, trông giống như cảm điều.

---o0o---

9.5. Sang Tây Trúc thỉnh kinh

Triều nhà Đường, ở Kinh sư, chùa Đại Từ Ân, có Pháp sư Huyền Trang phát nguyện sang Tây Trúc thỉnh kinh mang về nước. Vào năm Trinh Quán thứ 3 (629), đò vua Đường Thái Tông, sư một mình sang Tây Trúc, vượt qua muôn dặm gian nan, nếm đủ mùi khổ cực, vượt qua các vùng sa mạc, qua nước Cao Xương, đến nước Kế Tân. Trong vùng này có rất nhiều hổ báo, chưa biết phải đi tiếp thế nào, chỉ biết đóng cửa niệm Quan Âm gia bị. Đến đêm hôm đó, lúc mở cửa ra, có một vị Hòa thượng đi đến, Huyền Trang lễ bái cung kính tiếp đón, lão Hòa thượng dạy sư trì tụng kinh Bát Nhã, thế là hổ báo tự nhiên trốn mất, ma quỷ không hiện hình, sư tiến thẳng về nước Phật, thỉnh được kinh trở về. Sư đã đi qua hơn 150 nước, vào năm Trinh Quán thứ 19 (945), mùa đông, sư về đến Kinh sư Trường An.

---o0o---

9.6. Việc lao nhọc làm trước

Triều nhà Đường, ở Phần Châu, chùa Quang Nham, có pháp sư hiệu Chí Siêu, người Phùng Dục, Đồng Châu. Lúc 27 tuổi quy y và xuất gia với Thiên sư Huệ Tánh, ở chùa Khai Hóa, tỉnh Tinh Châu. Sư Chí Siêu tự thanh lọc thân tâm, oai nghi đoan chính, siêng năng làm việc phục vụ đại chúng, ngày lo hai bữa cơm ăn và những việc nhặt vặt cho hơn một trăm người xuất gia. Sư phục vụ không gián đoạn, mỗi khi gặp việc khó khăn cực nhọc sư đều làm trước. Sau đó, sư đến xây chùa Quang Nham, ở Phần Châu, ngày đêm tinh tấn tiếp dẫn hậu học, dạy dỗ mọi người. Đương thời, triều đình nghiêm cấm, nếu chưa được sự đồng ý của chính phủ thì không được tự tiện thế phát độ người xuất gia, người nào vi phạm sẽ chịu cực hình, vậy mà sư Chí Siêu không sợ, vẫn tiếp tục độ

người xuất gia như thường. Một thời người ta trốn đời đi tu, bốn phương tụ lại, nương tựa sư tu tập như nương tựa Thái Sơn.

---o0o---

9.7. Rận rệp trên người không bỏ

Triều nhà Đường, ở Úy Châu, chùa Ngũ Đài, có sư Pháp Vân, người Cao Dương. Sư ở tại chùa Mộc Qua, Ngũ Đài Sơn, một mình một bóng trong lò gạch. Áo quần cũ rách không thể tả, bọ chét và rận nháy đầy, sư mặc cho chúng hút máu, sinh sản trên người. Đã từng an cư kiết hạ trên núi, đất rận, bọ chét rất nhiều, bám trên người sư cũng không nở bỏ đi, tẩm chăn bị chúng bám vào giống như máu đông lại thành một tấm. Pháp Vân chỉ tự trách mình nghiệp chướng sâu dày, tình nguyện trả cho hết nghiệp, tuyệt đối không than vãn. Bố thí máu như vậy hơn bốn mươi năm.

Lời bình:

Không trừ rận rệp há không phải là giống như lối tu khổ hạnh của ngoại đạo sao? Không phải. Nếu như khổ hạnh là phương pháp tu tập để thành đạo thì đó quả thật là tà kiến không sai. Nhưng còn sư Vân thì khác. Sư tự trách mình và tự trả nghiệp, giống như Phật Thích Ca thuở xưa bị quả báo ăn cám ngựa, bị ám sát bằng gươm để trả nợ xưa, đâu thể nói là giống ngoại đạo được?

---o0o---

9.8. 6 năm giã gạo

Đời nhà Đường, tại Tinh Châu, chùa Nghĩa Hưng, có sư Đạo Lượng, người Loan Thành, Triệu Châu. Sư vào núi Phong Long (tức Phi Long), với 30 người bạn tu tập, mỗi ngày tụng kinh tu trì. Sư lo việc ngoài cho cộng đồng tu tập, mỗi ngày sư đi ra ngoài giã năm đấu gạo mang về, như vậy 6 năm, chưa từng mệt mỏi, gián đoạn. Sư đi chân đất ba năm, tối về nghỉ với chúng. Sau sư khai giảng Giới luật, vang danh khắp nước, thính chúng, đồ đệ khoảng 800 người.

Về sau có hơn 40 người thành giảng học sĩ.

---o0o---

9.9. Không làm không ăn

Triều nhà Đường, ở Hồng Châu, có Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải, trú trên đỉnh núi cao chót vót trăm trượng nên gọi là Bách Trượng. Sư mỗi ngày đều lao tác khổ nhọc với chúng để cung cấp sự sống cho

mình và cho Tăng chúng. Đại chúng thấy sư già yếu không nở tâm để sư lao động, khuyên sư nghỉ ngơi, sư nói: “Đức hạnh của tôi mỏng manh đâu dám lấy sức lao động của người khác để nuôi sống mình”. Đại chúng vẫn không muốn để cho sư làm, thế là đem cuốc của sư dấu kín. Bách Trượng vì vậy không ăn. Đại chúng vô phương ngăn cản, chỉ còn biết đem cuốc ra cho sư làm, nhân việc này mà có câu “Một ngày không làm thì một ngày không ăn”.

Lời bình:

Đức hạnh như Bách Trượng mà còn nói là đức hạnh mỏng manh, không dám làm nhọc người khác, hưởng gì chúng ta. Hoặc giả có người nói: Người đảm đương việc trụ trì thì phải chuyên lo hoàng pháp, lợi ích chúng sanh, mặc dù mỗi ngày tiêu phí hết tiền nghìn, sai khiến cả trăm người vẫn không can hệ gì. Trái lại, cực khổ đi làm những việc nhỏ nhặt, đây thật là không biết việc lớn, cố chấp tiểu tiết. Ôi! Đại sư Bách Trượng kiến tạo Tông lâm, lập thanh quy làm mô phạm cho ngàn vạn đời, lẽ nào ngài không biết đến những việc này? Ngài làm như vậy là muốn để cho những người xuất gia đức hạnh mỏng manh mà ham thích hưởng thụ cơm áo cảm thấy hổ thẹn!

---o0o---

9.10. Vạn dặm quyết nghị

Triều nhà Đường, ở Ích Châu, có Thiền sư Đại Tỳ Pháp Chơn.

Sư họ Vương, người Tử Châu (Tam Thai, Tứ Xuyên). Lúc trẻ xuất gia tại chùa Huệ Nghĩa (Viện Trúc Lâm, chùa Hộ Thánh), sau khi thụ giới cụ túc sư đi du phương phía nam, tham học với các ngài: Đạo Ngô Viên Trí, Vân Nham Đàm Thanh, Động Sơn Lương Giới, sau cùng nơi thiền hội Quy Sơn Linh Hựu sư khắc khổ tu luyện cho đến ngộ đạo trở thành truyền nhân tông Quy Ngưỡng. Trở về chùa Long Hoài núi San Khẩu, Thiên Bàn (Bàn huyện, Tứ Xuyên), rồi dời sang am Mộc Thiền, núi Đại Tỳ trụ trì hơn 10 năm, bóng hình không ra khỏi núi mà tiếng tăm vang ngoài xa, kẻ học đạo khắp nơi tụ hội. Vua ban hiệu “Thần Chiếu Đại Sư”.

Một hôm, có vị Tăng đến hỏi sư: “Vào kiếp hoại, thì đại thiên thế giới đều hoại, bốn tánh này hoại hay không?”

Sư đáp: Hoại!

Tăng hỏi: Đã như vậy, chơn như bốn tánh cũng tùy theo thế giới hoại mà tiêu mất đi chăng?

Sư đáp : Đúng! Tùy nó tiêu mất luôn.

Vị Tăng này hoài nghi câu nói ấy. Thế là đến khắp muôn nơi tìm thầy tham vấn, trải qua núi lớn sông sâu khắp chốn Tông Lâm, xa đến vạn dặm.

Lời bình:

Người xưa vì một chút nghi ngờ khó hiểu trong tâm trí, thì không dám tự mình phô diễn, miễn cưỡng tắc tránh qua loa cho xong mọi chuyện, mà nhất định phải hỏi cho sáng tỏ, chùng nào bùng vỡ, phải thông hết mọi nghi hoặc mới thôi, đâu kể gian khổ muôn dặm xa xôi. Chỉ vì một câu nói “tùy tha khứ” mà vị học Tăng vượt qua ngàn núi muôn sông, tất cả chỉ vì đạo lý này đây! Người xuất gia ngày nay, bảo họ đi tìm thầy học đạo, chỉ đi vài bước thì đã nhúu mày; trái lại bảo chúng đi tìm cầu danh lợi thì dù phải đi vạn dặm cũng nhanh nhẹn vui vẻ lên đường. Còn giống như Hòa thượng ở Triệu Châu 80 tuổi vẫn còn hành cước, Thiện Tài Đồng Tử trải qua trăm thành sương khói, tham học với 53 vị thiện tri thức. Hành trì gian khổ trác tuyệt như vậy, cách đây dường như rất xa, rất xa, không còn thấy những người như vậy nữa.

---o0o---

9.11. Tự tay làm việc với chúng

Triều nhà Tống, tại Đàm Châu, Thiền sư Mộ Kiết Chơn Như, ở núi Đại Qui, người Lâm Xuyên, Phủ Châu, còn có hiệu là Triết Thị Giả. Sư trú trì chùa Đại Quy Sơn, lãnh chúng hơn hai ngàn người. Sau buổi cơm trưa, nhất định đến sau giảng đường cùng với đại chúng uống trà, khai thị. Mỗi ngày, lúc công khóa giảng dạy hoàn tất nghỉ ngơi, sư đích thân đi lao động. Sư có thể sai thị giả, nhưng sư từ chối và làm công tác như mọi người, từ trước tới nay không sai sót. Mỗi đêm khi lên lễ Phật, sư xem xét chánh điện và đi đốt đèn hành lang. Nếu như một mối rã rời thì sư dùng cái chần trùn đầu lại, tại Tam thánh đường không cởi áo lót, ngủ một chút mà thôi.

---o0o---

9.12. Khiêm cung làm việc cực khổ

Triều nhà Tống, có pháp sư Tăng Tạng. Sư thấy chùa Tăng thì lễ bái, gặp Đại đức thì hành lễ. Bất cứ người xuất gia hay tại gia làm lễ sư, sư rất khiêm tốn khom lưng cúi đầu mà đi ra. Mỗi khi làm việc với đại chúng, sư đều đem thân ra làm nô bộc cho mọi người, hết sức làm việc; xem thấy áo quần cũ rách dơ bẩn bất cứ của ai, sư gom lại giặt sạch sẽ hoặc

may vá lại. Đến mùa hạ, vào mỗi tối Sư cởi áo treo lên rồi vào trong rừng đem thân bố thí máu cho các loại muỗi, ve, đĩa, ruồi vàng... hút máu. Sư thường hay niệm danh hiệu Phật A Di Đà, chưa từng gián đoạn, tinh tấn niệm Phật như vậy nếu dùng toán số cũng không tính đếm được bao nhiêu biến mà kể.

Lời bình:

Đại sư Ôn Lăng (Triều nhà Tống, ở Tuyên Châu, Thiền viện Bảo Thắng, sư hiệu Giới Hoàn, vì là người Ôn Lăng, người ta thường gọi là sư Ôn Lăng), có một câu danh ngôn: “Người xuất gia ơi! Người ta lao động cực nhọc, cuộc bầm cày sâu, còn ông thì ngồi trong mát, yên ổn mà ăn; người ta khom lưng quỳ gối lễ lạy, ông thì đứng đó thọ lễ, nếu như không thoát được vòng sống chết, thì tội lỗi này lớn quá đi!”! Tuy nhiên, có thể làm được người như lão Tăng Tạng đây thì đại khái không có vấn đề gì.

---o0o---

9.13. Khắc khổ làm việc chúng

Triều nhà Tống, tại Nam Khương, núi Vân Cư, có Thiền sư Đạo Giản. Sư họ Lô, người Ích Dương (nay là huyện Trác, tỉnh Hà Bắc), Trung Quốc. Sư nổi pháp Thiền sư Đạo Ứng, thuộc tông Tào Động đời thứ 3, trụ Vân Cư kế thừa sự nghiệp của Thầy.

Lúc sư đến tham yết Thiền sư Đạo Ứng. Thiền sư Đạo Ứng và sư đối thoại với nhau ba ngày. Đạo Ứng vô cùng khen ngợi căn khí của sư, răn dạy sư phải khắc khổ, chịu khó phục vụ đại chúng. Thế là sư xách nước, giã gạo, bửa củi, nấu cơm, lo liệu mọi việc trong chùa, có lúc cũng cùng với chúng tham thiền học đạo, đàm luận cổ kim, mọi người đều không biết sư là một vị Tăng tài xuất chúng.

---o0o---

9.14. Làm việc không từ lao nhọc

Triều nhà Tống, tại Đông Kinh, có Thiền sư Huệ Lâm Viên Chiếu Tông Bản. Sư họ Quán, tự Vô Triết, người Vô Tích (Giang Tô) Trung Quốc. Năm 19 tuổi nhập môn Thiền sư Đạo Thăng chùa Vĩnh An ở Thừa Thiên, Tô Châu, khổ tu 10 năm mới cạo tóc thụ giới cụ túc, lại siêng năng hầu hạ thêm ba năm, thường mặc áo rách, đầu mặt dơ bẩn, làm việc xách nước, giã gạo, nấu cơm cúng dường đại chúng. Tối đến sư vào thiền đường học đạo với đại chúng. Thiền sư Đạo Thăng nói với Sư: “Người khổ hạnh kia! Thầy làm việc phục vụ đại chúng thật là vất vả, khổ nhọc không biết mệt mỏi sao”? Sư trả lời: “Một người tu hành nếu bỏ mất một

việc lợi ích cho chúng sanh mà không đi làm thì không thể gọi là tâm Bồ đề viên mãn được; con nghĩ suốt cuộc đời này con chỉ làm việc này cũng không dám nói là mệt nhọc”!

Sau bái biệt Đạo Thăng, sư đến chùa Cảnh Đức ở Trì Châu (Quý Trì, An Huy) tham kiến Thiên Y Nghĩa Hoài có chỗ khế ngộ. Được Nghĩa Hoài sai đến chùa Thụy Quang ở Tô Châu khai pháp, pháp tịch ngày một thanh, đồ chúng lên đến năm trăm người. Sư dời sang chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, đạo tục ở Tô Châu lại thỉnh sư đến hai chùa Vạn Thọ, Long Hoa hoằng pháp, kẻ ngưỡng mộ hơn ngàn người. Niên hiệu Nguyên Phong thứ 5 (1082) phụng chỉ làm Tổ thứ nhất Huệ Lâm Thiền sát chùa Tướng Quốc. Vua Thần Tông triệu thỉnh đến cung Diên Hòa hỏi đạo. Đến đời vua Triết Tông ban hiệu “Viên Chiếu Thiền sư”. Niên hiệu Nguyên Hựu thứ 1 (1086) sư lấy có già cả xin về quê, khi ra khỏi đô thành, người đưa tiễn đông vô kể. Lúc chia tay sư có lời dạy bảo người nghe cảm động rơi lệ. Tuổi về chiều sư trụ chùa Linh Quang ở Bình Giang (Tô Châu) đóng cửa tu thiền. Sư giữ giới thanh tịnh, học thức rộng, giỏi văn chương. Đệ tử có Đại Thông, Thiện Ninh, Pháp Chân, Chân Ngộ v.v...

Lời bình:

Làm việc cực nhọc cho đại chúng mà vẫn không quên học vấn, đàm luận cổ kim; quản lý mọi việc trong nhà chùa mà vẫn không quên tham thiền học đạo, kham nhẫn nhiều việc khổ nhọc trác tuyệt như vậy. Người xuất gia ngày nay, nhàn rồi không làm việc gì mà vẫn tiếp nhận của cúng dường của Phật tử, còn nói: “Tôi là người chuyên tu, làm nhiều việc”. Ôi, như thế với người xưa thật sai biệt quá xa!

---o0o---

9.15. Thường hành khát thực

Thời Nam Triều, đời nhà Tống, có Thiền sư Đạo Pháp, người Đông Hoàng, chuyên tu thiền. Sau sư du học đến Tứ Xuyên, Thành Đô. Các ông Vương Hưu, Phí Giám... thỉnh sư trú trì chùa Hưng Lạc và Hương Tích. Sư dạy đạo có phương pháp, thường thực hành hạnh khát thực, nhưng không nhận thỉnh cúng một mình (biệt thỉnh), không ăn trước đại chúng. Thức ăn sau khi dùng thừa sư đem bố thí cho các loài động vật, côn trùng, chim, thú... Buổi tối sư cõi y ở trần bố thí máu cho muỗi mòng... Sau đó, có một hôm sư nhập định, ở trong định sư thấy đức Phật Di Lạc phóng hào quang chiếu soi quả báo trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ngay sau đó, sư càng tinh tấn tu hành, suốt đời

không năm. Vào đời Tống Phế Đế, niên hiệu Nguyên Huy thứ 2 (474), sư ở trong định thị tịch.

---o0o---

9.16. Hành cước

Tôi trước đây, lúc còn là một người hành cước tham học bên ngoài, thường kham chịu đói khát, bất chấp lạnh lẽo hoặc nắng nóng, trải qua vô số khổ nạn. Hiện nay may mắn có được một am tranh để ở. Tuy nhiên tôi không biết được việc tu hành, chỉ biết xấu hổ thôi. Một vị Tăng vân du sơn thủy, hành cước tham vấn đến chùa mình, thì nên đối xử với họ lễ phép, ân cần, hầu hạ cúng dường. Bản thân tôi vốn không dám thọ dụng của người ta quá đáng. Thật sự đã từng là người lưu lạc bên ngoài, cho nên đặc biệt thương xót, cảm thông những khách Tăng bên ngoài đến. Bần cùng phấn đấu mà sáng nghiệp thành công, cho nên, tuy đất cát cũng như vàng bạc phải quý trọng nó như nhau. Người xuất gia ngày nay một khi bước vào cửa Phật liền được ở chùa, viện đã xây dựng sẵn, mọi việc đều như ý, không lao tâm tổn sức, giống như người phú quý, không biết được những thống khổ trong dân gian, dù cho tài trí siêu nhân, không lo tu học, chỉ đóng cửa tự đại, giậm chân tại chỗ, lâu ngày nuôi lớn tập khí cống cao ngã mạn, tăng trưởng tập tính vô minh, như vậy tổn thất, thiệt thòi cũng không phải nhỏ!

---o0o---

9.17. Cấp tham cấp ngộ

Cư sĩ Phóng Ngưu, người Hàng Châu, họ Dư, tham học với Thiền sư Vân Môn Huệ Khai, ở Long Hưng, Hoàng Long. Vào năm Thuần Hữu (1241-1253), đời vua Tống Lý Tông, thời Nam Triều, được khai ngộ. Ông có viết một đoạn văn như vậy: “Người thông minh trên đời mới nghe qua một lần việc ‘sinh tử sự đại’ này liền dùng Tâm – Ý – Thức để lý giải, cho rằng như vậy là đã nhận thức được bốn lai, hiểu được bốn tánh, cho nên, giống như đem hình nộm mà làm người thật, chính như bài kệ của Thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm hiệu Chiêu Hiền, ở Hồ Nam đã nói:

Học đạo chi nhân bất thức chân

Chỉ vi tòng lai nhận thức thần

Vô thủy kiếp lai sinh tử bốn

Si nhân hoán tác bốn lai nhân.

Tạm dịch:

Học đạo lâu nay chẳng tỏ nguồn

Chỉ vì tâm thức nhận biết suông

Gốc rễ tử sanh vô thí kiếp

Đào lên trồng xuống vẫn in tuồng.

Và ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đại sư cũng nói: “Tổn tài pháp, giảm công đức, không có cái nào không do tâm-ý-thức này”. Cho nên, chủ đích của Thiền tông là xa lìa tâm ý thức mà tham thiền. Như trong kinh Lăng Nghiêm có nói: “Dẹp bỏ hết mọi thứ thấy nghe hay biết, bên trong giữ lấy sự vắng vẻ thanh nhàn, như pháp trần phân biệt cảnh sự”. Phải nghiên cứu tinh chuyên ý nghĩa huyền diệu cho sáng tỏ, rốt ráo giác ngộ, nếu không được như vậy thì đợi đến lúc lâm chung, hồn lìa khỏi xác mới đến xin lão Diêm vương: ‘Hãy đợi tôi một lát, để tôi thanh lọc thanh tâm, nhiếp phục vọng niệm đã rồi sau xin đi với ông!’ Muộn màng như vậy, ngàn vạn lần không được. Phải nhanh chóng tu học, sớm được khai ngộ mới tốt.

Mấy lời nói này của cư sĩ Phóng Ngưu có thể nói là cảnh tỉnh người học đạo! Nếu thực sự là người đại triệt đại ngộ thì họ sống một cuộc đời thông dong tự tại, cái gọi là ‘bát phong’ thổi không lay động, vô thường sanh tử, an nhiên tự tại, không vội vàng, không sợ hãi, hà tất phải đợi thanh lọc tâm, nhiếp phục vọng niệm, miễn cưỡng xin thoái thác ư? Cho nên, điều gọi là ‘cấp tu cấp ngộ’, chúng ta là người tu hành nên nỗ lực tìm cầu.

TỔNG LUẬN

Thánh hiền luôn răn dạy rằng: “Không nên phóng dật”. ‘Dật’ là đại giới của người quân chủ, từ xưa đều lấy sự siêng năng, ân cần mà hưng quốc, do phóng dật mà mất nước. Chương “vô dật” trong Kinh thư, là do ông Chu Công lo lắng Chu Thành Vương mới lâm chính phóng dật mà soạn ra. Nhà Phật cũng nói một câu răn giới như vậy: “Cẩn thận chớ có buông lung”. Cho nên, người cầu pháp phải vì pháp mà quên đi thân mình, người vì lợi ích chúng sanh phải vì chúng sanh mà quên đi bản ngã của mình. Người xuất gia trẻ ngày nay, mười ngón tay không đụng đến một giọt nước (ý nói không làm gì cả), không quan tâm đến bất cứ việc gì, bảo nó rửa bát, nó nói: ‘đau tay’; bảo nó cầm chổi quét nhà, nó nói: ‘đau lưng’; bảo nó sớm tối siêng năng tu học, nó nói: ‘Thân tôi nhiều bệnh quá, không có cách gì để hành trì tu tập được’. Có lúc mới dạy nó vài câu,

nó lại nói: “A, Ngài không biết kẻ ngu thì dùng sức, kẻ trí thì dùng tâm, người ngu thì tu phước, người trí thì tu huệ sao”? Ôi trời! Nếu như vậy thì không những tôn giả Ca-diếp tu khổ hạnh là người ngu, Lục Tổ già gạo, bồ củi cũng là người ngu, mà ngay cả Phật đà không bỏ mặc các Tỷ-kheo mất yếu giúp họ may vá y áo há không phải cũng là người ngu sao!?

---o0o---

CHƯƠNG 10 - CẢM ỨNG

10.1. Tinh thần cảm giới

Đời Tấn, có sư Đạo Tiến, người Trương Dịch.

Đạo Tiến đến đánh lễ luật sư Đàm Vô Sấm xin thọ giới Bồ tát, luật sư Sấm không nhận lời, bảo Sư trở về sám hối 7 ngày rồi trở lại. Đạo Tiến trở về chí thành đánh lễ sám hối 7 ngày đêm. Đến ngày thứ 8, sư lại đến luật sư Sấm cầu giới, luật sư Sấm lại giận không chịu nhận lời. Sư trở về đánh lễ sám hối ròng rã trải quaba năm. Một hôm, sư mộng thấy Phật Thích Ca đích thân truyền giới cho. Sáng ra, sư đi đến yết bái luật sư Sấm, định kể lại giấc mộng hồi đêm của mình. Nhưng đi chưa đến nơi, từ xa, luật sư Sấm đã ra đón và nói: “Thầy đã được giới rồi!” Từ đó về sau, đạo tục khắp nơi đến thọ giới với sư, người đắc giới có hơn ngàn người.

---o0o---

10.2. Sám hối được diệu âm

Triều nhà Tấn, ở Trung Sơn Bạch, có sư hiệu Pháp Kiêu. Lúc tuổi còn nhỏ sư thích tụng kinh, nhưng âm thanh không được rõ ràng trong sáng. Thế là sư tuyệt thực sám hối bảy ngày đêm, mỗi ngày đánh lễ Bồ tát Quán Thế Âm, cầu xin Ngài cho quả báo được âm thanh trong sáng rõ ràng trong đời này. Các bạn đồng tu đều khuyên sư không nên như vậy, sư không nghe, một lòng chí thành sám hối, đến ngày thứ 7, sư cảm thấy trong cổ rỗng rang, khai thoáng, muốn uống nước. Uống nước rồi bỗng nhiên âm thanh giọng nói của sư trở nên trong trẻo, rõ ràng. Từ đó về sau, những lúc sư tụng kinh, người ở xa một dặm vẫn nghe được âm thanh vi diệu.

---o0o---

10.3. Nguyện ngồi toà sư tử

Thời Nam Triều, đời Lưu Tống, ở Kinh sư, chùa Long Quang, có pháp sư hiệu Trúc Đạo Sinh.

Sư họ Ngụy, người làng Cự Lộc (huyện Bình, Hà Bắc), ngụ cư ở Bành Thành (Chung Sơn, Giang Tô). Sư hầu Trúc Pháp Thái, nên đổi sang họ Trúc. 15 tuổi đã đăng tòa giảng kinh, vậy mà không một danh sĩ túc học nào có thể phản biện được. 20 tuổi thọ giới cụ túc, giảng kinh thuyết pháp tiếng đồn khắp thiên hạ. Lúc đầu trú tại chùa Long Quang, Kiến Nghiệp, sau vào Lô Sơn U Thê 7 năm, theo hầu Huệ Viễn, nghiên cứu kinh luận. Rồi đến Trường

An thọ giáo Cưu-ma-la-thập, được tôn là một trong Tứ kiệt của môn hạ La-thập. Niên hiệu Nghĩa Hy thứ 5 (409), sư trở về Kiến Nghiệp, chủ trương thuyết “Siển đề thành Phật”, “Đốn ngộ thành Phật”. Học giả các giới cực lực phản đối, bài xích các bài giảng kinh Niết Bàn của sư. Vì lúc đó chỉ có Đàm Vô Sấm ở Bắc Lương dịch Đại Bát Niết Bàn kinh, 40 quyển, còn ở Lưu Tống chưa có ai biết kinh này. Thời gian sau mới có các pháp sư Huệ Nghiêm... ở Lưu Tống dịch Đại Bát Niết Bàn, 36 quyển, và bản dịch của Đàm Vô Sấm cũng lưu truyền đến nơi. Cho nên, bấy giờ học giả các giới đều cho rằng lời nói của Trúc Đạo Sinh là tà thuyết, và phê bình sư. Sư liền ở giữa đại chúng phát thệ nguyện rằng: “Nếu như những lời tôi vừa nói không hợp với nghĩa lý kinh điển, kiếp này cam chịu ác báo; nếu như những lời tôi nói đều khế hợp với tâm ý của Phật, chỉ xin nguyện đến lúc lâm chung, được ngồi trên tòa sư tử thuyết pháp mà xả báo thân”!

Thế rồi sư đến núi Hồ Châu, quận Ngô, xếp đá vây quanh làm đồ đệ, ngồi giảng kinh Niết Bàn. Khi giảng đến đoạn “Siển đề cũng có Phật tánh”, sư hỏi: “Ta nói như vậy có hợp với tâm Phật không”? Các tăng đá đều gật đầu. Không bao lâu, đại bản kinh Niết Bàn được truyền sang Nam kinh, quả nhiên trong kinh có nói ‘Siển đề có Phật tánh’.

Sau đó, sư về Tịnh xá ở Lô Sơn giảng kinh Niết Bàn. Vừa giảng xong, đại chúng hốt nhiên phát hiện cây phất trần trong tay sư rơi xuống đất, sư đã ngồi ngay thẳng trên pháp tòa, giữ nguyên sắc mặt mà viên tịch. Năm đó nhằm niên hiệu Nguyên Gia thứ 11, nhà Tống, thế thọ 80.

Lời bình:

Ngôn luận của Thánh Nhân có nhiều khi văn từ không đủ nhưng ý nghĩa thì đầy đủ, rõ ràng; giống như kinh Niết Bàn nói “Siển đề có Phật tánh” là một trường hợp cá biệt. Việc gì phải đợi đến khi đại bản kinh Niết Bàn đến nơi? Người thông đạt giáo lý thì dung hội quán thông, kẻ ngu si thì cố chấp nơi ý nghĩa câu văn bên ngoài, không chỉ một trường hợp siển đề có Phật tánh mà thôi, trong kinh Phật có rất nhiều trường hợp

như vậy. Và, chánh tri kiến của Trúc Đạo Sinh không hề xao động, kiên cố như kim cương, đến lúc lâm chung, quả nhiên như lời thệ nguyện, ngòi tòa sư tử thuyết pháp, cao minh chiếu soi kim cổ, thật là vĩ đại.

---o0o---

10.4. Thay đầu trong mộng

Thời Nam triều, đời Lưu Tống, tại Kinh sư, chùa Trung Hưng, có pháp sư Cầu-na-bạt-đa-la (Guṇabhadra), người Trung Ấn Độ. Sư tùy duyên vân du hóa độ chúng sanh, đến kinh đô nhà Tống. Sau đó, thừa tướng Nam Tiểu Vương, trấn thủ ở Kinh Châu, mời sư đi đến Kinh Châu an nghỉ ở Chùa Hạnh. Tiểu Vương muốn thỉnh sư giảng kinh Hoa Nghiêm, nhưng sư tự lượng sức mình không thông thạo tiếng Trung Hoa lắm, nên không dám đảm nhận. Sau đó, sư ngày đêm lễ Phật sám hối, cầu nguyện Bồ tát Quán Thế Âm gia bị. Một đêm, bỗng nhiên sư mộng thấy có một người bạch y, một tay cầm kiếm, một tay cầm một chiếc đầu người đi đến, hỏi sư rằng: “Thầy có việc gì lo buồn?”. Sư kể lại toàn bộ sự việc và tâm nguyện của mình cho vị ấy nghe. Người ấy nghe xong bèn dùng kiếm cắt đầu sư và thay vào đó một cái đầu mới. Sư kinh hồn tỉnh mộng, bỗng thông hiểu ngôn ngữ âm nghĩa tiếng Trung Hoa. Thế là sư khai giảng các kinh, hoằng dương Phật pháp rất lớn.

---o0o---

10.5. Sám hối về tội phá giới

Thời Nam triều, nước Tề (479-502), tại chùa Bảo Minh, có sư Tăng Vân. Sư Tăng Vân trú trì chùa Bảo Minh, nổi tiếng giảng kinh thuyết pháp.

Có một lần, vào ngày rằm tháng tư, chúng Tăng kết giới an cư, lúc sắp tụng giới, sư nói với đại chúng: “Giới luật mỗi người đều phải đọc tụng, hà tất phải tụng nhiều lần? Có thể gọi một người lên diễn dịch để cho người sau hiểu được ý nghĩa của giới luật thì tốt hơn”. Đại chúng không ai dám phản đối, thế là không tụng giới nữa.

Đến ngày rằm tháng bảy, giải hạ tự tứ, chúng Tăng vân tập nhưng không thấy sư Vân ở đâu cả, mọi người tứ tán đi tìm. Cuối cùng tìm thấy sư trong một cổ mộ cách chùa ba dặm, trên người sư máu me đầm đìa, hỏi nguyên do vì sao, sư nói: “Có một người rất khoẻ mạnh và hung dữ, tay cầm đao lớn đến chỉ vào mặt tôi mà nói rằng: ‘Tăng Vân! Ông là người gì? Tại sao dám bỏ lời Phật chế mỗi nửa tháng tụng giới một lần, dám tự

tác lập nghĩa khác? Nói xong dùng dao chém vào người tôi, đau đớn không thể tả”.

Đại chúng khiêng sư về chùa. Từ đó trở đi, sư bắt đầu chí thành sám hối, trải qua 10 năm, chí tâm thành kính, y theo quy tắc nửa tháng tụng giới một lần, chưa từng gián đoạn. Đến ngày lâm chung, có mùi hương lạ bay khắp, sư vui vẻ vãng sinh. Người đời bấy giờ khen ngợi sư là người hiện đời có phạm giới nhỏ nhưng mà biết ăn năn hối cải lỗi lầm.

Lời bình:

Ngày nay tôn sùng kinh luận mà xem thường giới luật, từ hai ngàn năm đến nay không có một Chùa nào nửa tháng tụng giới một lần. Tôi không tự lượng sức mình, Chùa ở trong núi, phục hưng giới luật bị mất mát, bỏ quên này, lại có nhiều người không tin. Ôi! Nhân quả báo ứng rõ ràng hiển hiện, từ sư Tăng Vân có thể chứng minh, hy vọng người xem đến chương này nên suy nghĩ nhiều lần.

---o0o---

10.6. Bệnh tật được khỏi

Thời Nam Triều, nước Tề, tại Lương Châu, chùa Tiết, có pháp sư Tăng Viễn, trú trì chùa Lương Châu Tiết.

Sư Tiết không đoái hoài gì đến oai nghi tế hạnh, cứ vui vẻ với người thế tục uống rượu ăn thịt, buông lung không tiết độ. Một hôm, sư mộng thấy một vị thiên thần giận dữ mắng sư rằng: “Ông là người xuất gia mà cứ làm xằng làm bậy như vậy, tại sao không lấy gương tự soi lại mình”? Sáng hôm sau thức dậy, sư lấy thau nước tự soi thấy trong nước hình ảnh của mình trên vành mắt có vết đen, cho rằng là bị dơ, lấy tay rửa, thì lông mày theo tay rụng hết xuống đất. Trong một lúc tỉnh hồn, sư nhận lỗi về mình và tự nhận trách nhiệm, tha thiết sửa đổi lỗi lầm trước đây. Sư mặc áo cũ, đi giày rách, ngày ăn một bữa gạo, không ăn thịt cá, sớm hôm lễ Phật sám hối, tha thiết chí thành, trải qua nhiều năm. Một hôm, sư mộng thấy vị thiên thần lần trước đến mỉm cười nói với sư: “Biết lỗi sám hối có thể nói đó là người có trí tuệ, bây giờ đương nhiên ta tha thứ cho ngươi!”. Sư kinh hãi tỉnh mộng, mình toát mồ hôi. Nhưng cảm nhận trên mặt sáng láng và lông mày cũng từ từ mọc ra trở lại. Viễn đại sư hai lần thấy ác, thiện báo, thâm tín nhân quả ba đời, không một chút nghi hoặc, từ đó trở đi khẩn thiết phụng hành Phật pháp, không còn thối lui, cuối cùng trở thành danh Tăng đại đức.

---o0o---

10.7. Cần khổ tu hành được chứng ngộ

Thời Nam triều, nước Lương, ở Dương đô, chùa Linh Cơ, có pháp sư Đạo Siêu, tục tánh Lục, người Ngô đô. Sư thấy pháp sư Mân học vấn giải nghĩa hải nội vô song, trong lòng rất ngưỡng mộ, muốn được học hỏi giống như Ngài. Thế là sư hăm hở dụng công, quên ăn quên ngủ, hết ngày đến đêm. Một hôm, sư mộng thấy có người nói với Sư: “Pháp sư Mân vào thời quá khứ, thuở đức Phật Tỳ Bà Thi đã có thể giảng kinh thuyết pháp. Còn thầy mới học Phật tu hành, làm sao bằng Ngài được? Nhưng chỉ cần nỗ lực dụng công, cho dù không được theo căn khí của mình nhưng cũng có chỗ giải ngộ và thành tựu”. Thế là sư càng tinh tấn, khắc khổ, chịu khó, dụng công tu hành, không lâu sau sư đại ngộ.

---o0o---

10.8. Lễ Phật sám hối kéo dài tuổi thọ

Thời Nam triều, nước Lương, ở Dương Đô, chùa Tuyên Vũ, có sư Pháp Sủng.

Sư họ Phùng, người Nam Dương. 18 tuổi xuất gia. Lúc đầu ở chùa Quang Hưng, sau ở chùa Hưng Hoàng. Cùng học Thành Thật luận với Đạo Mãn, Đàm Tế, rồi theo Tăng Chu chùa Trường Lạc học Tỳ-đàm, theo Đàm Bân chùa Trang Nghiêm học các kinh. Môn nào của thâm được lẽ diệu. Được Văn Tuyên Vương nhà Tề ngưỡng mộ. Năm 38 tuổi, sư gặp đạo nhân Pháp Nguyên ở am Chính Thắng, ông này tinh thông tướng số, nói với sư rằng: “Thầy chỉ thọ đến 40, không thể trốn thoát. Nhưng nếu thành khẩn lễ Phật sám hối những tội lỗi trước đây thì có thể hy vọng sống thêm được ít lâu. Đây là cách duy nhất”. Sư Pháp Sủng lấy gương soi mặt quả nhiên phát hiện trên mặt có hắc khí. Thế là sư về lại chùa Quang Hưng lễ Phật sám hối, dứt bỏ hết mọi việc, suốt ngày quên ăn uống ngủ nghỉ, tối đến không cởi y áo, chỉ tạm nghỉ chốc lát, rồi tiếp tục hành trì. Đến năm 40 tuổi, tối hôm năm tuổi, sư cảm thấy hai tai sưng lên rất đau, sư càng thêm sợ hãi, suốt tối hôm đó lễ Phật sám hối đến canh tư, đột nhiên nghe ngoài cửa có người nói: “Nghịch báo phải chết của thầy đã hết”, sư vội vàng mở cửa ra xem, bốn bề đều lặng lẽ, không thấy thứ gì. Sáng ra hắc khí trên mặt sư hoàn toàn tiêu sạch, hai tai sinh ra một khúc xương. Từ đó về sau, sư trải qua trụ trì các chùa Đạo Lâm, Kiến Khương Thiên Bảo. Niên hiệu Thiên Giám thứ 7 (508), vua ban trụ trì chùa Tuyên Vũ. Lương Vũ Đế lễ kính sư, tôn xưng sư là Thượng tọa chứ không gọi thẳng tên hiệu. Niên hiệu Phổ Thông năm thứ 5, sư thị tịch, thọ 74 tuổi.

---o0o---

10.9. Tụng kinh kéo dài tuổi thọ

Thời Nam triều, nhà Lương, ở Chung Sơn, chùa Khai Thiện, có sư Trí Tạng (458 ~ 522).

Sư họ Cố, người Ngô Quận (Giang Tô, huyện Ngô ngày nay). Sư vốn có tên là Tịnh Tạng. Tuổi nhỏ chứng tỏ thiên tư thông minh, tánh tình khiêm hòa. 16 tuổi xuất gia. Niên hiệu Thái Thủy thứ 6 (470 t.l), vua sắc trụ trì chùa Hưng Hoàng. Sư liên kết với Tăng Viễn, Tăng Hữu ở chùa Định Lâm, cùng với Hoằng Tông ở chùa Thiên An, theo hai sư Tăng Nhu và Tuệ Thứ cầu học, tinh thông kinh luận và giới luật. Thái tổ Văn Tuyên Vương thiệu long Phật giáo, đem giảng Tịnh Danh kinh, triệu tập tăng chúng tinh thông kinh luận có hơn 20 người. Sư tuổi còn nhỏ, phải ngồi ở cuối cùng, nhưng đến phiên giảng, sư phô bày nghĩa lý, không một ai theo kịp. Bấy giờ Lương Vũ Đế lãnh thọ sùng tín, sắc sư trụ trì chùa Khai Thiện. Năm 29 tuổi, nghe thầy tướng số nói sư chỉ sống đến 31 tuổi, bèn thôi giảng giải, chuyên tâm tu đạo, phát đại thệ nguyện không ra khỏi cửa chùa. Từ đó, ngày đêm sư trì tụng kinh Kim Cang Bát Nhã. Đến năm 31 tuổi, sư lấy nước thơm tắm gội thân thể, lên điện tụng kinh chờ chết.

Bỗng nghe trong không trung có tiếng nói rằng: “Bởi thần lực của kinh Bát Nhã, khiến cho tuổi thọ của ngài tăng gấp đôi”.

Từ đó, vùng Giang tả, đạo tục đua nhau tụng kinh Bát Nhã, tất cả đều có cảm ứng vi diệu. Vũ Đế từng nghĩ cho bạch y làm Tăng chính, theo giới luật mà lập pháp, chỉnh trị Tăng kỷ, không người nào dám kháng chỉ. Sư bèn thượng thư can gián: Phật pháp như biển lớn, người thế tục làm sao có khả năng đảm đương và biết hết được? Rồi cùng vấn đáp với Hoàng đế. Để bội phục nghĩa lý, việc ấy mới dừng.

Về sau, sư phụng sắc giảng Thành Thật luận ở chùa Bành Thành, giảng kinh Bát Nhã ở Tuệ Luân Điện. Cuối đời, sư trụ ở chùa Khai Thiện. Lúc Võ Đế thọ giới Bồ tát, thỉnh sư làm giới sư. Hoàng thái tử cũng rất kính trọng sư, từng thân lâm đến pháp tịch, nghe sư giảng kinh Đại Niết Bàn. Tháng 9, niên hiệu Phổ Thông thứ 3, sư thị tịch, thế thọ 65.

Lời bình:

Tuổi thọ dài ngắn tuy là vận mệnh của mỗi người, nhưng lẽ Phật sám hối, tụng kinh có thể kéo thêm tuổi thọ, như thế sống chết do số mệnh đời trước có thể thay đổi. Thí như vào triều nhà Đường, ông Tấn Quốc Công Bùi Độ, mới đầu thầy bói tướng nói ông ta đã hết mạng, sẽ chết đói. Một hôm ông đi chơi ở chùa Hương Sơn, gặp một thiếu nữ cha bị phán

tội oan; cô này đi xin mọi người cho mượn ba viên ngọc, một sừng tê giác, để hối lộ quan lớn cứu cha. Lúc cô ta đến trước tượng Phật lễ bái, để các vật đó ở ngoài hiên, rồi quên mất và bỏ đi. Bùi Độ tìm kiếm cô ta để trả lại, cuối cùng ông ta cứu được một mạng người. Sau đó gặp lại vị thầy bói tướng, ông ta nói: “Số mạng của ngài đã thay đổi, nhất định ngài đã làm một việc gì đó tích âm đức, cho nên đoán mạng đã tiêu mất, ngược lại tương lai còn muôn dặm”. Lại giống như vào triều nhà Tống, có ông Tống Tường (tức Tống Giao), người Ung Khâu, cùng với em là Tống Kỳ, đồng đỗ tiến sĩ, người đời gọi là Đại Tống, Tiểu Tống. Một hôm, một vị Hồ Tăng hỏi Đại Tống rằng: “Thần phong của ngài tôn quý đến vậy, như có thể cứu sống hàng vạn mạng người, rốt cuộc vì nguyên nhân nào đột nhiên hiện tướng mạo tôn quý này”? Tống Tường suy nghĩ một lát rồi nói: “A, dưới mái hiên nhà tôi có một hang kiến càng, vì gió lớn mưa to ngập hết, tôi chơi trò bắc cầu tre cho kiến bò qua khiến chúng khỏi chết ngộp”! Hồ Tăng nói: “Thì ra là do công đức này”.

Xem hai chuyện trên đây, sức người đời có thể hóa đổi được thiên mệnh hưởng chi sức mạnh công đức bất khả tư nghì của Tam Bảo? Chỉ sợ rằng không thành kính lễ Phật sám hối giống như hai vị pháp sư Pháp Sùng và Trí Tạng mà thôi! Nếu như là, lúc tụng kinh thì tụng vài tiếng giống như thổi cái loa nhỏ, ỏn à ỏn ẻn, không chú trọng vào lời kinh để tu quán hoặc do nơi văn kinh mà vào lý; còn lúc lễ sám thì chỉ giống như người giã gạo, trước sau đụng đầu vài cái, căn bản là không có một chút xấu hổ, tâm quý và tâm chí thành sám hối. Tụng kinh sám hối như vậy lại trách vì sao Phật, Bồ tát không có linh ứng!

---o0o---

10.10. Đóng chuông cứu khổ

Triều nhà Tùy, ở Kinh sư, chùa Đại Trang Nghiêm, có Pháp sư Trí Hưng, giữ chức vụ đóng chuông ở trong chùa.

Vào niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (604), đời vua Tùy Giản Đế. Hoàng đế đến Giang Nam, nửa đường bị bệnh rồi băng hà, tin dữ này không đưa về kinh. Hoàng Hậu mộng thấy trượng phu nói với bà: “Ta đến Bành Thành, không may bệnh chết, sau khi chết bị đọa trong địa ngục, rất đau khổ, may nhờ tiếng chuông chùa Trang Nghiêm, âm thanh chấn động địa ngục, mới có thể vui bớt đau khổ và được giải thoát. Muốn báo đáp ân đức này thì nên đem 10 thếp tơ lụa tặng cho pháp sư Trí Hưng.”

Hoàng hậu đem 10 thếp vải dâng cúng pháp sư Trí Hưng. Sư khiêm tốn tự cho mình không đủ đức độ, đem phân phát hết cho mọi người. Đại chúng hỏi sư đánh chuông vì sao có cảm ứng lớn như vậy? Sư trả lời: “Tôi đánh chuông, lúc khai chuông tôi nguyện ‘Nguyện chư thánh hiền đồng vào đạo tràng’, rồi đánh ba tiếng; trong suốt thời gian đóng chuông, tôi nhất tâm niệm Phật, và trước khi đánh lên một tiếng, lại nguyện cho hết thấy chúng sanh trong ác thú nghe tiếng chuông của tôi đều được thoát khỏi khổ não”.

Mùa đông giá rét, tay cầm dùi chuông da thịt đều nứt ra, máu chảy đọng lại trong lòng tay, nhưng sư vẫn không từ gian khổ làm việc này.

---o0o---

10.11. Thiên thần bảo vệ

Triều nhà Đường, tại Kinh Triệu, chùa Tây Minh, có luật sư Đạo Tuyên. Sư họ Tiễn. Lúc đầu Sư cùng học luật với sư phụ, mới học qua một lần, liền muốn hành cước tham phương học đạo, sư phụ ngài nói: “Đi xa phải từ gần, tự biết khiêm tốn không đủ, thọ-trì-trí-xả phải hợp thời, trình độ luật học của thầy còn chưa đủ lại muốn bỏ luật học thiền”. Cưỡng chế sư đến mười lần. Sau đó, sư trì giới luật rất tinh thâm, nghiêm khắc, trên đời ít có.

Một hôm, lúc nửa đêm sư đi thiền hành tại chùa Tây Minh, vấp phải đồng đá bị té nhào, đột nhiên có một vị thiên thần mặc áo giáp đỡ sư dậy. Sư hỏi vị ấy là thần gì? Thần đáp: “Tôi là Trương Tử Quỳnh, con của Bát-xoa Thiên vương (Côn Lưu Bát Xoa, tức Tây phương Quảng Mục Thiên Vương) nhân vì thấy đại sư giới luật đức hạnh cao siêu cho nên một lòng hộ vệ ngài”. Tuyên đại sư liền hỏi ông ta tình hình lúc Phật còn tại thế, thần nhất nhất giải đáp rõ ràng, và tặng cho sư chiếc răng của Phật, dùng để làm tin. Tuyên đại sư ở rất lâu tại Chung Nam, hoằng dương giới luật, cho nên có hiệu là Nam Sơn luật tông giáo chủ, sau khi vãng sanh, vua truy phong Trùng Chiếu luật sư.

Lời bình:

Nghĩa lý của giới luật không phải là rất huyền ảo, Tuyên luật sư cũng không phải là người độn căn trí, vì sao phải giảng lui giảng tới nhiều lần? Bởi vì giới là gốc rễ căn bản của sự tu tập, vì để cho nó thâm nhập vào xương tủy, nghiền ngẫm lâu ngày trở nên kiên cố không quên. Hiện tại người thọ giới, sau khi thọ một lần thì đã bỏ qua một bên, còn không hiểu ý nghĩa sơ lược của giới luật, càng không thể có chuyện sư phụ

giảng nhiều lần, đệ tử nghe nhiều lần, nghiên cứu thâm nhập như vậy. Tôi nhân đây biết rằng sư phụ của ngài Đạo Tuyên không phải là người bình thường, và đệ tử của ngài đào tạo ra đều là những bậc đại đức, đại hiền, cũng là từ đó!

---o0o---

10.12. Cảm thấy tịnh độ

Triều nhà Đường, tại Lạc Dương, chùa Võng Cực, có pháp sư Tuệ Nhật (680 ~ 748).

Sư họ Tân, người Sơn Đông. Thuở nhỏ, sư thấy ngài Nghĩa Tịnh từ Ấn Độ trở về, trong lòng cảm phục, bèn lập thệ nguyện du học Ấn Độ. Năm 702, sư đáp thuyền từ Côn Lôn (nay là quần đảo Khương Đạo Nhĩ) đi Phật Thệ (nay là Tô Môn Đáp Lạp), đến Sư Tử Châu (nay là Tư Lý Lan Tạt)... 3 năm sau mới đến được Ấn Độ. Sư đi chiêm bái và đánh lễ Thánh tích, tìm học kinh văn tiếng Phạn, tham vấn chư vị thiện tri thức, trải qua thời gian 13 năm.

Sư độc ảnh cô chinh, đường xa vạn dặm, tìm đến Tuyết Lãnh, trải qua bao gian khổ, thấm thía cuộc thế Ta-bà đa sầu nhiều não, sanh tâm nhàm chán, bèn tìm phương pháp tu tập cầu sanh cõi Phật. Hỏi khắp chư vị học giả Tam tạng ở Ấn Độ, họ đều tán thán Tịnh độ. Sau đó, sư đến bắc Ấn Độ, nước Kiền-đà-la. Phía đông bắc vương thành này có một ngọn núi, trên núi có tượng Bồ tát Quán Thế Âm. Sư đến đánh lễ Thánh tượng, đoạn thực, quyết lòng bỏ mạng lễ bái. Đến 7 ngày sau, đêm sư mộng thấy Bồ tát Quán Âm hiện thân sắc vàng, lấy tay thoa đầu khai thị: “Con muốn hoằng pháp tự lợi, lợi tha, phải niệm danh hiệu Phật A Di Đà ở thế giới Tây phương cực lạc, cần phải biết rằng pháp môn Tịnh độ hơn hẳn các pháp môn khác”. Nói xong biến mất.

Sư đi qua hơn 70 quốc gia, hết 18 năm. Niên hiệu Khai Nguyên thứ 7 (719 tl), sư trở về Trường An, mang theo tượng Phật và kinh điển. Huyền Tông liền sắc tứ hiệu “Tam Tạng Từ Mẫn”. Sư nỗ lực tu trì pháp môn niệm Phật, hoằng dương giáo nghĩa Tịnh độ tông. Sáng tác “Vãng sanh Tịnh độ tập” 3 quyển, Ban chu tam-muội tán... Niên hiệu Thiên bảo thứ 7, sư nhập tịch ở chùa Võng Cực, Lạc Dương, thế thọ 69 tuổi.

Lời bình:

Đại sư Tuệ Nhật tại nước Kiền-đà, lòng chí thành đã cảm ứng Bồ tát Quán Thế Âm hiện thân. Vào triều nhà Đường, tại Ngũ Đài Sơn, chùa Trúc Lâm, pháp sư Pháp Chiếu (tổ thứ 4 tông Tịnh độ), siêng năng cần

mẫn tu tập đã cảm ứng đến hai vị Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền hiển hiện trên Ngũ Đài Sơn¹². Hai sự kiện này đại lược tương đồng và đều là do lòng chí thành khẩn thiết mà sau có cảm ứng, không có gì nghi ngờ. Sự cảm ứng của Tịnh độ không chỉ một người có, đầy đủ đã ghi trong Vãng sanh tập, ở đây không tiện ghi ra.

---o0o---

10.13. Nước cam lồ rót vào miệng

Vào thời Ngũ Đại, tại Tiền Đường, chùa Vĩnh Minh, có Thiền sư Diên Thọ. Sư họ Vương, tự Trọng Huyền, hiệu Bao Nhất Tự, người làng Dư Hàng, phủ Lâm An (huyện Hàng, Triết Giang).

Lúc chưa xuất gia sư làm quan phát lương cho quân lính, dùng tiền của quân đội mua vật phóng sanh, tội đáng bị xử tử, nhưng vua Ngô Việt Văn Mục Vương đặc xá cho sư.

30 tuổi xuất gia với Thiền sư Thúy Nghiêm Linh Tham ở chùa Long Sách. Sau trụ ở núi Thiên Thai, tham yết Đức Thiệu quốc sư. Lúc đầu tập thiền định, được huyền chỉ. Sau đến chùa Quốc Thanh thực hành pháp sám hối Pháp Hoa, có được cảm ngộ, thể là sáng phóng sanh các loại sinh vật, tối bố thí thức ăn cho quỷ thần, chuyên tụng kinh Pháp Hoa, lại siêng tu tịnh nghiệp niệm Phật. Một đêm nọ, sư mộng thấy Bồ tát Quán Thế Âm dùng nước cam lồ rót vào trong miệng sư, từ đó trở đi sư biện tài vô ngại.

Sau sư đến trụ tại Minh Châu Tuyết Đậu truyền pháp, pháp tịch rất thanh, lại phục hưng chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu. Năm 961, đáp lời thỉnh cầu của Ngô Việt Vương Tiễn Thục, sư đến đạo tràng Vĩnh Minh

¹² Đại sư Chiêu được hai vị Thiện Tài và A Nan dẫn vào cửa chùa, trước chùa có một cái bảng lớn bằng vàng, ghi : “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”, khuôn viên chùa rộng 20 lý, 120 viện, đều có bảo tháp trang nghiêm, tất cả đều bằng vàng, suối, hồ, hoa, cây cối đều tốt tươi. Đại sư Chiêu vào đến trong giảng đường, thấy Bồ tát Văn Thù ở phía tây, Bồ tát Phổ Hiền ở phía đông, đều ngồi toà sư tử thuyết pháp, tất cả đều nghe được. Đứng hầu hai bên Bồ tát Văn Thù có hơn một vạn Bồ tát; Bồ tát Phổ Hiền cũng có vô số Bồ tát vây quanh. Đại sư Chiêu đến trước hai vị Bồ tát đánh lễ nói: “Thời kỳ mạt pháp chúng sanh phạm phu cách thánh thời xa, tri thức nông cạn, nghiệp chướng sâu dày, Phật tánh do đó không hiển hiện; Biện pháp pháp mênh mông, không biết tu hành pháp môn gì là tốt nhất? Xin nguyện đại thánh vì con đoạn trừ nghi hoặc này”. Bồ tát Văn Thù trả lời: “Con nay niệm Phật chính là phải lúc, tất cả các pháp môn tu hành không có pháp môn nào hơn niệm Phật, cúng dường Tam Bảo phước huệ song tu. Hai pháp môn này là tối thắng hơn hết. Vì sao? Ta ở trong kiếp quá khứ nhân tu quán niệm Phật, và cúng dường cho nên ngày nay được nhất thiết chủng trí. Vì thế, hết thấy các pháp Bát Nhã Ba La Mật, thiền định thậm thâm, cho đến chư Phật, đều từ niệm Phật mà sanh. Cho nên phải biết rằng niệm Phật là vua của tất cả các pháp, con phải nên thường niệm vô thượng pháp môn này, khiến cho không dừng nghỉ”. Đại sư Chiêu lại hỏi: “Phải niệm như thế nào”? Bồ tát Văn Thù nói: “Ở thế giới phương tây có đức Phật A Di Đà, đức Phật đó có nguyện lực không thể nghĩ bàn, con phải liên tục niệm danh hiệu của ngài khiến cho không gián đoạn, sau khi mạng chung nhất định được vãng sanh, vĩnh viễn không thối chuyển. Nếu thiện nam tín nữ v.v... Muốn nhanh chóng thành Phật thì nên niệm Phật không gián đoạn, chắc chắn nhanh chóng chứng quả vô thượng bồ đề.”

tiếp hóa đại chúng. Sư chủ xưởng Thiền Tịnh xong tu, lấy tâm làm tông, tứ chúng khâm phục. Trụ ở Vĩnh Minh 15 năm, bấy giờ đại chúng tôn hiệu “Từ Thị hạ sanh”.

Niên hiệu Khai Bảo thứ 8, sư thị tịch, thế thọ 72. Đế ban hiệu “Trí Giác Thiền sư”.

---o0o---

10.14. Sám hối được thọ ký

Triều nhà Đường, tại Lộ Châu, chùa Pháp Trú, có Thiền sư Đàm Vinh. Mỗi năm vào mùa xuân và mùa hạ, sư giảng kinh luận giáo; vào mùa thu và mùa đông, sư tĩnh tọa tham thiền. Sư từng đến chùa Diên Thánh, ở Hương Huyện, Hàn Châu, lập pháp sám hối, Thứ sử Phong Đồng Nhân tặng 3 viên xá lợi, Pháp sư Vinh nói với đại chúng: “Công đức của xá lợi biến hóa khó lường, nếu có lòng thần khẩn muốn tiêu trừ tội chướng và cầu nguyện có thể xin được nhiều viên”. Thế là mọi người lấy một bát nước đặt trước 3 viên xá lợi và đốt một lò hương, suốt đêm cầu nguyện đến sáng hôm sau thu hoặc hơn 400 viên xá lợi. Vào niên hiệu Trinh Quán thứ 7, các ông Thanh Tín, Sĩ Thường, Ngưng Bảo v.v... mời đại sư Vinh ở chùa Pháp Trú thực hành pháp Sám hối Phương Đẳng (đại sư Thiên Thai nương theo kinh Đại Phương Đẳng Đà La Ni sáng tác ra, có Phương Đẳng Tam muội Hành Pháp 1 quyển. Phương Đẳng Tam muội và Pháp Hoa Tam muội đều là bán hành bán tọa, là một trong bốn loại Tam muội. Thực hành Phương Đẳng Tam muội để sám hối tội chướng của 6 căn). Chùa Pháp Trú có một vị Hòa thượng tên là Tăng Định, giới hạnh tinh nghiêm, thấy trên đạo tràng có đại hào quang, trong hào quang có 7 vị Phật quá khứ, có một Đức Phật nói với đại sư Vinh rằng: “Ta là Phật Thích Ca Mâu Ni, vì thấy con thân tâm giới hạnh thanh tịnh cho nên đến thọ ký cho con, sau này con sẽ thành Phật, hiệu là Phổ Ninh, là một trong nghìn vị Phật ở kiếp Hiền”.

(Cũng thọ ký cho ngài Tăng Định thành Phật hiệu là Phổ Minh).

Vào mùa đông năm ấy sư Vinh viên tịch. Lúc viên tịch, có mùi hương lạ bay khắp phòng, thật lâu không mất.

---o0o---

10.15. Trong miệng mọc hoa sen

Vào triều nhà Đường, tại Minh Châu, chùa Đức Nhuận, có pháp sư Toại Đoan, trú trì chùa Đức Nhuận. Sư chuyên tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ngày đêm 12 thời, chưa từng nghỉ ngơi, càng già càng siêng năng.

Vào đời Đường Ý Tông, niên hiệu Hoạc Thông năm thứ 2, sư ngồi kiết già rồi hốt nhiên viên tịch.

Sau khi viên tịch không lâu, trong miệng mọc ra một cành hoa sen 7 cánh. Thi thể của ngài chôn ở dưới núi, phía đông, trong khoảng hai mươi năm, ngôi mộ thường phát ra hào quang, mọi người khai quật mộ lên, mở nắp hòm ra vẫn thấy dung mạo hình sắc thi thể ngài như cũ không thay đổi, không hư hại, không thối rữa, giống y như lúc người còn sống. Đại chúng liền rước di thể của Ngài về lại trong chùa, phủ lên người ngài một lớp vàng để bảo quản, cúng dường như xưa. Hiện nay chùa Ứng Nhuận (Tổng Cao Tăng Truyện gọi là chùa Đức Nhuận), gọi là Viện Chân Thân.

---o0o---

10.16. Thầy thí thực

Pháp Du Già Diệm Khẩu thí thực có duyên khởi từ ngài A Nan. Một hôm, A Nan đang ngồi thiền thì có ngạ quỷ đến xin ăn và dọa rằng ba ngày sau ngài sẽ chết nếu không bố thí cho chúng. A Nan đem chuyện kể lại đức Thế Tôn nghe và hỏi Phật phải dùng phương tiện thí thực như thế nào thì được thoát nạn khổ này? Phật bảo A Nan: “Có thần chú đà-la-ni tên gọi là “Vô lượng oai đức tự tại quang minh thù thắng diệu lực”, nếu có người tụng chú đà-la-ni này thì có thể đầy đủ thức ăn thượng diệu cho na-do-tha trăm ngàn hằng hà sa vô số ngạ quỷ và Bà-la-môn, tiên nhân v.v... Tất cả các chúng như vậy cho đến mỗi mỗi đều được bảy bảy bốn chín hạt cơm của nước Ma-ca-đà. A Nan! Ta ở kiếp trước làm một Bà-la-môn, nơi chỗ Bồ tát Quán Thế Âm và Thế Gian Tự Tại Oai Đức Như Lai, được chú đà-la-ni này, có thể phân phát thức ăn bố thí cho vô lượng ngạ quỷ và chư tiên v.v... khiến cho hết thảy các loài ngạ quỷ được giải thoát khổ đau và sanh lên cõi trời. A Nan! Ông nay thọ trì chú này thì phước đức thọ mạng đều được tăng trưởng”. “Phật nói kinh cứu bạt diệm khẩu ngạ quỷ đà-la-ni”, là kinh điển thâm nhiếp toàn bộ Mật giáo. Mật giáo do pháp Sư Kim Cang Trí và pháp sư Đại Quảng Trí Bất Không ở triều nhà Đường ra sức hoằng dương mà được đại hưng thịnh. Hai ngài có khả năng sai khiến quỷ thần, dời núi lấp biển sức mạnh oai thần không thể nghĩ bàn. Truyền được mấy đời sau thì không có người kế thừa cho nên chỉ còn lại một pháp thí thực mà thôi. Tay kiết ấn, miệng tụng chú, tâm quán tưởng, ba nghiệp thân miệng ý tương ưng gọi là làm pháp “Du Già”. Việc này không phải dễ! Người ngày nay tay kiết ấn, miệng tụng chú còn chưa được tinh thông, hưởng gì công phu quán tưởng còn khó hơn? Như vậy, công phu thân khẩu ý không được tương

ung, không đến nơi đến chốn thì không chỉ không có lợi ích cho nạn nhân, mà ngược lại còn có hại cho mình.

Tối hôm qua, tại núi Vân Thê của chúng tôi có một vị khách Tăng, bị bệnh rất nặng, đang điều trị. Hôm đó ngoài chùa đang làm lễ thí thực. Vị Tăng này nói với những người giúp ông ta rằng: “Có một con quỷ muốn dẫn tôi cùng đi ăn thí thực, tôi từ chối không đi, không lâu sau con quỷ lại trở về nói: Thầy thí thực chưa thành tâm cúng thí, báo hại chúng tôi không được ăn, chạy không một chuyến, nhất định phải trừng trị ông thầy này một phen. Thế là bọn chúng khiêng tôi cùng đi. Bọn quỷ cầm móc câu nhiễu loạn, muốn kéo ông thầy cúng thí thực xuống đất. Tôi vô cùng sợ hãi, thất thanh kêu cứu bọn quỷ mới bỏ đi”. Qua mấy ngày sau vị Tăng này chết. Trước khi chưa chết đã đi với quỷ, là điềm báo trước phải chết. Hôm đó không phải do ông ta kinh hãi kêu lên thì ông thầy trên đàn thí thực đã gặp nguy hiểm.

Không phải chỉ một sự kiện này, còn có một thầy thí thực khác không thành tâm thành ý, bị quỷ khiêng xuống nhận nước dưới sông mà chết đuối. Ngoài ra, còn có một thầy thí thực quên khóa tủ quần áo, trong lòng ông ta chỉ nhớ đến khóa chìa khóa, các loài quỷ chỉ nhìn thấy thức ăn trên bàn đều là sắt thép, cuối cùng không ăn được. Lại có một thầy thí thực khác phơi áo lông quên đem vào phòng, lúc đang cúng gặp trời mưa, trong lòng nhớ đến chiếc áo lông này, các loài nạn nhân xem thấy thức ăn trên bàn đều là lông thú. Hai người này đều bị quả báo hiện tiền. Ngoài ra có một người từng ở trong đình, đi vào địa ngục, thấy có một địa ngục hắc ám trong đó có hàng trăm vị tu sĩ, hình hài tiêu tụy, dung mạo thiếu não vô cùng đau khổ, ưu sầu, hỏi họ là người gì, mới biết đó đều là những thầy thí thực, những thầy đi cúng!

Thí thực không phải là một việc làm đơn giản, từ đây phải tăng thêm lòng tin tưởng.

Có một vị tự xưng là người Tây vực đến, chuyên làm pháp sư thí thực. Lúc ông ta hành lễ không dùng nước lạnh để súc miệng mà dùng nước sôi để trong bình, lấy tay vốc ra vẩy, những giọt nước sôi này văng ra đụng vào mặt người ta không làm bỏng. Mọi người đều rất kinh ngạc, vì vậy thỉnh mời ông ta đi cúng rất nhiều, liên tục không dứt. Tôi cho rằng việc này chẳng có gì đáng để thưởng thức. Ngày nay trên thế giới có những thầy mo hiệu ‘Đoan công thái bảo’ cũng có khả năng dùng những cuộn thép lửa hồng trôi quanh thân thể của mình, dùng dao bén đâm vào họ, thì những việc dùng tay không vốc nước sôi so với việc này chỉ là tiểu ma thấy đại ma mà thôi. Đức Phật thiết lập pháp Diệm khẩu thí thực

vốn là vì để cứu cái nghiệp lực của nọ quý mỗi khi đưa thức ăn đến miệng bị biến thành than lửa, cho nên dùng nước cam lồ và những ngữ chú, chân ngôn để tiêu diệt những phiền não khổ đau của chúng, khiến cho chúng được thanh lương. Thế thì dùng nước sôi để mà làm gì? Những lời đức Phật dạy, những kinh điển đã ghi chép lại đây để làm gì? Những người này dùng phép thuật mê hoặc chúng sanh, dụ dỗ trăm họ, thật tại tội đại cực ác, không có một tội lỗi nào có thể so sánh hơn.

Hoặc có người nói: Ông ta có thể dùng nước đồng sôi biến thành nước lạnh, cho nên không cần phải dùng nước! Thử suy nghĩ kỹ một chút, nếu quả thật như vậy thì ông ta cũng nên biến củi mục thành trầm hương, đàn hương mà bắt tất phải dùng hương; đem bóng tối biến thành ánh sáng mà không cần phải dùng đèn; đem ngói gạch biến thành trái táo, trái lựu mà không cần phải mua sắm trái cây; đem cây cỏ biến thành mẩu đơn, thực dược mà không cần phải dùng hoa; đem bùn đất biến thành lúa nếp, lúa mạch, lúa mùa, lúa tẻ, mà không cần đến cơm gạo. Nếu quả thật như vậy vì sao hôm nay ông ta không đem nước sôi sôi biến ra những hương, hoa, đèn, cái cây, cơm gạo v.v...? người mắt sáng nên suy nghĩ kỹ một chút!

TỔNG LUẬN

Tôi ghi chép tôn hạnh của chư vị cổ đức đến đây lấy chương Cảm ứng làm chương kết, có người cười nói:

“Cái gọi là đạo thì không cần phải mượn sự tu trì, mượn sự ấn chứng, chân như tự tánh vốn đầy đủ; không tu, không chứng tức là vốn không có cảm ứng, xưa nay không có một vật, bụi bặm bám vào đâu? Tâm không định như vậy, thầy không phải là người nhớ ghi cảm ứng để biến thành mưu kế tìm cầu danh lợi sao?”

Tôi trả lời: “Đánh vào trống thì trống phát ra âm thanh, trăng soi xuống nước thì thấy bóng trăng, đó là cái đạo lý rất tự nhiên, đâu cần phải có mưu kế và tìm cầu? Cho nên, vào triều nhà hậu Hán, có trung thần Lượng Phu, lúc bấy giờ đất nước đang gặp mùa hạn hán, ông ta lập đàn trên núi cầu trời, tự phơi mình ngoài nắng, vì thần dân trăm họ mà cầu phước, phát thệ nguyện rằng, đến trưa mà trời không mưa thì ông ta sẽ dùng thân mình để tạ tội, chắt củi tự thiêu. Đến trưa hôm đó, mây đổi sắc, trời mưa xối xả, hết thấy đều được thấm nhuần. Người đời gọi đó là lòng chí thành mà được. Lại nữa, vào triều nhà Tấn, hiếu tử Vương Tường, sớm mồ côi mẹ, ông đối xử với mẹ kế rất chí hiếu. Cha mẹ có bệnh, ông hầu hạ không mệt mỏi. Mẹ ông thèm ăn cá tươi, bấy giờ trời

đang mùa đông, trên đất tuyết phủ băng dày, Vương Tường cởi áo nằm ra trên đất, băng tự nhiên tan và có cá nhảy ra, ông đem cá trở về dâng mẹ. Lòng chí trung, chí hiếu mà có cảm ứng đó là đạo lý rất bình thường! Đâu có gì lấy làm lạ lùng? Giả như không có cảm ứng thì không thể nói một chút nhân quả, báo ứng. Trong Chứng đạo ca, Thiền sư Vĩnh Gia có nói: “Thông suốt được lẽ không mà bỏ mất đạo lý nhân quả thì tai ương, họa hoạn khó lường”, chính là sợ người tu hành chấp vào cái ngoan không, dễ phủ nhận nhân quả, mịt mịt mờ mờ, bất tri bất giác trôi lăn trong vạn kiếp khổ đau. Người tu hành có thể không cẩn thận, lo sợ sao?

---o0o---

Hết